

**Tài liệu**

**Giáo dục và phát triển**

## LỜI MỞ ĐẦU

Tác hiệu này được biên soạn cho nhân viên xã hội, tác viên cộng đồng, cán bộ đoàn thể có nhiệm vụ giáo dục quần chúng.

Môi trường hoạt động của họ nằm ngoài học đường và đối tượng của họ là những thanh thiếu niên và người lớn nghèo, thất học. Họ là nạn nhân của một quá trình phát triển thiếu cân bằng, một nền giáo dục bất cập, khiến cho họ bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Để giúp họ tự nâng cao nhận thức và năng lực để cải thiện cuộc sống và môi trường xung quanh, cần một phương pháp sư phạm rất đặc biệt trong đó người học là trung tâm.

Chỉ có phương pháp giáo dục chủ động với sự tham gia tích cực của người học mới tạo được sự đổi mới cần thiết trong nhận thức, thái độ và hành vi. Do đó trong môn học này phương pháp hay tiến trình cũng quan trọng như nội dung.

Đây không phải là một tài liệu để học mà để hướng dẫn những bài tập thực hành trong lớp, những nội dung thảo luận nhằm giúp sinh viên nên phát triển tư duy độc lập và sáng tạo.

Nguyễn Thị Oanh

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN</b> -----	4
1. Tình hình giáo dục trên thế giới-----	4
2. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển tại vùng Châu Á Thái Bình Dương-----	4
3. Giáo dục ở các nước đang phát triển tại vùng Châu Á Thái Bình Dương-----	5
4. Những nỗ lực và xu hướng mới trong giáo dục-----	8
<b>CHƯƠNG II: GIÁO DỤC ĐỂ ĐỔI MỚI XÃ HỘI</b> -----	12
1. Ba cách tiếp cận hay triết lý giáo dục-----	12
2. Giáo dục để phát triển và diễn tiến của giáo dục phi chính quy-----	13
3. Giáo dục chủ động và sự hình thành phương pháp sư phạm mới-----	15
4. Tâm lý học tập-----	17
5. Giáo dục giác ngộ hay giáo dục thức tỉnh, chìa khóa của giáo dục phát triển-----	21
<b>CHƯƠNG III: CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ MỘT CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN, MỘT KHÓA HUẤN LUYỆN</b> -----	24
1. Thẩm định nhu cầu học tập-----	24
2. Chọn lựa, tìm hiểu học viên-----	26
3. Thiết lập mục tiêu học tập-----	28
4. Thiết kế một kế hoạch hay một chương trình đào tạo-----	30
<b>CHƯƠNG IV: VÀO CHÍNH KHÓA</b> -----	33
1. Khai giảng-----	33
2. Khởi động bằng cách tạo bầu không khí thuận lợi-----	33
3. Xây dựng nhóm-----	35
4. Phương pháp và công cụ-----	35
5. Lượng giá-----	42

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## CHƯƠNG I

- A. Mối tương quan giữa giáo dục và phát triển.
- B. Tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người.
- C. Khoảng cách Bắc - Nam về giáo dục ngày càng lớn.
- D. Trẻ em nghèo: được giáo dục để khỏi bị loại trừ.

## CHƯƠNG II

- A. Ba cách tiếp cận trong giáo dục cộng đồng.
- B. Kiến thức để phát triển.
- C. Tính trung thực.
- D. Những người mẫu trong cuộc đời.
- E. Thầy, trò ai là trung tâm.

## CHƯƠNG III

- A. Diễn tiến đào tạo.
- B. Tìm hiểu nhu cầu huấn luyện cho thư ký.

## CHƯƠNG IV

- A. Phương pháp đối thoại với cử tọa đông người.
- B. Thảo luận nhóm.
- C. Phương pháp động não.
- D. Phương pháp sắm vai.
- E. Sân khấu quần chúng, công cụ của phát triển.
- F. Bảng lượng giá môn giáo dục phát triển.

# **CHƯƠNG I**

## **GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN**

### **1. Tình hình giáo dục trên thế giới**

Từ lâu ai cũng biết giáo dục là điều kiện không thể thiếu cho sự phát triển của cá nhân và xã hội. Vì thế nó được xem là quyền cơ bản của mọi người, nam như nữ, thuộc mọi lứa tuổi và ở bất cứ nơi nào. Giáo dục đóng góp vào việc cải thiện sự an toàn, sức khỏe, sự phồn vinh và đem lại sự cân bằng sinh thái cho thế giới. Nó cũng đem lại sự tiến bộ kinh tế, văn hóa xã hội, sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa các quốc gia.

Vậy mà tình hình giáo dục nói chung trên thế giới không khả quan và đặc biệt ở các nước đang phát triển có nhiều điều đáng lo ngại:

- Gần 100 triệu trẻ em trong đó có đến 60 triệu là nữ, không được đến trường.
- Hơn 960 triệu người lớn mà 2/3 là nữ bị mù chữ và tất cả các nước công nghiệp hóa như đang phát triển đều phải đối phó với nạn mù chữ trực dụng.
- Hơn 1/3 người lớn trên thế giới không tiếp cận được với ấn phẩm, các hiểu biết và kỹ thuật công nghệ để cải thiện đời sống của chính bản thân, để góp phần vào sự biến đổi văn hóa xã hội và thích nghi với những biến đổi ấy.
- Hơn 100 triệu trẻ em và một số rất đông người lớn không hoàn tất trình độ học vấn cấp I mà họ đã bắt đầu. Hàng năm người khác học xong cấp I nhưng không đạt được những kiến thức và sự thành thạo cần thiết cho cuộc sống.

Ngoài ra thế giới còn đang đối phó với những vấn đề to lớn như nợ nước ngoài, sự trì trệ hay xuống dốc của nền kinh tế, sự phân hóa giàu nghèo giữa và bên trong các quốc gia, sự bùng nổ dân số, chiến tranh, nội chiến, tội phạm, tử vong trẻ em và sự xuống cấp của môi trường sinh thái... Những vấn đề trên là trở ngại to lớn cho giáo dục cơ bản và sự thiếu những hiểu biết cơ bản của một bộ phận khá lớn trong dân làm cho việc giải quyết các vấn đề trở nên càng khó khăn.

### **2. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển thuộc vùng Châu Á Thái Bình Dương**

Có một sự khác biệt đáng kể về trình độ phát triển của các nước trong vùng ví dụ như giữa Nhật và các nước như Lào, Campuchia hay Việt Nam.

Ở đây ta quan tâm tới 29 quốc gia được xếp vào loại đang phát triển có Việt Nam.

Dân số các nước này đã vượt 2,5 tỉ (chiếm 1/2 dân số thế giới) và sự gia tăng dân số tiếp tục là một cản trở lớn cho phát triển. Dân số ở độ tuổi 0 - 14 chiếm tới 38%. Điều này có nghĩa là chỉ việc phát triển giáo dục về mặt số lượng, các quốc gia cũng đủ đuối sức. Đó là xây thêm trường, đào tạo thêm thầy, nhận thêm học sinh v.v... Đây là một nỗ lực vô cùng to lớn đối với các nước vốn đã nghèo.

Sự gia tăng dân số còn tạo thêm vô số vấn đề khác như thất nghiệp, di dân, và các vấn đề này đến lượt nó tác động vào cấu trúc gia đình, hành vi của cá nhân v.v... Để phát triển kinh tế nhanh, nhiều quốc gia tập trung đầu tư vào các lãnh vực công nghiệp và khoa học kỹ thuật hiện đại và dĩ nhiên là tập trung ở thành thị. Đầu tư vào lãnh vực hiện đại ngốn những nguồn vốn to lớn và nông thôn chịu nhiều thiệt thòi.

Đáng quan tâm hơn nữa là cuộc khủng hoảng văn hóa do đòi hỏi của sự thích nghi nhanh chóng với các mô hình sản xuất hiện đại. Trong lúc phương Tây có 200 năm để tuần tự xây dựng kiến thức và thái độ hầu chuẩn bị cho người dân những thói quen và nếp sống phù hợp với mô hình sản xuất hiện đại thì các nước đang phát triển phải làm điều đó trong một giai đoạn rất ngắn.

Sự phân hóa kinh tế, sự thay đổi quá nhanh chóng khiến cho một số người phải tự đào thải, bị gạt ra ngoài lề đối với tiến trình phát triển và bị mất phương hướng. Xu hướng phản kháng xã hội, nghiện ngập, tội phạm sẽ ngày càng tăng. Trong vùng hàng năm có 15 triệu người trở thành tàn tật do bệnh tật, thiếu dinh dưỡng hay tai nạn. Thêm vào đó số người cao tuổi không còn chỗ dựa ở gia đình mà An sinh xã hội chưa phát triển đủ để chăm sóc họ cũng tăng.

Tất cả các nhân tố trên tạo ra nhiều xáo trộn và căng thẳng trong xã hội.

Cuối cùng sự tàn phá môi sinh đến mức báo động. Người ta dự trù đến năm 2000 thì vùng Châu Á Thái Bình Dương sẽ mất 80 triệu hecta rừng, dẫn tới xói mòn đất, lũ lụt và hạn hán trầm trọng. Ô nhiễm nước và không khí không ngừng gia tăng.

“Nghiêm túc kiểm điểm theo tinh thần nghị quyết Trung ương II, phải nhận rằng trong mấy năm qua giáo dục có phần lệch về dạy chữ, ít dạy nghề, không chú trọng dạy người” (Giáo sư Phạm Mạnh Hạc, Báo Nhân Dân 9 -2 -1997)

### **3. Giáo dục ở các nước đang phát triển trong vùng Châu Á Thái Bình Dương**

#### **3.1 Vấn đề số lượng**

Đối với các nước này nội việc bắt kịp đà tăng dân số cũng đủ đuối sức, và họ đã có những nỗ lực vượt bực nhờ đó ở đầu thập kỷ 80 trẻ ở độ tuổi 6 -11 không đến trường chỉ còn là 29% so với 51% ở thập kỷ 60. Và ở độ tuổi 6 -23 là 59% (1980) thay vì 74% (1960). Tuy nhiên do đà tăng dân số, con số tuyệt đối của trẻ không đến trường ở độ tuổi này lại tăng từ 249 tới 356 triệu (chỉ có Trung Quốc là trường hợp ngoại lệ).

Trình độ biết đọc viết của người lớn là chỉ báo quan trọng nhất để đánh giá sự phát triển giáo dục ở các nước đang phát triển. Mặc dù tỉ lệ người lớn biết chữ ở các nước này đã tăng từ 54% những năm 70 đến 64% những năm 80, nhưng con số tuyệt đối người mù chữ từ 15 tuổi trở lên lại tăng từ 530 triệu trong thời kỳ này. Đây mới là con số bình quân vì có nơi số người biết đọc, viết chỉ chiếm 30% dân số.

Có những quan hệ chặc chẽ giữa trình độ biết chữ thấp của người lớn, số trẻ đến trường thấp và độ tăng dân số và thu nhập đầu người thấp.

#### **3.2 Chất lượng và hiệu quả**

Khắc phục yếu kém từ gốc độ số lượng đã vô cùng khó khăn nhưng giải quyết vấn đề chất lượng thì phức tạp hơn nhiều. Trước tiên tất cả các nước nói trên đều là cựu thuộc địa và thừa kế mô hình giáo dục của thực dân. Mà mục đích giáo dục của thực dân chỉ là đào tạo một thiểu số ưu đãi để làm trung gian giữa họ và quần chúng mà thực dân không hề có ý định mở mang. Xuất phát từ một bối cảnh kinh tế, xã hội văn hóa hoàn toàn khác biệt mô hình giáo dục mà thực dân đã áp đặt cho các thuộc địa rõ ràng là không phù hợp với nhu cầu phát triển của các nước nghèo mới dành được độc lập này. Những thoát khỏi dấu ấn của mô hình ấy là một quá trình đầy gian nan mà có thể nói cho tới nay nhiều nước chưa làm được một cách dứt khoát.

Khái niệm chất lượng và hiệu quả bao gồm nhiều nhân tố. Ở đây ta chỉ sẽ tập trung vào hai loại nhân tố cơ bản nhất. Thứ nhất là các nhân tố tạo điều kiện, giúp cho việc học được dễ

dàng (đầu vào); thứ hai là làm sao cho kết quả học tập tạo ra được những thay đổi hành vi cần thiết (đầu ra). Và hiệu quả chính là tổ chức thế nào để các nhân tố “đầu vào” dẫn đến “đầu ra” mong muốn.

Chỉ báo thiếu hiệu quả quan trọng nhất là sự phung phí biểu hiện qua lưu ban và bỏ học. Có nước tỉ lệ thất thoát lên tới 60%. Trong hai niên khóa 80 - 81 và 82 - 83 Indonesia có một chương trình xây cất trường tiểu học lên đến 14.000 đơn vị. Tuy nhiên chỉ trong một niên khóa số lượng học sinh bỏ học tương đương với số có thể chiếm 12.000 ngôi trường (tương đương với 12% số trường tiểu học của Indonesia vào thời điểm đó).

Tuy nhiên hiệu quả không chỉ có nghĩa là tỉ lệ cao của số học sinh hoàn tất chương trình học mà điều quan trọng là chính những gì chúng học được. Ở các nước đang phát triển các nhược điểm chung là:

- Học từ chương, thuộc lòng để trả bài thay vì để hiểu biết, phân tích, đánh giá.
- Mặt khác người ta chỉ quan tâm đến mặt trí tuệ mà coi nhẹ giáo dục về tâm lý vận động, thái độ và các mặt xã hội khác; mà các yếu tố này rất quan trọng cho việc hình thành động cơ, đạo đức trong lao động và về lâu về dài ảnh hưởng đến chất lượng sống nói chung sau này.

Các nguyên nhân, ngoài ảnh hưởng của nền kinh tế xã hội và môi trường gia đình, gồm chất lượng dạy kém, thiếu các học cụ, trang thiết bị cũng như tổ chức lớp học và sử dụng mặt bằng kém hiệu quả. Kinh nghiệm cho thấy sự cải tiến một trong các nhân tố này làm tăng ngay số học sinh ghi danh. Ví dụ như tăng cường sách giáo khoa hay phương tiện trực quan. Nhưng có nơi không đòi hỏi phải tốn kém mà chỉ cần thay đổi phương pháp giảng dạy là hiệu quả tăng.

### ***3.3 Tính phù hợp với mục tiêu phát triển quốc gia***

Một hệ thống giáo dục có chất lượng cao cách mấy mà không hướng về mục tiêu phát triển của một đất nước về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thì vẫn vô dụng. Một ví dụ có thể nêu lên là Việt Nam sau độc lập một số trường tư cao cấp đào tạo ra những cậu ấu cô chiêu của giai cấp trung và thượng lưu theo kiểu của “mẫu quốc”. Những năm đầu mới dành độc lập, tất cả các nước đều có những nỗ lực to lớn để địa phương hóa giáo dục chủ yếu bằng cách sử dụng quốc ngữ thay cho ngoại ngữ. Tuy nhiên đây mới là một cách tân trang bên ngoài vì cốt lõi là nội dung thì chậm được thay đổi. Kết quả của nền giáo dục này là một thiểu số thuộc tầng lớp thượng hay trung lưu không hòa nhập được với xã hội của chính họ, chạy theo nền văn hóa ngoại lai và trở nên bất mãn. Đẳng khác đa số dân bị bỏ quên trong hoàn cảnh dốt nát, lạc hậu sống trong sự lệ thuộc.

Vấn đề cơ bản là làm sao hệ thống giáo dục chuẩn bị được thế hệ trẻ một cách phù hợp và ít tốn kém nhất để đáp ứng những yêu cầu phát triển đất nước. Hầu hết các nước đều nhằm vào việc đào tạo để cung ứng nguồn lao động cho thị trường quốc tế. Tuy nhiên dự đoán không phải luôn luôn là chính xác. Ngoài ra chỉ tập trung vào lãnh vực hiện đại cũng dần tới sự phân hóa xã hội giữa nhóm người hòa nhập được với quá trình phát triển và số người bị tụt hậu vì không theo kịp.

Ở cấp trung học học sinh phải được chuẩn bị tốt để đi vào lãnh vực công nghệ. Do đó các nhu cầu học tốt các môn như khoa học, toán học v.v... nhưng vấn đề không chỉ là nội dung mà phương pháp dạy và học thế nào để tạo ra khả năng sáng tạo, và thích nghi với những chuyển biến nhanh chóng trong lao động cũng như trong đời sống, để làm việc một cách độc lập, và biết giải quyết vấn đề thay vì chỉ cố nhớ những công thức trừu tượng hay để thi cho đậu. Tuy nhiên

muốn dạy khoa học và toán học theo kiểu giải quyết vấn đề thì sự đào tạo của thầy cô sẽ phải khác đi nhiều.

### ***3.4 Năng về sĩ số lên lớp, nhẹ về chuẩn bị vào đời***

Hệ thống thi cử vào cho điểm nhằm vào mục tiêu cho học sinh lên lớp hơn là nhằm vào xây dựng kiến thức và thái độ của các em sẽ rời ghế nhà trường để trở về với gia đình và cộng đồng tham gia lao động sản xuất. Thường thì mục tiêu giáo dục hoàn toàn xa rời với nhu cầu của trẻ nghèo ở vùng nông thôn xa xôi hay ở các cộng đồng dân cư rất nghèo ở thành thị. Như thế giáo dục góp phần gia tăng sự bất công giữa các nhóm dân cư khác nhau.

Tới nay giáo dục cơ bản của đa số các nước đang phát triển trong vùng vẫn chưa thoát khỏi việc đào tạo ra những người trẻ nặng về sách vở hơn là được chuẩn bị cho cuộc sống.

Về đào tạo nghề có hai xu hướng: một là học nghề tại một cơ sở sản xuất hay các khóa đào tạo do các công ty tổ chức hay tài trợ, hai là tại các trường dạy nghề trung cấp. Thiếu sót chung là chưa có sự hòa nhập những điều học tập với thực tiễn xã hội. Trẻ không được tiếp cận với môi trường công nghệ và không được định hướng trước khi bước vào đào tạo nghề. Nói chung các nước đang phát triển trong vùng cần có nỗ lực lớn hơn nữa để tổ chức đào tạo nghề một cách hiệu quả.

### ***3.5 Giáo dục thái độ, giá trị, xã hội và công dân***

Đây là một mảng hết sức quan trọng và cơ bản mà các nước đang phát triển trong vùng chưa thực hiện được. Người ta nhận thấy một sự cách biệt rất lớn giữa sự phát triển nhanh các kiến thức và kỹ năng khoa học kỹ thuật hiện đại và thái độ hành vi phù hợp với môi trường hiện đại: ví dụ như tác phong công nghiệp, tổ chức đời sống và công việc một cách khoa học và trên hết khả năng áp dụng công nghệ học hiện đại một cách phù hợp an toàn và có lợi. Đặc biệt trong các mối quan hệ xã hội các nhận thức và hành vi lỗi thời là một trở ngại lớn. (Ví dụ một nền hành chánh dựa trên cơ sở tình cảm cá nhân, họ hàng...). Đến nay ngành giáo dục trong vùng chưa nhấn mạnh đủ đến sự hình thành thái độ và cách ứng xử duy lý và khoa học cho đa số quần chúng.

Ảnh hưởng rất tiêu cực của phát triển kinh tế và công nghiệp đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên thật nguy kịch nhưng giáo dục môi trường chưa được lồng trong giáo dục khoa học và công nghệ.

Giáo dục dân số chưa được áp dụng một cách nghiêm túc để đạt hiệu quả.

Lợi ích vật chất và lợi ích riêng được nhấn mạnh nhiều hơn là sự hình thành bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân.

Các nhà giáo dục đi đầu cho rằng kiến thức tinh vi, kỹ năng tốt sẽ vô dụng nếu không đi đôi với đạo đức, với những giá trị văn hóa xã hội đúng đắn. Thậm chí chúng trở thành nguy hiểm nếu thiếu vắng cái về thứ hai này mà phần lớn các nước đang phát triển chưa thành công trong việc đưa vào nội dung giáo dục chính thức.

### ***3.6 Bộ máy quản lý, hoạch định và ngân sách***

Bộ máy yếu kém thiếu nhân sự giỏi, có động cơ tích cực thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành liên quan, và trên hết sự thiếu hụt ngân sách triền miên là nguồn gốc của các khó khăn.



## **4. Những nỗ lực và xu hướng trong giáo dục**

### ***4.1 Khái niệm phát triển mở rộng và vai trò giáo dục***

Khái niệm phát triển thu hẹp vào tăng trưởng kinh tế đã thất bại và ngày nay được mở rộng để bao gồm cả phát triển xã hội với sự quan tâm đặc biệt đến các thành phần thiệt thòi nhất trong xã hội bằng sự phân phối công bằng các cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và xã hội.

Trong bối cảnh này giáo dục không chỉ là một lĩnh vực chuyên biệt như nông nghiệp hay công nghiệp mà nó là một tác nhân bao trùm, hiện diện trong mọi nỗ lực phát triển. Giáo dục phải giúp giải quyết những vấn đề phát triển hết sức phức tạp nên nó là một động lực phát triển mang tính chất đa chiều trong một bối cảnh liên ngành, trong đó CON NGƯỜI vừa là cứu cánh vừa là công cụ. Nhằm mục tiêu phát triển, giáo dục đáp ứng bốn nhu cầu sau đây:

- Nhu cầu cơ bản tối thiểu về giáo dục
- Nguồn nhân lực
- Hiệu quả
- Công bằng xã hội

### ***4.2 Giáo dục là một nhu cầu cơ bản và một phương tiện thỏa mãn các nhu cầu cơ bản khác***

Con người vẫn có một nền tảng rộng về kiến thức, thái độ, giá trị và kỹ năng để dựa vào đó mà chuẩn bị cho mai sau, mặc dù họ có thể không theo một ngành học chính quy. Giáo dục như thế trang bị cho họ một tiềm năng để học, để đáp ứng với những cơ hội mới, để thích nghi với những thay đổi về văn hóa, xã hội và để tham gia vào các hoạt động văn hóa xã hội, chính trị. Vì xã hội luôn luôn phát triển, giáo dục trở thành một điều kiện cần thiết giúp cho cá nhân gắn bó với nền văn hóa chung.

Giáo dục sẽ ảnh hưởng và nhận sự tác động của việc tiếp cận các nhu cầu cơ bản khác như: dinh dưỡng phù hợp, nước uống an toàn, dịch vụ sức khỏe, nhà ở. Dự giảm bớt các bệnh đường ruột và bệnh ký sinh trùng chẳng hạn có được là nhờ giáo dục. Nước sạch, chương trình sức khỏe sẽ làm tăng giá trị dinh dưỡng của cùng một số lượng thực phẩm. Ngược lại sự cải tiến dinh dưỡng, đặc biệt nơi trẻ sơ sinh và trẻ em sẽ cải tiến năng lực học tập của chúng và những lợi ích có được từ giáo dục sẽ làm tăng năng suất và thu nhập. Đúng là nước sạch làm tăng cường sức khỏe nhưng nó có được tác dụng này hay không tùy thuộc vào trình độ học vấn và hiểu biết của người dùng nó.

### ***4.3 Giáo dục cho mọi người***

Là một nhu cầu cơ bản giáo dục là quyền của mọi người. Trước tiên là mỗi người phải hoàn thành một nền giáo dục cơ bản gồm các điều kiện học tập thiết yếu như: đọc viết, diễn đạt bằng lời nói, làm toán, giải quyết các vấn đề cũng như nội dung cơ bản (tri thức, năng khiếu, giá trị) mà con người cần để tồn tại và phát triển mọi năng lực, sống và làm việc đúng phẩm cách, để tham gia đầy đủ vào phát triển, để nâng cao chất lượng sống của mình, để có những quyết định sáng suốt và để tiếp tục học tập.

Với nền tảng cơ bản này cá nhân phải tham gia đóng góp vào di sản văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo vệ văn hóa chính trị là tham gia vào sự giáo dục của người khác.

Giáo dục cho mọi người có nghĩa là bằng mọi cách xóa bỏ sự bất công trong cơ hội và điều kiện học tập giữa các vùng khác nhau trong nước, giữa nông thôn và thành thị, nam và nữ v.v...

Ba nhóm mục tiêu ưu tiên là người lớn mù chữ nói chung, phụ nữ và trẻ em bỏ học. Không được lãng quên một thành phần nào trong xã hội: phụ nữ phải được dành ưu tiên tuyệt đối, cần nỗ lực tối đa cho trẻ em đường phố, khuyết tật, dân tộc ít người...

#### **4.4 Nội dung giáo dục phải bao trùm và phù hợp với thực tiễn xã hội**

Giáo dục không thể đáp ứng yêu cầu của phát triển nếu chỉ thu hẹp vào các ngành cốt lõi: văn, toán, lý, hóa... mà giáo dục sức khỏe, dân số, môi trường, tiêu dùng, phụ nữ trong phát triển, kỹ thuật nông nghiệp, giáo dục công dân, đời sống gia đình... phải được đưa vào chương trình chính quy.

#### **4.5 Mở rộng hình thức**

Như đã nói trên, chương trình giáo dục chính quy (formal education) ở trường lớp từ mẫu giáo đến hậu đại học là một thiết chế giáo dục chính thức của mọi quốc gia nhằm giúp người học hòa nhập vào guồng máy xã hội thông qua việc thi cử hợp pháp. Tuy nhiên ngay ở cấp I, và II là trình độ phổ cập tối thiểu, một số lớn trẻ em đã bị loại bỏ ra ngoài hệ thống khi chưa hoàn tất chương trình. Trẻ này trở thành những người lớn mù chữ, thiếu nền tảng giáo dục căn bản để tham gia vào tiến trình phát triển. Chính thành phần này là gánh nặng to lớn cho sự tiến lên của một đất nước.

*4.5.1 Giáo dục phi chính quy (non-formal education)* ra đời nhằm bổ sung khiếm khuyết trên cách đây vài thập kỷ để đáp ứng yêu cầu phát triển. Học ở đây không phải để lấy bằng cấp mà để sống tốt hơn và làm việc có hiệu quả hơn. Lúc đầu nó đáp ứng nhu cầu của trẻ em bỏ học, người lớn mù chữ hay thiếu những kiến thức cơ bản về vệ sinh, trồng trọt v.v... Ngày nay nó đáp ứng mọi nhu cầu học tập của con người từ kỹ thuật đến văn hóa, từ xây dựng gia đình, giáo dục con cái tới lãnh đạo vào tổ chức ngoài xã hội.

Giáo dục phi chính quy trở thành một bộ phận hữu cơ của giáo dục nói chung và góp phần giải quyết các vấn đề lớn của phát triển một cách có hiệu quả đặc biệt trong lãnh vực dân số, môi trường, phát triển cộng đồng, tiêu dùng v.v...

Nhờ xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống giáo dục phi chính quy góp phần quan trọng vào việc thay đổi khái niệm giáo dục và đặc biệt vào việc đổi mới phương pháp giáo dục.

#### *4.5.2 Giáo dục từ xa (distance education)*

Đang là một phong trào thời thượng để tiếp cận với đông đảo quần chúng ở vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện cho nhiều người vì kế sinh nhai hay nhiều lý do khác không tới trường được. Thực hiện được giáo dục từ xa là nhờ các phương tiện truyền thông hiện đại. Tuy nhiên không nên nhìn vấn đề một cách đơn giản khi đồng hóa giáo dục với thông tin một chiều. Sự tương tác giữa người dạy và người học, sự phản hồi các người học là then chốt trong giáo dục. Ngoài những buổi tập trung, thì cứ các nước công nghiệp còn sử dụng hệ thống truyền thông hai chiều (câu truyền hình) để có sự đối đáp ngay trong buổi dạy. Ở từng địa phương sự tiếp nhận có tổ chức và giáo viên theo dõi hướng dẫn thêm. Có thể việc học tập mới thực sự có hiệu quả.

#### *4.5.3 Những mô hình ít tốn kém nhất*

Khi nói đến giáo dục nhất là cho trẻ em người ta nghĩ ngay đến trường lớp khang trang nhưng thật ra trẻ có thể học dưới mái nhà tranh, ở sân chùa. Điều kiện tiên quyết là người dạy, nội dung và phương pháp. Một ví dụ cụ thể là những lớp học giả chiến cho trẻ đường phố được tổ chức khắp nơi trên thế giới.

#### 4.5.4 Cách mạng trong phương pháp

Phương pháp là vấn đề cốt lõi mà tầm quan trọng ngang hàng với nội dung. Phương pháp xuất phát từ triết lý và tâm lý giáo dục là nội dung của các chương kế tiếp.

Vài câu hỏi gợi ý cho sinh hoạt nhóm:

- Bạn phải chia thành nhóm học tập từ 6 - 8 người để thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên và giữ nhóm đến cuối khóa học.
- Hãy mô tả chân dung người trẻ Việt Nam hiện nay (trong đó có bạn) với mặt mạnh mặt yếu của họ như là sản phẩm của giáo dục học đường.
- Hãy xem xét người Việt Nam hiện nay với tư cách công dân nơi công cộng, sở làm, trong giao tiếp, bảo hộ sức khỏe, môi trường v.v... Còn những mặt bất cập nào phải khắc phục để trở thành công dân tốt cho một xã hội “văn minh hiện đại” ? (Báo cáo kết quả theo một trong các hình thức trên).

## **CHƯƠNG II**

### **GIÁO DỤC ĐỂ ĐỔI MỚI XÃ HỘI**

#### **1. Ba cách tiếp cận hay triết lý giáo dục**

##### **1.1 Giáo dục bảo thủ** (Conservative approaches)

Từ ngàn xưa văn hóa, giáo dục là tác nhân ổn định xã hội. Lòng hiếu thảo, lễ phải, những giá trị xã hội, tinh thần dân tộc, v.v... được ca ngợi qua các ngụ ngôn, bài thơ, sản phẩm văn học. Điều này rất cần thiết cho sự sống còn của một xã hội.

Nhưng văn hóa giáo dục cũng được các chế độ thực dân, độc tài, phát xít sử dụng như công cụ đàn áp hay ngu dân. Ví dụ: dưới thời Pháp thuộc, học sinh Việt Nam không biết gì về lịch sử nước nhà mà thuộc lòng lịch sử của “mẫu quốc”. Người Việt Nam tay sai của Pháp thì lại khinh miệt và đàn áp đồng bào mình.

Có khi không cố tình, nhưng mọi xã hội bảo thủ đều sử dụng giáo dục để duy trì những xu hướng và giá trị bảo thủ của mình. Khi trình độ chưa cao thì người ta làm việc ấy một cách lộ liễu. Còn khi xã hội phát triển thì người ta sử dụng các luận cứ có vẻ “khoa học”, tính kinh điển để duy trì sự tuân thủ.

Thực chất giáo dục diễn đạt quan điểm của một thiểu số ưu đãi nhằm giữ nguyên trạng xã hội và củng cố vị trí của họ.

##### **1.2 Giáo dục theo chủ nghĩa tự do** (Liberal approaches)

Dân trí ngày càng cao, tự do cá nhân ngày càng được nhấn mạnh, người dân không còn chấp nhận một sự tuân thủ không điều kiện nữa. Giáo dục cũng thay đổi và đề cao sự tự định hướng của cá nhân, cũng như tiềm năng tự do và kinh nghiệm của người học. Các phương pháp chủ động được sử dụng, sự phản hồi của học viên được quan tâm nhiều hơn.

Giáo dục theo chủ nghĩa tự do (liberalism) nhấn mạnh đến sự thay đổi thái độ và hành vi của người học... nhưng để thích nghi với xã hội. Xu hướng này cho rằng giáo dục là “trung lập” và né tránh việc nhìn vào cấu trúc xã hội mà thực chất họ muốn duy trì. Họ cũng quan tâm đến công bằng xã hội nhưng né tránh việc đề cập đến nguyên nhân cội nguồn của nó.

Dù sao, đây là một bước tiến bộ so với giáo dục bảo thủ vì cá nhân người học được quan tâm hơn nhiều và từ đây xuất hiện nhiều phương pháp giáo dục mới như đối thoại giữa người dạy và người học, thảo luận nhóm v.v.... thay vì chỉ có hình thức giảng một chiều từ trên xuống.

##### **1.3 Giáo dục biến đổi xã hội:** (Transformational approaches)

Giáo dục theo chủ nghĩa tự do là công cụ chính yếu của chủ nghĩa tư bản để duy trì các mối quan hệ và cấu trúc xã hội bóc lột nhưng được che đậy bởi những hoạt động bề mặt hết sức tự do thoải mái, Do đó, tầng lớp trung lưu hay khá giả rất thỏa mãn với môi trường sống của họ và những kẻ đặc quyền đặc lợi còn tham gia củng cố chế độ ấy nữa.

Xuất phát từ các phong trào cách mạng và tiến bộ, giáo dục biến đổi xã hội chủ trương rằng mục đích của giáo dục không chỉ là giúp cá nhân tự thay đổi bản thân mà còn để cho chính

họ thay đổi môi trường sống, các mối quan hệ và tổ chức xã hội của họ. Vì chẳng lẽ con người lại phải phục tùng và phục vụ một xã hội bất công và bóc lột con người. Chủ trương giáo dục để biến đổi giáo dục xã hội được chấp nhận và phổ biến khắp nơi trên thế giới cho dù là nó không lấy gì làm dễ chịu đối với giai cấp đặc quyền đặc lợi. Nó là một nguyên tắc của phát triển vì chỉ có người dân được soi sáng, được tạo năng lực và liên kết lại với nhau mới bảo vệ được quyền lợi chính đáng của mình.

Với sự thống trị toàn cầu của các công ty đa quốc gia, chỉ có những tổ chức nhân dân mạnh mới hy vọng (một ngày nào đó) tạo sự cân bằng giữa lợi ích riêng của một thiểu số đặc quyền đặc lợi và lợi ích chung của đa số quần chúng sống trong nghèo nàn lạc hậu.

Thế nào là một xã hội philippin được biến đổi? Đó là một xã hội đặc trên nền tảng của tinh thần yêu nước, dân chủ, công bằng và tự do.

Sự tự túc, sự tái phân phối các phương tiện sản xuất cho những nhóm người thiệt thòi nhất của xã hội, sự giải phóng khỏi sự bóc lột và áp bức của tư bản độc quyền nước ngoài, sự tham gia lấy quyết định, sự lãnh đạo từ đa số người nghèo và bị tước đoạt, sự tự trọng tự đánh giá mình một cách tích cực, sự thoát khỏi trạng thái thờ ơ, mê tín, dốt nát... và khái niệm và thực hành giáo dục cộng đồng và tổ chức quần chúng phải xuất từ đó.

Ma Theresa V.Tungpapan, Community Education: Concepts, Processes, Methods, Experiences (Giáo dục cộng đồng: khái niệm, diễn tiến, phương pháp và kinh nghiệm), REDO, đại học Công tác xã hội và phát triển cộng đồng, đại học Philippin, tập I: trang 9)

## 2. Giáo dục để phát triển và diễn tiến của giáo dục phi chính quy

Giáo dục phát triển là khái niệm được sử dụng rộng rãi để đề cập đến mọi nỗ lực cải tiến giáo dục thuộc mọi cấp và mọi lãnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu và đẩy mạnh phát triển.

Giáo dục chính quy từ mẫu giáo đến hậu đại học luôn luôn được cải cách từ nội dung đến phương pháp để đáp ứng đòi hỏi của một xã hội luôn luôn đổi mới. Nhiều bộ môn khoa học ngành nghề biến mất và nhiều nội dung khoa học mới xuất hiện. Việc đào tạo nghề thay đổi liên tục để thích nghi với công nghệ mới.

Nhưng cái khó nhất là giáo dục con người sao cho có được những phẩm chất, phong cách, thói quen phù hợp với tình hình thay vì trở thành một gánh nặng và một trở lực cho phát triển. Thế nhưng giáo dục chính quy đã gặp nhiều trở ngại trong giáo dục văn hóa và chuyên môn, lại càng bất lực trong giáo dục thái độ và hành vi phù hợp với yêu cầu phát triển.

Các kẻ hở của giáo dục chính quy tạo ra hàng triệu trẻ em không đến trường hay bỏ học, người lớn mù chữ không tay nghề và có những hành vi làm lực cản cho phát triển. Ví dụ: sự dốt nát, thụ động, mê tín, bệnh tật, đẻ nhiều, tàn phá môi sinh, xài phung phí không ý thức tiết kiệm, không tôn trọng lợi ích công cộng, thiếu tác phong công nghiệp, vi phạm pháp luật v.v...

Ở các nước tiên tiến, công nghiệp hóa diễn ra từ từ, môi trường và tổ chức công nghiệp bắt buộc người dân phải đúng giờ, tôn trọng luật an toàn trong sản xuất và an toàn giao thông bằng những quy định khắc khe. Ban đầu là làm vì bắt buộc, sau đó thành thói quen và thói quen dần. Ở các nước đang phát triển, quá trình diễn ra ngược lại là con người thích nghi không kịp và phải tạo những thói quen mới bằng giáo dục.

### 2.1 Giáo dục căn bản

Nhận thức rằng biết đọc, viết là thiết yếu nhưng chưa đủ, UNESCO vào đầu thập kỷ 50 lập ra CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CĂN BẢN (Fundamental Education) với phương pháp cải tiến (phương tiện nghe nhìn, nội dung xóa mù gắn với mối quan tâm của người lớn tuổi nghèo ở nông thôn và thành thị...) và nối rộng nội dung vào các lãnh vực khác của cuộc sống như vệ sinh, sức khỏe, công dân giáo dục... Bắt đầu ở Châu Mỹ La Tinh chương trình đã lan rộng khắp thế giới kể cả Việt Nam.

Từ chương trình này hình thành khái niệm và chương trình trường cộng đồng, chủ yếu ở nông thôn với mục đích đưa giáo dục tiểu học gần với cuộc sống hơn. Trẻ được dạy thêm trồng trọt, chăn nuôi để khi hoàn tất việc học có thể đóng góp một cách hữu ích cho sản xuất gia đình, cải thiện đời sống nông thôn. Nhà trường được sự ủng hộ của cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng. Ở Việt Nam trường sư phạm cao đẳng đầu tiên được thành lập ở Khánh Hựu, Long An nhằm cung cấp giáo viên cho các trường tiểu học cộng đồng. Chương trình đã tạo được một sinh khí nhất định với những chuyên gia giáo dục học Việt Nam tốt nghiệp ở Mỹ và học thêm về giáo dục căn bản ở Mêhicô. Tuy nhiên, do chiến tranh, do sự bất ổn chính trị của đất nước và sự thay đổi trào lưu từ cấp quốc tế chương trình đã bị gián đoạn.

## **2.2 Giáo dục tráng niên**

Một điều đã rõ là với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, một khi đã tốt nghiệp từ nhà trường cho dù ở cấp nào từ công nhân tới giám đốc, người ta phải học thêm mãi mãi để tham gia vào đời sống nghề nghiệp và xã hội một cách có hiệu quả. Đó là những lớp bồi dưỡng tại chức về văn hóa, quản lý, kỹ thuật để chuyển đổi công tác, nâng bậc. Đó là những trường học làm cha mẹ... được tổ chức bên cạnh các lớp chính quy. Cũng từ đó xuất hiện các khái niệm như giáo dục thường xuyên (continuing education), giáo dục suốt đời (life long education)...

## **2.3 Giáo dục phát triển cho quần chúng**

Tuy nhiên, trong phát triển đối tượng được quan tâm đặc biệt là đông đảo quần chúng nghèo đang tụt hậu hay loại ra khỏi tiến trình phát triển. Một số hiện tượng gây nhiều lo âu là một tiến trình gọi là “loại trừ” (exclusion) với một số người ngày càng nghèo thêm và nhiều biện pháp được thực hiện để giúp họ tái hòa nhập với xã hội (inclusion) trong đó có giáo dục phi chính quy nhằm giúp họ cải thiện cuộc sống và nhất là tích cực góp phần vào một mô hình phát triển nhân bản hơn, công bằng hơn. Nội dung giáo dục thường là

- Sức khỏe, dân số kế hoạch hóa gia đình bao gồm sức khỏe sinh sản và giáo dục giới tính.
- Môi trường.
- Tiêu dùng và tiết kiệm.
- Giáo dục thanh thiếu niên.
- Giáo dục củng cố gia đình (chuẩn bị hôn nhân gia đình, nuôi dạy con v.v...)
- Lãnh đạo, tổ chức, quản lý.
- Nếp sống đô thị.
- Giáo dục luật pháp và bổn phận công dân...

Điều quan tâm to lớn là làm sao các thái độ và hành vi mới được hình thành chứ không phải chỉ có những thông tin, kiến thức được lập đi lập lại như vẹt, như trường hợp thường xảy ra.



### 3. Giáo dục chủ động và sự hình thành một phương pháp luận sư phạm mới

Giáo dục từ chương, áp đặt đã thất bại nhất là trong giáo dục phát triển. Điều này dẫn tới những mày mò để tìm ra phương pháp mới.

Thực tiễn hành động dẫn tới những phát hiện sau đây:

#### 3.1. Học là thay đổi (to learn is to change)

Thay đổi trong:

- Kiến thức (Knowledge – Savoir: biết)
- Thái độ (Attitude – Savoir être: biết sống)
- Hành vi (Behaviour/Practice – Savoir faire: biết làm)

Nghĩa là giáo dục phải tác động vào con người toàn diện mới tạo ra sự thay đổi trong hành vi. Trong giáo dục cũ người ta dừng ở kiến thức thông qua chuyển giao tri thức (“dạy chữ không dạy người”). Người dân được kêu gọi tự thay đổi hành vi bằng khẩu hiệu, băng rôn, mít ting và cam kết trên giấy.

Một ví dụ là ai cũng biết thuốc lá có hại, nhưng chưa sợ nó và chưa dứt khoát bỏ nó. Giáo dục như thế là chưa hiệu quả. Tỷ lệ sinh sản ở nhiều nước còn quá cao, ý thức bảo vệ môi trường còn quá thấp.

#### 3.2. Học viên là trung tâm của tiến trình học tập (Student centered learning)

Trước kia người ta đánh giá thầy giáo qua sự uyên bác, hoạt bác. Miễn thầy nói hay, thao thao bất tuyệt là đạt yêu cầu. Học sinh tiếp thu được hay không, ít hay nhiều là tại chúng giỏi hay dở. Thầy như cái máy phát, trò như cái máy thu. Nếu có phát mà không thu là do máy thu xấu nghĩa là học sinh dở. Người ta quên đi một nguyên tắc quan trọng của tâm lý truyền thông và tâm lý học tập là con người chỉ tiếp thu những thông tin, ý kiến thiết thân với mình. Có lần cán bộ đi tuyên truyền về báo cáo với Bác Hồ rằng nói chuyện với quần chúng như “đàn gãi tai trâu”. Bác Hồ hỏi lại: “Hay trâu khảy đàn ?”

Nghĩa là người đi giáo dục quần chúng không quan tâm tìm hiểu tâm lý người nghe để thích nghi nội dung và phương pháp diễn đạt của mình.

Ngày nay, người ta phân biệt hay tách rời việc dạy và học. Dạy không đương nhiên dẫn tới học. Học là một quá trình tự phát triển thông qua kinh nghiệm. Không ai dạy được ai, chỉ có người học tự học. Vai trò của người thầy rất quan trọng trong việc hỗ trợ nỗ lực tự học tập của học viên. Như bác sĩ sản khoa, cô đỡ rất quan trọng để đảm bảo cho “mẹ tròn con vuông”, nhưng sản phụ vẫn là lao động chính.

Nếu vai trò của người thầy là hỗ trợ sự tự học của học viên thì điểm xuất phát không phải là thầy sẽ nói gì, làm gì mà người học là ai, nam hay nữ, ở độ tuổi nào, cần gì, có động cơ học tập không, có những trở ngại gì cho quá trình học vv...?

Trong quá trình dạy và học thầy không chỉ dạy sao cho không “cháy giáo án” mà phải xem học viên tiếp thu tới đâu để điều chỉnh phương pháp truyền đạt. Sự phản hồi (feed back) là hết sức quan trọng. Phản hồi được nắm bắt bằng nhiều cách như phản ứng chung (chú ý, thích thú hay lo ra, ngủ gục), các đối thoại giữa thầy và trò, thảo luận nhóm, bài kiểm tra v.v...

Do thiếu phương pháp và kỹ năng người ta hay “đổ lỗi” cho người học như “trình độ quá thấp”, “chai lì”, “bất hợp tác” v.v...

“Người thầy bị che khuất bởi bóng tòa của ngôi đền, ấy đứng giữa những đệ tử, không trao sự thông thái mà truyền niềm tin và sức sống của ông. Nếu thực sự thông thái, ấy sẽ không buộc bạn phải bước vào ngôi nhà thông thái của ông ta mà ông sẽ dẫn dắt bạn đến ngưỡng cửa nhà lý trí của chính bạn. Nhà thiên văn có thể kể cho bạn về sự hiểu biết của ông ta về vũ trụ, nhưng ông ta không thể trao cho bạn sự hiểu biết đó. Bởi vì tầm nhìn của một người không thể trao đổi cánh cửa nó cho một người khác”.

### **3.3. Sự tham gia của người học (participatory learning)**

Không có sự tham gia của người học làm sao người dạy nắm được đặc điểm và yêu cầu của học viên để bắt đầu và có được sự phản hồi để điều chỉnh cách dạy. Tham gia không chỉ là một phương pháp, phương tiện mà là triết lý cơ bản của phát triển. Nó xuất phát từ niềm xác tín rằng CON NGƯỜI có phẩm giá và tiềm năng to lớn để học hỏi, thay đổi và tăng trưởng dẫn đến sự LÀM CHỦ bản thân và xã hội xung quanh mình. Tham gia còn là một nguyên tắc quản lý vì chỉ có dân chủ mới đảm bảo được lợi ích chung. Sự tham gia của các tổ chức quần chúng từ cấp cơ sở đến quốc gia và quốc tế là sự đảm bảo cho một mô hình phát triển đúng, công bằng và nhân bản.

Mọi chương trình hành động sẽ thất bại nếu không có sự tham gia tích cực của những người có liên quan từ khâu đầu là đánh giá nhu cầu để xác định mục tiêu, tới lên kế hoạch, thực hiện kế hoạch và cuối cùng là lượng giá.

Rất cần cảnh giác đối với sự tham gia hình thức, giả hiệu hay mị dân thường xảy ra vì tham gia thật sẽ ảnh hưởng tới quá trình lấy quyết định hay có khi đặt lại nhiều vấn đề.

Trong học tập khi người học là trung tâm sự tham gia của họ là tất yếu vì khi tự họ làm thì họ sẽ nhớ đời. Người lãnh đạo vì lợi ích chung, người thầy giỏi không ngại mà cần khuyến khích sự tham gia vì đây là bảo đảm duy nhất cho sự tiến bộ.

## **4. Tâm lý học tập**

### **4.1. Hiệu quả của phương pháp tham gia**

Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng:

Chúng ta nhớ	Những gì chúng ta
10%	- đọc
20%	- nghe
30%	- thấy
50%	- nghe và thấy (nhờ các phương tiện nghe nhìn, tham quan)
80%	- nói (đối thoại với thầy, thảo luận nhóm)
90%	- nói và làm điều chúng ta suy nghĩ (thực tập hành động cải thiện hoàn cảnh xã hội, diễn kịch, sắm vai, mô phỏng...)

Một đạo các phương tiện nghe nhìn là thời thượng vì hiệu quả cao hơn lời nói “chay”. Chúng vẫn còn rất quan trọng và ngày càng được cải thiện (phim ảnh, đèn chiếu, máy qua đầu,



tranh,...). Nhưng khi có sự tham gia của người học thì hiệu quả cao hơn vì các phương tiện nghe nhìn cũng chỉ phục vụ cho phương pháp dạy xuống một chiều. Chúng tác động chủ yếu vào nhận thức, phần nào vào cảm xúc hay thái độ, chẳng hạn như một cuốn phim thật cảm động sẽ gây ấn tượng sâu sắc chứ không chỉ thông tin. Tuy nhiên chúng không làm thay đổi hành vi như các phương pháp họp nhóm, sắm vai vì thay đổi hành vi xuất phát từ sự cọ xát với thực tế hay qua tiếp xúc xã hội.

“Những gì ta đọc, ta quên  
Những gì ta thấy, ta nhớ  
Những gì ta làm, ta biết”.

**Lão Tứ**

#### **4.2. Tâm lý học tập của người lớn tuổi**

Như đã nói ở phần trên giáo dục tráng niên đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hoạt động giáo dục của mỗi quốc gia. Theo một số tác giả, tráng niên là những người từ 23 tuổi trở lên đã rời ghế nhà trường. Giáo dục tráng niên đã thất bại vì đã áp dụng nguyên dạng phương pháp giảng dạy ở nhà trường chính quy cho trẻ em hay sinh viên thuần túy bởi lẽ tâm lý học tập của người có tuổi có khác.

##### **4.2.1. Đặc điểm tâm lý của người lớn tuổi**

- Tâm trí học không còn là mảnh giấy trắng, như đầu óc trẻ em sẵn sàng tiếp thu mọi điều mới mẻ.
- Họ không còn đầy ước mơ và trí tưởng tượng sẵn sàng khám phá mọi chân trời như thanh thiếu niên.
- Họ không phải như học sinh, sinh viên chuyên nghiệp học cốt để lên lớp.
- Họ không còn trí thông minh cao điểm của tuổi 13-17.
- Nhân cách của họ đã trưởng thành, họ suy nghĩ độc lập và chỉ chấp nhận những điều giảng dạy được thực tiễn cuộc sống chứng minh.
- Thời gian của họ hiếm hoi và quý báu.
- Ngoại trừ trường hợp bị bắt buộc, nếu họ tự nguyện đi học thì họ biết rõ mình cần gì (Ví dụ: kiến thức kỹ năng mới để thăng tiến trong nghề nghiệp, nuôi dạy con có hiệu quả hơn, tham gia công tác cộng đồng đặc lực hơn...)
- Họ muốn điều học tập có liên quan đến công việc và áp dụng được ngay.
- Họ đã tích lũy kinh nghiệm nên thích chia sẻ và học tập kinh nghiệm của người đồng lứa, đồng nghiệp. (Do đó học theo nhóm rất phù hợp).

“Cả người học lẫn người dạy phải công nhận rằng điều quý giá nhất của người học lớn tuổi có thể đem vào lớp học là kinh nghiệm. Suốt cuộc đời trải qua sự thay đổi liên tục, người lớn tuổi tiếp nhận kiến thức, kỹ năng và thói quen, họ có khả năng thay đổi cách suy nghĩ, cảm xúc và cách làm vì mỗi người lớn là một sự tích lũy và hội nhập kinh nghiệm đầy tính năng động.”

Peter Siegle, *Adults as Learners* (Người lớn tuổi với tư cách người học) trong *How To Teach Adults*, Adults Education Association of the USA.

#### 4.2.2. Những trở ngại trong học tập của người lớn tuổi:

- Họ ngần ngại trở lại trường lớp nếu đã bỏ lâu rồi (Họ ngần ngại các thủ tục đăng ký, trắc nghiệm, làm bài tập trong lớp, ở nhà...)
- Có khi họ còn giữ những kỷ niệm tiêu cực về nhà trường.
- Họ nghĩ rằng học lý thuyết suông vô ích.
- Quan trọng hơn hết là cách suy nghĩ của họ đã thành nếp nên khó thay đổi để tiếp thu cái mới.
- Có khi bản lĩnh nghề nghiệp quá mạnh làm cho họ tự tin quá đáng nên khó cởi mở với những điều khác lạ.
- Họ sợ bộc lộ yếu kém của mình trước đồng nghiệp.

#### 4.2.3. Phương pháp thuận lợi cho người lớn tuổi

- Ngoài trường hợp bị bắt buộc người lớn là người học một cách tự nguyện, họ biết họ cần gì.
- Do đó họ có động cơ học tập hoặc có thể khơi dậy động cơ học tập nếu họ thấy được sự hữu ích của nó. Họ có thể bỏ cuộc nếu lớp học không đáp ứng nhu cầu của họ. Động cơ có thể thay đổi, người lơ là có thể trở nên hăng say, người rất tích cực ban đầu có thể buồn chán. Vì thế động cơ học tập phải được nuôi dưỡng liên tục.
- Bầu không khí học tập phải thuận lợi, dễ chịu do sự chấp nhận lẫn nhau và không “đe dọa” về mặt tâm lý.
- Học xuất phát từ kinh nghiệm và bằng chia sẻ kinh nghiệm (nhóm).
- Mỗi người thấy được là mình cần thiết cho tập thể.
- Sự tôn trọng, lắng nghe sẽ giúp củng cố sự tự tin.
- Nói kết lý thuyết và thực hành xuất phát từ thực tiễn (Học bằng trường hợp điển cứu (case study)).

#### **Tìm hiểu động cơ:**

- Bạn có biết tại sao các học viên tham dự khóa học không ?
- Họ có được yêu cầu nêu lên mục tiêu học tập riêng nghĩa là nói lên những gì họ trông chờ từ khóa học không?
- Bạn có cách để nắm bắt phản hồi về động cơ học tập trong suốt quá trình học không?
- Bạn có dự trù một sự phản hồi ở cuối khóa xem họ có đạt mục tiêu không?
- Bạn có cách giúp những người mà động cơ hay mục tiêu học tập không ăn nhập với mục tiêu của bạn và của tập thể?

Bạn có một cách để giám sát kiểm soát những người:

- Đi trễ?
- Học kém?
- Thiếu chú ý không?

Nguồn: Jenny Rogers (1989)

Pretty and Others, Trainers' Guide for Participatory learning and Action.

## **5. Giáo dục giác ngộ hay giáo dục thức tỉnh (CONSCIENTISATION) chìa khóa của giáo dục phát triển.**

Những người lớn tuổi đề cập ở phần trên là những người dân trung bình, nếu không có trình độ trung cấp hay đại học thì cũng có một trình độ giáo dục căn bản nào đó.

Nhân viên phát triển lại thường phải làm việc với những nông dân hay người lao động nghèo ở thành thị, những người mù chữ, những phụ nữ nghèo khó ở nông thôn, những trẻ em lang thang bụi đời...

Nói chung, những người thiệt thòi nhất ở tận đáy xã hội. Những người từ trước đến nay được xem như khó lay chuyển nhất để tự vươn lên.

Vậy mà Paolô FREIRE (PF), nhà giáo dục nổi tiếng của châu Mỹ Latinh và của toàn thế giới đã thành công và phương pháp giáo dục giác ngộ hay giáo dục thức tỉnh của ngày nay được phổ biến rộng rãi đặc biệt trong giáo dục phi chính qui, nhất là giáo dục phát triển cho quần chúng. Paolô Freire, người Bra-xin là một chuyên viên về giáo dục tráng niên, đặc biệt đối với người mù chữ. Sau nhiều năm mày mò ông xác định được một triết lý giáo dục vô cùng nhân bản

và khám phá những phương pháp đầy hiệu quả. Ông trở thành chuyên gia giáo dục của UNESCO và nhiều tổ chức Quốc tế khác.

Theo PF mỗi con người cho dù dốt nát đến mức nào cũng bị chìm đắm trong nền “văn hóa thâm lặng” (Culture of Silence) đều có khả năng nhìn thế giới với cái nhìn phê phán trong cuộc đối thoại với người khác; chỉ cần anh ta được giao cho những công cụ phù hợp, anh ta có thể từ từ nhận thức thực trạng về bản thân mình và về xã hội và biết xử lý một cách có phê phán.

Khi một nông dân mù chữ tham gia một kinh nghiệm học tập như vậy anh ta có được một nhận thức mới về bản thân, một nhân phẩm mới; anh ta bị tác động bởi một niềm hy vọng mới. “Bây giờ tôi ý thức rằng tôi là một con người, một con người được giáo dục”. “Trước kia chúng ta bị mù, bây giờ thì đã mở mắt”. “Trước kia từ ngữ không có ý nghĩa gì với tôi, giờ đây chúng tác động vào tôi và tôi có thể sử dụng chúng để tác động lại”. “Tôi làm việc, tôi đang làm việc để biến đổi thế giới”.

Khi người mù chữ học tập và nói lên được như trên, thế giới của họ đã được biến đổi một cách triệt để và không chỉ còn là những vật thể thụ động chịu đựng những thay đổi xảy ra xung quanh họ. Họ sẽ tự mình cùng đồng loại, nhận trách nhiệm để thay đổi những cấu trúc đã áp bức họ.

Theo PF sở dĩ đông đảo quần chúng thụ động chấp nhận số mệnh trong tình lặng đến độ không lay chuyển họ được là vì họ là nạn nhân của các mối quan hệ áp bức. Kẻ áp bức trong cách cai trị và giáo dục cứ nhồi nhét vào đầu óc họ một hình ảnh thấp kém và tiêu cực về họ: dốt nát, lười biếng, không bao giờ ngóc đầu dậy nổi. Từ từ họ nhập tâm hình ảnh về bản thân ấy tự đánh giá mình thấp và họ đánh mất niềm tin nơi bản thân. Họ nghĩ rằng chẳng bao giờ làm được gì để thay đổi bản thân và cuộc đời của mình. Đối với những người này chữ nghĩa, kiến thức thật vô ích. Nhưng một khi họ đã thức tỉnh và khám phá rằng bản thân mình có giá trị, mình có khả năng làm điều gì đó để thay đổi hoàn cảnh của mình thì chừng đó họ mới thấy cần học tập. Kinh nghiệm trong Công Tác Xã Hội thường cho ta thấy rằng trẻ em đường phố khi mới được tiếp cận không chịu đi học. Nhưng khi được đối xử với sự tin tưởng và tôn trọng các em mới muốn làm những điều tích cực như học chữ, học nghề để có tương lai.

Để có nhận thức mới, kẻ bị áp bức cần được giúp đỡ để tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới hiện trạng áp bức thông qua một cuộc đối thoại mang tính nhân bản, nghĩa là bình đẳng và với niềm xác tín về nhân phẩm và khả năng thay đổi của họ.

Một điều nên nhớ là người bị áp bức một khi thoát khỏi kẻ áp bức họ thì trở thành, đến lượt họ, kẻ áp bức người khác. Vì họ chỉ biết được mô hình đối xử duy nhất là kẻ áp bức họ hoặc họ tổ chức nổi dậy.

PF nhấn mạnh rằng kẻ áp bức và người bị áp bức đều là nạn nhân của một cách cai trị, một cách giáo dục. Mối quan hệ áp bức là một mối quan hệ phi nhân bản mà cả hai đều phải thoát khỏi. Tuy nhiên chỉ người bị áp bức một khi giác ngộ mới chủ động dẫn dắt kẻ áp bức ra khỏi mối quan hệ phi nhân kia thông qua hành động chung.

Mối quan hệ áp bức diễn ra trong quá trình học tập mà cả người dạy lẫn người học không nhận thức được. Trong lối giáo dục cũ mà PF gọi là “Giáo dục ngân hàng” (banking education) người thầy tích lũy thông tin và dội xuống cho người học để tiếp thu một cách thụ động. Người học là một vật thể được giúp đỡ.

**Giáo dục thu đông**

- A/ Thầy dạy trò bị dạy.
- B/ Thầy biết tất cả, trò không biết gì hết.
- C/ Thầy suy nghĩ, trò là đối tượng của suy nghĩ.
- D/ Thầy nói, trò nghe – một cách ngoan ngoãn.
- E/ Thầy ra kỷ luật, trò chịu kỷ luật.
- F/ Thầy chọn lựa, trò tuân theo.
- G/ Thầy hàng động, trò có ảo tưởng là hành động thông qua thầy.
- H/ Thầy chọn nội dung, còn trò (không được tham khảo) tuân thủ thích nghi.
- I/ Thầy lấn lộn uy quyền của kiến thức và uy quyền nghề nghiệp đối lại sự tự do của người học.
- J/ Thầy là chủ thể của quá trình học tập, trò là vật thể.

Paolô Freire, Sự phạm cho những người bị áp bức

Còn giáo dục giác ngộ là “giáo dục đặt vấn đề”, người học phân tích vấn đề, suy nghĩ vấn đề và trở thành một kẻ biết tư duy có phê phán. Họ không dừng ở phân tích mà còn hành động để tác động vào tình huống cần được cải thiện. Học là để thay đổi mình và hoàn cảnh xung quanh mình.

Qua quá trình này người học thường là người nghèo khổ, thiệt thòi nhất, không chỉ được giải phóng khỏi sự đói kém mà trở nên năng động, sáng tạo nữa. Họ chấm dứt sự hiện hữu như vật thể mà trở nên những CON NGƯỜI theo đúng nghĩa.

Người thầy, sản phẩm của xã hội cũ, cũng phải qua một quá trình thức tỉnh để nhận ra “kẻ áp bức” nơi bản thân và cùng người học thoát ra khỏi vai trò ấy. Tuy nhiên bất cứ sự thay đổi nào, nhất là sự thay đổi chính bản thân, đều đầy gian khổ.

Đối thoại như một cuộc đối chất giữa CON NGƯỜI để cùng nhau học tập và hành động sẽ bị đứt đoạn nếu (một hay) đôi bên thiếu.

### **KHIÊM TỐN**

Bởi lẽ làm sao đối thoại khi tôi luôn cho rằng người khác là dốt nát mà không bao giờ thấy sự dốt nát của chính mình?

(Paolo Freire, *Pedagogy For the Oppressed*)

### **GỢI Ý SINH HOẠT NHÓM**

- Căn cứ trên kết quả thảo luận về chân dung của người công dân Việt Nam hãy liệt kê một số chủ đề giáo dục phát triển ngoài học đường. Mỗi nhóm chọn một chủ đề (ví dụ: giáo dục vệ sinh môi trường, giáo dục hôn nhân gia đình, giáo dục tiết kiệm...) và chọn nhóm đối tượng đặc biệt/ ví dụ: phụ nữ nghèo, trẻ em đường phố, v.v...).
- Bạn thử minh họa cách bạn hiểu về 3 cách tiếp cận (hay triết lý giáo dục) bằng một hình thức nghệ thuật vui (thơ, vè, hò, bài hát, tranh vẽ...)

- Căn cứ trên những gì bạn đã học về nhóm trong môn tâm lý truyền thông về giao tiếp hãy tổ chức một số sinh hoạt để nhóm nên hiểu hết nhau, tin tưởng nhau để hợp tác tốt trong học tập.
- Bạn thử mô tả chân dung một thanh niên (nam, nữ) Việt Nam của ngày mai bằng bất cứ hình thức sinh hoạt nhóm nào.
- Bạn đã bắt đầu dạn dĩ, cởi mở hơn, bạn thử tìm hiểu xem những yếu tố nào trong cảnh tổ chức và điều hành lớp học cũng như thái độ và phương pháp của giảng viên đã góp phần cho kết quả này.

## **CHƯƠNG III**

### **CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ MỘT CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẬP, MỘT KHÓA HUẤN LUYỆN**

#### **1. Thẩm định nhu cầu học tập**

Đây là bước khởi đầu cơ bản nếu muốn đạt đến hiệu quả. Do thiếu phương pháp kỹ năng, thời gian hay tài chính người ta bỏ qua khâu khởi động quan trọng này và kết quả là sự phung phí đáng tiếc. Vì lắm khi người học phải học những điều đã biết rồi hay những kiến thức, kỹ năng không dùng tới trong công việc. Còn những điều họ cần thì không được học.

##### **1.1. Thẩm định nhu cầu ?**

Thẩm định nhu cầu học tập là xác định các kiến thức, kỹ năng, thái độ hay giá trị, kinh nghiệm, nhận thức mà người học cần có, hoặc họ đã có đến mức nào. Và chương trình học tập sẽ cung ứng những điều họ thiếu. Ví dụ: những phụ nữ sắp lập một nhóm tín dụng tiết kiệm, cần biết về mặt:

- **Kiến thức:** Lợi ích của tín dụng tiết kiệm, các quy định về mặt tổ chức, các thủ tục vay mượn, trả lãi, tiết kiệm, hoàn vốn...
- **Kỹ năng:** Kế toán, quản lý sổ sách, điều động nhóm...
- **Thái độ:** Tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác, tinh thần tương trợ, thói quen tiết kiệm, cách sử dụng đồng tiền...

*Hay một cơ quan tổ chức đào tạo thư ký văn phòng sẽ cần cho các ứng viên học:*

- **Kiến thức:** Triết lý, phương hướng, mục tiêu và chương trình hoạt động của công ty, vai trò nhiệm vụ của thư ký, ngoại ngữ, tâm lý khách hàng...
- **Kỹ năng:** Sử dụng trang thiết bị văn phòng (vi tính, fax, photocopy, điện thoại...) tốc ký, kế toán, quản lý hồ sơ...
- **Thái độ:** Tinh thần phục vụ, lương tâm chức nghiệp, giao tế nhân sự.

*Đối với các em bụi đời*

- **Kiến thức:** Giáo dục căn bản (học văn hóa tổng quát, sức khỏe, luật lệ, công dân giáo dục vv...)
- **Kỹ năng:** Một nghề để sinh sống. Kỹ năng về đời sống: tự chăm sóc bản thân, giao tế với xung quanh, bạn bè, tự bảo vệ mình, vấn đề giới tính vv...
- **Thái độ:** Xây dựng lòng tự trọng, tự tin, trị liệu những tổn thương tinh thần. Xây dựng những giá trị tích cực và ý chí vươn lên, thái độ tốt trong các môi quan hệ vv...

##### **1.2. Thẩm định nhu cầu học tập như thế nào?**

Thường thì trường học, cơ quan đào tạo mở lớp rồi cá nhân đăng ký hay tổ chức gọi họ tới học. Cũng có khi một cộng đồng, người phụ trách dự án phát triển hay một công ty, xí nghiệp mời bạn đến tổ chức huấn luyện. Do đó, có nhiều cách thẩm định nhu cầu học tập tùy từng đối

tượng, cơ quan có yêu cầu, khả năng của tổ chức đào tạo hay tình huống cụ thể. Có những cách sau đây:

- Trắc nghiệm:

Có những trắc nghiệm soạn sẵn hay soạn cho mục đích cụ thể của hoạt động huấn luyện sẽ giúp xác định trình độ của các ứng viên. Thông thường là những trắc nghiệm trả lời trên giấy. Tuy nhiên, đối với những cơ quan sản xuất, công ty, trắc nghiệm cũng có thể được thực hiện bằng thao tác. (ví dụ như thi tay nghề, quan sát tổ chức sản xuất tại xưởng).

- Điều tra xã hội học:

Các bảng câu hỏi được gửi tới ứng viên trước khi bắt đầu khóa học hoặc gửi cho đối tượng rộng rãi hơn ở cộng đồng hay cơ quan xí nghiệp để tìm hiểu các vấn đề hay nhu cầu của các đơn vị đó.

- Phỏng vấn chính thức:

Nhiều tổ chức đào tạo, đặc biệt dành cho các nhân viên làm việc với con người rất quan tâm đến nhân cách, động cơ, kinh nghiệm của ứng viên nên tổ chức phỏng vấn từng người một. Sau vòng lựa chọn đầu tiên này học mới cho thi viết để trắc nghiệm kiến thức.

- Phỏng vấn không chính thức:

Có thể được thực hiện trong các cuộc tiếp xúc thân tình, trong giờ giải lao thật tế nhị khéo léo đối với người sắp học hay những người phụ trách đã gửi họ đi học.

- Quan sát:

Ví dụ: Tổ chức huấn luyện được mời đến một cơ quan để tập huấn về các mối quan hệ giữa người với người đang gặp trực trắc về tổ chức quản lý. Họ có thể đi thực tế, tham gia các sinh hoạt tại chỗ quan sát các thao tác, nghe ngóng những lời than phiền, cách sử dụng thời gian.

Hoặc tại lớp học, thông qua một số hoạt động nhóm, lời phát biểu, các mối tương tác giữa học viên, người huấn luyện cũng phát hiện được nhu cầu học tập.

Các phương pháp này không đầy đủ, có thể chủ quan nhưng rất có ích.

- Động não (Brainstorming)

Có thể mời một số người có trách nhiệm ở đơn vị đặt hàng ngồi lại với nhau để động não, liệt kê những kiến thức, thái độ, kỹ năng mà khóa học sẽ phải cung cấp cho học viên. Các cuộc động não của học viên trong buổi đầu cũng giúp phát hiện nhu cầu học tập. Diễn tiến khóa học sẽ làm rõ hơn nữa để người huấn luyện giúp học viên lấp những lỗ trống.

## 2. Chọn lựa và tìm hiểu học viên

### 2.1 Chọn lựa

Vì giáo dục phát triển phải thật sự đạt hiệu quả bằng phương pháp chủ động tham gia nên người đào tạo bám chặt hai nguyên tắc:

- Số lượng cho phép sự tham gia tích cực của người học (không quá đông, tối đa là 40, lý tưởng là 20 -30).



- Chất lượng các mối tương tác, chia sẻ giữa học viên vì học để thay đổi thái độ và hành vi phụ thuộc rất nhiều vào các mối quan hệ giữa học viên. Điều này có nghĩa là giữa họ cần có những mẫu số chung về trình độ học vấn, kinh nghiệm hoạt động, phương hướng, không quá cách biệt về tuổi tác, địa vị xã hội, chức vụ... Sự đa dạng rất cần thiết nhưng cần quan tâm đến những khác biệt cản trở học tập, ví dụ: nếu giữa một đa số thanh niên hay trung niên mới bước vào nghề nghiệp bạn đưa vào một người lớn tuổi đầy ắp kiến thức, kinh nghiệm và hay nói, sẽ khó mà tránh được xu hướng thống trị của vị này làm cho những người khác thụ động, mất hứng.

Nếu bạn để chung cùng một khóa học một nhóm nhà quản lý trung cấp hay cao cấp cùng với một số nhân viên thường, chắc chắn số nhân viên này cảm thấy “lép vế”, không dám tham gia. Nếu họ và các nhà quản lý làm cùng cơ quan thì càng tệ hại hơn nữa. Nếu bạn để một người chưa bao giờ làm việc chung với những tác viên phát triển cộng đồng thành thạo đầy kinh nghiệm thực tế thì hoặc người này không tiếp thu được gì, hoặc nếu giảng viên quan tâm giúp đỡ người đó bằng các làm cho diễn tiến học tập cả lớp đi chậm lại thì số kia sẽ cảm thấy mất thời giờ và chán nản. Ít lắm một nhà giáo dục hiểu biết sẽ rất khó khăn trong việc áp dụng phương pháp tham gia chủ động. Hiệu quả chung sẽ thấp.

Bước đầu chọn lực học viên này, tác động một cách quyết định vào quá trình và kết quả học tập, nhưng các nguyên tắc trên còn quá xa lạ với xã hội ta. Người ta còn ham số đông và nghĩ rằng học là “đội thông tin” xuống người học, nên cứ cử đi học “không bở bề dục cũng bở bề ngang”. Ngay cả những người tự cho mình là “nhà giáo dục” cũng tuyên bố “học viên là trung tâm”.... nhưng trong thực hành thì vẫn muốn học viên càng đông càng tốt.

Nếu quyết tâm đóng góp vào việc nâng chất lượng giáo dục nước nhà bạn hãy kiên quyết giữ vững lập trường. Làm thế nào để áp dụng các nguyên tắc trên?

Trong thư chiêu sinh giải thích thật rõ triết lý và mục tiêu của phương pháp giáo dục chủ động.

Đề ra các tiêu chuẩn đăng ký học:

- Trình độ học vấn.
- Đã trải qua những môn học cơ bản nào.
- Loại công việc đang làm.
- Số năm kinh nghiệm.
- Độ tuổi.
- Học rồi sẽ làm gì? v.v...

Phỏng vấn:

Nếu khóa học đòi hỏi rất cao về nhân cách, động cơ và số lượng giới hạn, người hay tổ chức đào tạo có thể phỏng vấn trực tiếp các ứng viên để tìm hiểu tính cách, động cơ, giúp họ hiểu rõ yêu cầu của khóa học. Có khi tự họ hiểu ra và sẽ tự nguyện rút lui hay chọn một khóa khác.

## 2.2 *Nắm vững chân dung học viên*

“Một giảng viên không biết học viên mình là người như thế nào, giống như một người mù hướng dẫn trẻ em mù tới một chiếc cầu đã gãy. Nhận diện học viên giúp cho người giáo viên xem như bị mù khi một đôi mắt mới dẫn dắt ông ta thoát khỏi những tai họa mà người mù thường gặp phải”

Nguồn: Franco, TRAINING, 1961

Thông qua mẫu đăng ký tham dự khóa học, tổ chức đào tạo có được một danh sách trích ngang minh họa chân dung lớp học.

- Lớp sẽ có bao nhiêu người, bao nhiêu nam, nữ, ở độ tuổi nào.
- Có trình độ học vấn nào.
- Bao nhiêu năm kinh nghiệm làm việc.
- Chức vụ ở cơ quan hay vị trí xã hội ngoài đời.
- Có kiến thức và kinh nghiệm gì liên quan đến nội dung sắp học.
- Nơi xuất phát: cơ quan, địa phương, đoàn thể, miền nào của đất nước, có thể cho một ý niệm về nền tiểu văn hóa của họ, cách suy nghĩ, thói quen, tiềm năng hay hạn chế của họ trong học tập. Ví dụ: nhân viên của công ty nước ngoài, tổ chức phi chính phủ quốc tế, cán bộ nhân viên nhà nước, cán bộ đoàn thể, người Bắc, Trung, Nam đều có những sắc thái riêng tiêu biểu của tập thể xuất phát.
- Về động cơ học tập sự việc bản thân họ xin đi hay cấp trên chỉ định, công việc họ đang làm có thể cho một ý niệm chung. Nếu mẫu đăng ký có những câu như “bạn mong gì nơi khóa học”, “bạn nghĩ sẽ áp dụng những điều học được trong công việc hằng ngày như thế nào?” “bạn có thắc mắc gì về cách tổ chức khóa học?” sẽ giúp đánh giá tiềm năng, hạn chế cũng như lo âu của người học.

Nếu nắm được sở thích, sở trường, kỹ năng của tham dự viên người đào tạo có thể ngay từ đầu bố trí cho họ tham gia điều hành một số hoạt động. Khóa học sẽ trở thành sống động ngay. Do đó nhiều tác giả cho rằng “chuẩn đoán” được tập thể học viên là “đã thắng được phân nửa cuộc chiến rồi”. Bởi lẽ người đào tạo có thể chuẩn bị trước các phương pháp, tư liệu... thật phù hợp với đối tượng. Nếu không có điều kiện chuẩn bị trước, các trò chơi tạo bầu không khí, giới thiệu học viên hay những cuộc thảo luận xung quanh các vấn đề có liên quan sẽ giúp người đào tạo có ý niệm về chân dung người tham dự.

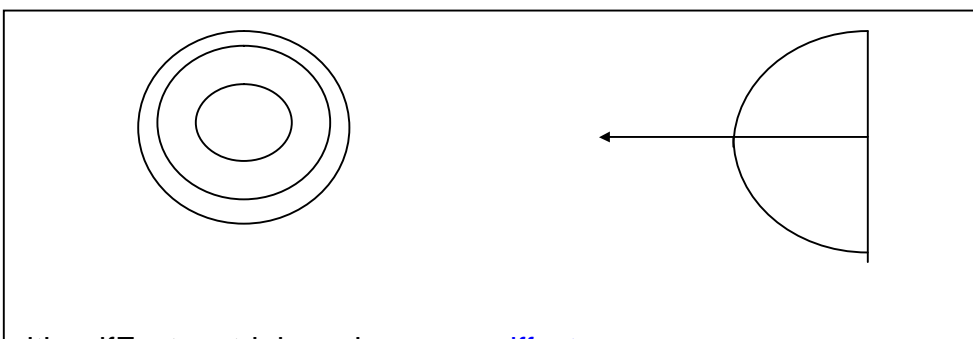
### 3. Thiết lập mục tiêu học tập

#### 3.1 Thiết lập mục tiêu học tập là gì?

Đó là xác định kết quả học tập ở cuối khóa bằng những từ cụ thể, bằng những hành vi, hành động quan sát được. Mục tiêu học tập được thiết lập trên cơ sở đặc điểm học viên mà đào tạo viên nắm được và yêu cầu của cơ quan đặt hàng cũng như nhu cầu, nguyện vọng của người học. Nói cách khác đó là trả lời câu hỏi “cuối khóa tham dự viên học được gì? Về mặt kiến thức, thái độ, kỹ năng? Hay họ sẽ thay đổi thế nào về các mặt này?

Thiết lập mục tiêu là động tác đầu tiên và thật cơ bản cho một kế hoạch, chương trình hành động vì nếu không, bạn sẽ không rõ mình sẽ đi về đâu. Muốn đến chỗ nào, trước tiên bạn phải biết rõ nó nằm ở đâu.

Mục tiêu học tập giống như tấm bia ở xạ trường, còn cung tên có thể được ví như hệ thống đào tạo (nội dung, phương pháp v.v...) để nhắm thẳng vào đích.



Mục tiêu được xác định ngay từ đầu sẽ thuận lợi cho cả 3 bên:

- Cơ quan đặt hàng trong thỏa thuận có thể xác định xem mục tiêu đào tạo có đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực của mình không?
- Người học biết trước mình sẽ hướng về đâu và sẽ tham gia tích cực hơn.
- Người dạy căn cứ trên các mục tiêu sẽ chuẩn bị nội dung và phương pháp phù hợp nhất.
- Mục tiêu rõ ràng cụ thể, đo lường được là điều kiện tiên quyết cho việc lượng giá học tập.

### **3.2 Soạn thảo mục tiêu theo châm ngôn SMART**

SMART tiếng anh là giỏi giang, thông minh, nhưng đây là chữ tắt của năm đặc điểm cơ bản khi viết ra mục tiêu:

S. Specific, cụ thể, đặc thù

Mục tiêu phải xác định một hoạt động nhận thấy được mà người học có thể thực hiện, như kết quả của khóa học. Do đó phải diễn đạt bằng những danh từ hành động như : “liệt kê”, “ giải thích”, “viết ra”, “đo lường” thay vì những danh từ trừu tượng như “hiểu”, “nhận thức” ...

Ví dụ:

Thay vì ghi:

“Cuối khóa học, học viên sẽ nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp giáo dục chủ động”.

Thì :

“Cuối khóa học, học viên phải nêu được vài thay đổi nơi chính bản thân về mặt kiến thức, thái độ và hành vi như kết quả “của giáo dục chủ động”.

M. Measurable. đo lường được

Những gì học viên làm được có thể quan sát, đo đếm.

Ví dụ:

- Tối thiểu phải trả lời đúng 5/10 câu hỏi trên bảng trắc nghiệm.
- Liệt kê được từ 3 - 5 phương pháp tạo sự tham gia.
- Biết điều động một cuộc thảo luận nhóm theo đúng phương pháp.
- Thực hiện hai trò chơi tạo bầu không khí thân mật và thông cảm lẫn nhau.

A. Available. Thực hiện được

Những công việc hay hoạt động là nội dung của hành vi mới, được mong muốn như kết quả học tập là những điều học viên làm được vì nằm trong khả năng và kinh nghiệm của họ.

Ví dụ khó có thể đòi hỏi một người mới qua một khóa cơ bản về Công tác Xã hội, đi dạy lại người khác, mà có thể yêu cầu họ thực hiện các kỹ năng như vấn đàm, vãng gia, viết báo cáo.

R. Realistic. Thực tiễn.

Mục tiêu nhằm đạt tới không vượt quá tình hình, thực tế của cơ quan hay địa phương của học viên.

Ví dụ: trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, khi mà Công tác Xã hội còn là một ngành hết sức mới mẻ, hy vọng các sinh viên tốt nghiệp về địa phương có khả năng thành lập một cơ sở Công tác Xã hội là điều không thực tiễn.

T. Time bound. Trong giới hạn thời gian

Nêu xác định rõ cần bao nhiêu thời gian để đạt một mục tiêu học tập cụ thể.

Ví dụ: để đạt được kiến thức kỹ năng, cơ bản tối thiểu để trở thành một nhân viên kế toán đòi hỏi 6 tháng. Nếu không dự trù lượng thời gian cần thiết thì không đạt được kết quả học tập mong muốn.

### **3.3 Nhằm tới những mục tiêu hành động (Behavioral objectives)**

Giáo dục nhằm vào con người toàn diện và những thay đổi về nhận thức, quan điểm, giá trị cơ bản. Những điều này không thể đo lường.

Tuy nhiên giáo dục phát triển, đào tạo nghề, tu nghiệp, các khóa học phi chính quy tại cộng đồng có những yêu cầu cụ thể. Mục tiêu học tập ở đây phải xác định những nhiệm vụ công tác, hành động cụ thể mà học viên phải làm được sau khóa học.

Trong lãnh vực khoa học xã hội, khi học viên áp dụng được một kỹ năng cơ bản nào đó cũng có nghĩa là họ đã được những thái độ tích cực.

Ví dụ: nếu một người điều động thành công một cuộc thảo luận nhóm, điều này có nghĩa là họ có thái độ lắng nghe, tôn trọng đồng đội và tinh thần chấp nhận khá cao.

### **3.4 Ai thiết lập mục tiêu học tập**

Thường người dạy có xu hướng tự mình thiết lập mục tiêu học tập. Điều này là đáng tiếc vì nếu người học có tham gia họ sẽ giúp cho mục tiêu đáp ứng nhu cầu của họ tốt hơn. Tưởng rằng học viên, nhất là người lớn tuổi không biết mình muốn gì là sai lầm. Học sinh, sinh viên đang học có thể mơ hồ về điều mình muốn học, chứ anh công nhân chuẩn bị thi nâng bậc, anh nông dân đang gặp rắc rối trong sản xuất thường biết mình cần gì. Càng tham gia vào việc thiết lập mục tiêu học viên càng tích học tập để tiến tới mục tiêu ấy.

## **4. Thiết kế một kế hoạch hay chương trình đào tạo**

Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn nội dung và phương pháp thành một kế hoạch được thực hiện từng bước một cách lô-gích để đáp ứng các mục tiêu đào tạo được đề ra. Một kế hoạch hay chương trình đào tạo phải quan tâm đến 3 vấn đề dưới đây:

### **4.1 Các đặc điểm cần quan tâm**

1. Linh động để có thể điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế.
2. Ngắn gọn và cụ thể.

3. Đầy đủ, nêu lên tất cả các chi tiết cần thiết cho quá trình thực hiện. Nội dung và hệ phương pháp phải đáp ứng được mục tiêu đào tạo. Phải trả lời được các câu hỏi sau đây:

- Cuối khóa học viên phải có một số hành vi cụ thể nào?
- Nội dung, chủ đề gồm những gì, và các thể thức truyền đạt có liên quan sẽ gồm những gì?
- Cần những nguồn lực nào?
- Ai sẽ thuyết trình, ai điều động (facilitator), ai phụ trách tư liệu?
- Khóa học kéo dài bao lâu.
- Thời gian sẽ được phân phối cho từng hoạt động như thế nào?
- Các tham dự viên sẽ được hướng dẫn để tham gia như thế nào?
- Cần phải chuẩn bị tài liệu huấn luyện nào? Chuẩn bị như thế nào?
- Phương pháp và phương tiện truyền thông ra sao?
- Ngân sách là bao nhiêu?
- Tiếp cận, bồi dưỡng báo cáo viên, người điều động như thế nào?
- Có vấn đề gì khác bao trùm các chi tiết trên.

#### **4.2 Bản kế hoạch đào tạo phải bao gồm các mục sau đây**

- Lý do mở khóa.
- Mục tiêu khóa học
- Nội dung
- Hệ phương pháp
- Chi tiết thực hiện
- Chương trình làm việc
- Yêu cầu về ngân sách
- Lượng giá (phương pháp)

#### **4.3 Hệ phương pháp sử dụng**

- Phải phù hợp mục tiêu và đặc điểm của học viên
- Ví dụ thuyết trình để đạt kiến thức.
- Năng động nhóm để thay đổi hành vi.
- Kịch quần chúng gây thức tỉnh, giác ngộ.
- Đối với học viên chưa quen với phương pháp giáo dục chủ động thì đi từ từ.
  - Thực hiện được và trôi chảy.
  - Người đào tạo có kinh nghiệm.
  - Có đầy đủ trợ huấn cụ.
  - Đủ thời gian.
  - Tính chất của chủ đề.

\*

\* \*

## **Sinh hoạt nhóm**

Trong chương này các nhóm có 3 lần họp và báo cáo trước lớp để có sự góp ý. Bạn đã chọn và được giảng viên và lớp đồng ý về chủ đề và đối tượng thực tập tập huấn theo từng nhóm. Cứ sau mỗi công đoạn do giảng viên trình bày, các nhóm họp và làm bài tập để trình bày và lớp góp ý.

- Bài tập 1 Sau phần lý thuyết về thẩm định nhu cầu học tập mỗi nhóm sẽ làm bài tập thẩm định nhu cầu học tập của đối tượng học viên của mình.
- Bài tập 2 Thực tập tìm hiểu đặc điểm để nắm vững chân dung của học viên.
- Bài tập 3 Xác định các mục tiêu của khóa tập huấn sắp thực hiện.

## ***CHƯƠNG IV***

### **VÀO CHÍNH KHÓA**

#### **1. Khai giảng**

Nêu lên mục này không phải vì thói quen long trọng hóa các buổi lễ khai giảng thường diễn ra với những bài diễn văn thật dài. Ngược lại dù sự phát biểu của các bên có liên quan là rất cần thiết nhưng những người đại diện các cơ quan chính thức nên nói càng ngắn càng tập trung càng tốt.

Mục đích quan trọng nhất là trình bày cho học viên toàn bộ chương trình học để họ góp ý. Chính học viên sẽ nêu lên mục tiêu học tập hay những kỳ vọng của họ đối với khóa học trên giấy. Đến cuối khóa việc lượng giá sẽ dựa trên mục tiêu chung được thỏa thuận giữa đôi bên sau khi bàn bạc về mục tiêu học tập. Chương trình khóa học đã chuẩn bị (xem chương III) được in và phát ra ở buổi đầu này.

Học viên cũng cần được làm sáng tỏ ngay các quy định, thủ tục mà họ phải chấp hành suốt khóa học.

(Buổi khai giảng chỉ kéo dài từ 30 phút đến 1 giờ).

#### **2. Khởi động bằng cách tạo bầu không khí thuận lợi**

Bầu không khí ban đầu tác động có ý nghĩa đến động cơ học tập. Trước tiên là môi trường vật chất phải thuận lợi.

- Phòng ốc thoáng mát không quá đẹp hoặc quá rộng (làm loãng bầu không khí)
- Bàn ghế xếp thành chữ U, hay vòng tròn để mọi người nghe và thấy mọi người, dễ tạo sự tham gia đối thoại.
- Các học cụ như giấy khổ lớn, bút, nếu cần thì tivi, đầu máy, máy chiếu qua đầu v.v...

Không cần thiết phải thật sang trọng. Giáo dục chủ động cần một bầu không khí thư giãn, thoải mái. Có một lớp học diễn ra tại một phòng họp của một trung tâm hội nghị. Bàn đầu dục, ghế niêm, mỗi người có micro trước mặt. Dù chỉ có 20 người tham dự mà không ai dám tham gia vì bầu không khí giống như cuộc họp của chính phủ. Còn tại một trung tâm nọ, các trang thiết bị hiện đại được sử dụng tối đa... Cuối khóa, học viên kết luận rằng về địa phương họ không làm giáo dục chủ động được vì họ không có video, máy chiếu qua đầu (overhead) v.v... Trong bối cảnh còn nghèo nên sử dụng giấy khổ lớn, bút lông, bảng trắng, bảng ni, pano, tranh... là được rồi.

Quan trọng hơn khu cảnh vật chất là bầu không khí tâm lý: làm sao cho mọi người cảm thấy thư giãn, thoải mái, vui tươi. Yếu tố quyết định là thái độ và phong cách người dạy. Trước tiên là vị trí, nếu người dạy đứng trên bục cao, rất xa học viên khoảng cách tâm lý sẽ tăng. Nếu chỗ ngồi xếp theo vòng tròn hay chữ U thì thấy ngồi giữa. Không quá cách biệt.

Diện mạo gây ấn tượng đầu tiên. Nếu tới một nơi bình dân, một lớp học mà người học thuộc tầng lớp không giàu có, người dạy ăn mặc trang trọng hay sang trọng quá cũng khó hòa nhập.

Nhưng căn bản hơn hết là thái độ, khả năng truyền thống và phương pháp thư giãn, thoải mái, dễ gần. Sự tự tin trong khiêm tốn, sự quyết đoán trong lắng nghe và tôn trọng ý kiến người tham dự, biết tổ chức, điều hành mà dân chủ. Vui vẻ, một chút khôi hài và sự tự giới thiệu thân tình đúng mức sẽ rút ngắn được khoảng cách tâm lý.

Vì giáo dục phát triển nhằm vào thay đổi hành vi, nhấn mạnh sự trao đổi kinh nghiệm, học theo chiều ngang, sự quen biết lẫn nhau giữa học viên là cơ bản. Do đó phải dành đủ thời gian và chăm chút giai đoạn học viên tự giới thiệu lẫn nhau.

Có rất nhiều trò chơi làm “tan tảng băng”, gây cười làm người ta phải làm quen. Có những cách tự giới thiệu hay giới thiệu người khác giúp cho biết không những phái, tuổi, nơi công tác, quá trình học tập, kinh nghiệm v.v... mà cả những tâm tư nguyện vọng, lo âu, mong chờ đối với khóa học.

Điều này giúp tạo động cơ học tập nơi học viên và giúp cho người hướng dẫn biết rõ đối tượng của mình hơn nữa.

### **3. Xây dựng nhóm**

Sự thay đổi hành vi diễn ra chủ yếu thông qua các tương tác trong sinh hoạt nhóm, nên thông thường mọi khía cạnh giáo dục chủ động đều bắt đầu bằng các hoạt động “xây dựng nhóm”



(team building). Hoạt động năng động nhóm phải thực hiện rất đúng cách để tạo được sự biết mình, biết người, tự tin và tin tưởng lẫn nhau, cởi mở chấp nhận, tôn trọng lẫn nhau.

Nếu không, các nhóm chỉ là hình thức và có khi còn có hại vì có sự khống chế của một hay vài cá nhân hoặc có sự chia rẽ, khép kín, bỏ cuộc, tránh né.

Xây dựng nhóm là cơ bản để học viên nhận thức được ý nghĩa của việc học bạn, lắng nghe người khác để cải thiện các kỹ năng tâm lý xã hội của mình và hơn hết sẵn sàng đón nhận các mới.

Việc xây dựng nhóm thành công xem như đã đi được nửa đoạn đường. Điều này đòi hỏi người hướng dẫn phải rất vững tay nghề. (xem phụ lục IV.1)

#### **4. Phương pháp và công cụ**

Như đã nói, sự thành công của khóa học dựa trên sự kết hợp thật nhuần nhuyễn giữa nội dung và phương pháp để đạt mục tiêu.

##### ***4.1 Phương pháp là sự kết hợp khéo léo các công cụ để đạt được các mục tiêu sau:***

- Cung cấp thông tin.
- Tập phân tích các tình huống xã hội.
- Giải quyết vấn đề.
- Thay đổi thái độ và hành vi.
- Học kỹ năng công nghệ hay xã hội.
- Giáo dục giác ngộ.
- Phát huy tính sáng tạo...

Và mục tiêu nào hệ phương pháp ấy.

Hệ phương pháp hay sự kết hợp các công cụ được quyết định bởi:

- Nội dung.
- Mục tiêu học tập.
- Số lượng học viên.
- Đặc điểm dân số học và văn hóa xã hội của học viên.
- Quá trình học tập.
- Kinh nghiệm đối với giáo dục chủ động.
- Kinh nghiệm đối với chủ đề v.v...

Nghệ thuật là biết thích nghi với thực tế cụ thể của những yếu tố kể trên.

##### ***4.2 Có thể kể một số công cụ thông dụng sau đây:***

###### ***4.2.1 Trình bày (presentation)***

Người hướng dẫn giới thiệu một số thông tin, hay lý thuyết bằng:

- Lời nói suông (thuyết trình)
- Lời nói kết hợp với minh họa (viết trên bảng, trên giấy, tranh ảnh, máy chiếu...)
- Một cuốn phim, màu sắc, âm thanh sẽ tác động đến cảm xúc, làm cho dễ tiếp thu.

Ba cách trên có những điểm chung là chỉ hướng về một chiều từ trên xuống.

### **Ưu điểm**

- Người nghe tiếp thu có hệ thống .
- Hiểu lý thuyết một cách có trình tự.

### **Hạn chế**

- Tạo sự thụ động.
- Dễ nhàm chán.

Nên sử dụng công cụ này kết hợp với nhiều công cụ khác. Và không nên nói quá lâu (15 đến 30 phút là vừa, có thể ngắn hơn nữa). Mục đích là giới thiệu một nội dung mới, hay tổng hợp, hệ thống hóa những điều đã thảo luận. Có người đề nghị sử dụng các “lecturette” (bài nói chuyện nhỏ) thay vì “lecture” (là một bài thuyết trình dài)

#### *4.2.2. Hỏi đáp: (Questions answers)*

Đây là một kỹ năng rất phổ biến. Sau cuộc trình bày, học viên hỏi để làm sáng tỏ vấn đề, hoặc thầy hỏi để xem học viên hiểu tới đâu.

### **Ưu điểm**

- Làm sáng tỏ vấn đề.
- Nêu vấn đề mới.
- Người dạy nắm được phản hồi.
- Tạo sự sinh động.

### **Hạn chế**

- Chỉ một ít tham gia, phần lớn thụ động.
- Có thể gây mệt mỏi, nhàm chán cho người nghe.
- Những câu hỏi ngớ ngẩn, với mục đích phá phách hay lạc đề gây bức bối.
- Có thể đưa tới bầu không khí của một lớp học cho trẻ em.

Nên dùng nhưng không lạm dụng các công cụ này. Đối với trẻ em thanh thiếu niên, các trò chơi như hái hoa dân chủ, đồ vui để học... là một cách hỏi đáp sinh động.

#### *4.2.3. Trình diễn (demonstration)*

Đây là một công cụ phù hợp và phổ biến trong hoạt động khuyến nông, vì đối với nông dân “trăm nghe không bằng một thấy”. Thấy được sự thành công của những thửa ruộng trồng giống lúa mới, dùng phương pháp bảo vệ thực vật mới, người nông dân mới an tâm áp dụng.

Trong công nghệ để biết sử dụng máy móc sản xuất hay văn phòng chỉ có cách thao tác trên máy móc thật để học viên quan sát và sau đó làm thử.

### **Ưu điểm**

- Cần thiết cho việc dạy kỹ năng công nghệ.
- Thuyết phục được người ít kiến thức cơ bản về tiến bộ khoa học kỹ thuật.

### **Hạn chế**

- Không chỉ có thể sử dụng đơn phương mà phải kết hợp với trình bày, thông tin, lý thuyết, thực tập...

#### 4.2.4. Các phương pháp tạo sự tham gia trong tập thể đông người

Trong một lớp đông người (40 trở lên), mới gặp nhau người ta rất ngại tham gia. Có những cách sau đây để tạo bầu không khí sinh động:

##### a. Những mảnh giấy nhỏ:

- Người nghe nếu có ngại phát biểu có thể viết câu hỏi trên những tờ giấy nhỏ và nộp cho người nói.

Hoặc người dạy có thể phát ra những tờ giấy nhỏ để học viên trả lời một câu hỏi đặt ra.

##### **Ưu điểm**

- Tạo được sự tham gia.
- Người dạy nắm được phản hồi.
- Khởi dậy được sự chú ý nếu các mảnh giấy được phát ra đầu buổi để người giảng tổng hợp ý kiến từ học viên về chủ đề và phản hồi lại để gây sự chú ý.

##### **Hạn chế**

- Khó sử dụng nếu người dạy không có khả năng tổng hợp tốt.
- Khó tránh những thời gian “chết” gây chia trí.

##### b. Tham khảo chớp nhoáng tại chỗ (Phillip 6-6)

Giảng viên đưa ra một hay nhiều câu hỏi, học viên cứ ngồi tại chỗ tụm 2 tụm 3 thảo luận câu hỏi được chỉ định. Sau 3 đến 5 phút đại diện mỗi nhóm phát biểu ý kiến. Hình thức này làm cho học viên mạnh dạn hẳn lên và thảo luận sôi nổi.

Kỹ thuật này mang tên Phillip sáng tạo ra. Ông kêu gọi 6 người thảo luận trong 6 phút. Còn gọi là “buzz session” vì khi các nhóm thảo luận thì vang lên một thứ âm thanh rì rì vui vui giống như tiếng một tổ ong. (Buzz: tiếng kêu của con ong)

##### **Ưu điểm**

- Rất hữu ích để tạo sự tham gia.
- Lôi cuốn được sự tham gia của mọi người.

##### **Hạn chế**

- Không tác dụng nếu lạm dụng:
- Kéo dài.
- Đặt câu hỏi không hay.
- Gây sự nhàm chán.
- Sẽ thất bại ngay từ đầu nếu sử dụng với người lớn quen thói học cũ. Đối với trẻ em sẽ khó kiểm soát tình hình.

#### 4.2.5 Hội thảo (symposium), diễn đàn (forum), tranh luận (debate)

a) Hội thảo

Cũng là trình bày từ trên xuống, nhưng thay vì một thì nhiều thuyết trình viên nói ngắn về các mặt bổ sung cho nhau của một chủ đề, trước khi mở rộng cuộc thảo luận cho tập thể lớn.

**Ưu điểm**

- Tránh được sự nhàm chán.

**Hạn chế**

- Nguy cơ nói dài.
- Các thuyết trình nhỏ không ăn khớp, bổ sung vào do đó bỏ qua các mặt quan trọng.
- Cần có người điều khiển vững tay nghề.

b) Diễn đàn (forum)

Như hội thảo nhưng mục đích là đưa ra những ý kiến khác nhau, mở đường cho những suy nghĩ sáng tạo. Ưu khuyết điểm như hội thảo nhưng có thể thêm:

**Ưu điểm**

- Giúp động não, suy nghĩ sáng tạo.

**Hạn chế**

- Người nghe thất vọng nếu người chủ tọa không tổng hợp và giải quyết được vấn đề.

c) Tranh luận (debate)

Nhóm chia làm hai phe với ý kiến đối lập. Có thể gây hứng thú cao nhưng nguy cơ không gom được vấn đề cũng cao.

Hạn chế chung: có thể chỉ là một số ít người mạnh miệng tham gia.

*4.2.6 Trường hợp điển cứu (case study)*

Một tình huống có thật hay hư cấu xuất phát từ cuộc sống (nhưng thật thì tốt hơn) được viết và in ra để phát cho học viên. Đây có thể là một đối tượng xã hội (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) có vấn đề, một dự án phát triển thành công hay (nhất là) thất bại. Trường hợp điển cứu không phải là một điển hình tiên tiến, một câu chuyện kết thúc có hậu để tạo phần khởi cho người đọc. Nó phải xuất phát từ cuộc sống, nó là cuộc sống thật nghĩa là có ưu khuyết, thuận lợi khó khăn. Nếu được học viên chia thành nhóm thảo luận để phân tích nguyên nhân dẫn tới tình huống, tìm biện pháp giải quyết vấn đề.

Nghiên cứu tình huống trong khoa học xã hội giống như thực tập ở phòng thí nghiệm vì người học được “sờ mó” thực tế.

Đây là phương pháp rất thông dụng trong giảng dạy khoa học xã hội.

**Ưu điểm**

- Giúp rèn luyện khả năng phân tích xã hội và giải quyết vấn đề.

**Hạn chế**

- Sẽ ít tác dụng nếu tình huống không được xây dựng tốt. Người viết phải vững tay nghề, đây là một kỹ năng đặc biệt.

#### 4.2.7 *Simulation (mô phỏng)*

Là bắt chước, lập lại những hành vi, tình cảm có thật trong thực tế bằng hành động thay vì mô tả bằng lời. Lấy ví dụ làm những điều bộ của người say rượu, diễn đạt cảm xúc của một em bé...

Đây là học bằng hành vì khi thử làm như đối tượng mà ta nghiên cứu ta nhận ra ngay tình cảm hay đặc điểm của đối tượng này. Còn nếu chỉ nói về nó thì ta mơ hồ, như người đứng ngoài.

#### **Ưu điểm**

- Giúp nhận thức tình huống tâm lý xã hội.

#### **Hạn chế**

- Không khéo sẽ làm mất tự nhiên

#### 4.2.8 *Thảo luận nhóm nhỏ (small group discussion)*

Khi nói đến nhóm nhỏ thì con số lý tưởng là 6 - 8 người. Nhiều cuộc gọi là “thảo luận nhóm” quy tụ tới 20 - 30 thành viên là không đúng quy cách và không đạt hiệu quả. Bởi lẽ thảo luận nhóm là để cho mọi người tham gia mà đông quá thì không tham gia được. Thảo luận từ 45 phút đến 1 tiếng tạo đủ điều kiện cho học viên chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau phân tích tường tận một vấn đề. Thảo luận nhóm là công cụ quan trọng nhất trong phương pháp giáo dục chủ động. Vì nó giúp rèn luyện tinh thần hợp tác, thái độ lắng nghe, sự giúp nhau học tập, thay đổi. Nó tạo điều kiện tốt để học viên tham gia xây dựng lớp với tinh thần chủ động. Tuy nhiên một công cụ chỉ đạt kết quả khi được sử dụng đúng và có nghệ thuật (TLTK IV, 2).

#### 4.2.9 *Động não (brain storming)*

Đây là một cuộc họp ngắn không có thảo luận. Mỗi học viên suy nghĩ trước vài phút và viết trên giấy tất cả các khía cạnh cần đề cập đối với một vấn đề mà người chủ tọa đưa ra. Mỗi người luân phiên liệt kê danh sách ý kiến của mình, không sợ trùng lặp với người nói trước. Tuyệt đối không bình luận, tranh luận hay triển khai một ý kiến. Các ý kiến lạ thường nhất được khuyến khích, không chối bỏ một ý kiến có vẻ “ngoài luồng” nào. Các ý kiến trùng lặp làm nổi bật tính cấp bách của một vấn đề. Công cụ này thường được sử dụng trong quản lý vì với thời gian người ta có thói quen có suy nghĩ sáo mòn, bỏ ra ngoài tai những ý kiến khác lạ. Ví dụ: một trưởng phòng trong buổi họp giao ban thay vì cứ theo trình tự cũ như:

- Báo cáo công tác đã qua.
- Hoạch định công việc sắp tới.
- Giải quyết các vướng mắc...

thì đề nghị các thành viên suy nghĩ vài phút và liệt kê tất cả những gì họ thấy cần thảo luận, giải quyết. Có thể từ đó xuất hiện những vấn đề mới như: mâu thuẫn nội bộ, sáng kiến của một công nhân v.v....

Trên cơ sở các ý kiến đưa ra, người trưởng phòng mới xây dựng chương trình nghị sự.

#### **Ưu điểm**

Kỹ thuật này ngăn ngừa các suy nghĩ sỏi mòn, khuấy khích sự sáng tạo, nêu bật các vấn đề bị che lấp và tạo điều kiện cho sự tham gia dân chủ.

### **Hạn chế**

Coi chừng sự sa đà của những người nói lê thê, mất giờ. Người chủ tọa phải giữ chặt nguyên tắc không thảo luận và dành mục này cho một cuộc họp khác.

#### *4.2.10 Các hình thức kịch*

Có rất nhiều hình thức như có điều nên nhớ là người học chính là diễn viên chứ không phải là người thụ động xem kịch.

##### a) Kịch quần chúng (popular drama)

Là những tiểu phẩm ngắn do quần chúng tự biên tự diễn để mô tả hoàn cảnh sống của mình. Kịch làm cho họ mạnh dạn nói lên tâm tư nguyện vọng của họ và từ đó nhìn thẳng vào hoàn cảnh sống của mình, phân tích nó và tìm cách cải thiện bằng hành động chung xuất phát từ cuộc sống. Kịch như đưa họ trở về với cuộc sống để cải thiện nó.

##### b) Tiểu phẩm (sketch)

Là một nội dung tâm lý, xã hội được mô tả bằng các nhân vật để khơi dậy sự chú ý và khai mào cho một cuộc thảo luận đào sâu vấn đề.

##### c) Sắm vai (role play)

Không phải là một vở kịch với kịch bản và có tập dượt, điều quan trọng là phát hiện tâm lý đối tượng và mối tương tác giữa người với người. Sắm vai là diễn lại một tình huống nào đó để người sắm vai lột tả được tâm lý đối tượng. Ví dụ trong một cuộc tiếp dân một người đóng vai cán bộ, một người đóng vai dân. Tình huống là một cuộc khiếu nại. Khi mỗi người phải suy nghĩ về tâm lý nhân vật để đóng tốt thì đột nhiên họ “bật ra”, “thức tỉnh” về nhân vật đó hơn và thay đổi cách ứng xử. Ví dụ : anh cán bộ đóng vai dân đột nhiên hiểu ra là mình làm khổ dân đến mức nào.

Điều quan trọng không phải vở kịch mà cuộc thảo luận sau đó về thực trạng tâm lý xã hội, về mối tương tác giữa người với người.

### **Ưu điểm**

Ba hình thức trên là những công cụ hết sức sắc bén trong giáo dục giác ngộ, lại vui và phát triển tính sáng tạo nơi người học.

### **Hạn chế**

Nhưng một lần nữa người hướng dẫn phải vững tay nghề mới thành công.

##### d) Kịch (psycho drama)

Là hình thức cao cấp, tinh vi chỉ các nhà tâm lý thành thạo mới sử dụng được, nhằm mục đích trị liệu.

#### *4.2.11 Các trò chơi (games)*

Tác dụng làm thay đổi nhận thức và thái độ của các trò chơi rất to lớn. Ví dụ một trò chơi “đóng tàu” hay “xây nhà” thuyết phục ngay về tình thần đồng đội thay vì nghe giảng hàng giờ.

Vô số các trò chơi làm quen tạo ngay bầu không khí thân mật trong lớp. Các trò chơi quản lý là cơ hội để học viên rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Hàng trăm trò chơi đã được tập hợp nhằm hỗ trợ cho các công cụ khác để tạo ra nhanh những nhận thức và thái độ mới trong lĩnh vực tâm lý xã hội (xem Nguyễn Ngọc Lâm, “Sinh hoạt Trò Chơi Trong Dạy Và Học”).

Còn rất nhiều hình thức như vẽ tranh, thi đua... Mỗi đào tạo viên có thể sáng tạo ra công cụ của mình và mời gọi sự tham gia của học viên để đóng góp vào kho tàng công cụ.

Ưu điểm: Tạo nhận thức nhanh, dứt khoát.

Hạn chế: phải lựa chọn những trò chơi thật phù hợp với đối tượng.

## 5. Lượng giá

Mọi sự rời phải đi vào kết cục. Lượng giá trong học tập là rà soát lại xem mục tiêu học tập có đạt được hay không.

Nói chung hình thức lượng giá phổ biến nhất trong học tập là thi cử. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi sự thuộc bài là mục tiêu giáo dục, kiểu lượng giá này chỉ thăm định được sự cẩn mẫn và trí nhớ của người học. Tệ hại hơn nhiều là khi thí sinh quay chép thì thi cử chẳng có ý nghĩa gì mà còn gây sự nản lòng, mất niềm tin của người trung thực.

Các khóa ngắn hạn có thu hoạch hay phát biểu cảm nghĩ của người học, nhưng chưa khoa học, chưa sâu.

### 5.1 Thiết kế và thực thi lượng giá như thế nào, từ lúc nào

Lượng giá cần được quan tâm đến ngay từ khâu đầu khi lên kế hoạch đào tạo. Lượng giá chỉ có giá trị khi mục tiêu được xác định một cách cụ thể nghĩa là quan sát, “đo điểm” được. Điều cần đo lường không chỉ là kiến thức mà những thay đổi trong thái độ và hành vi và những kỹ năng mới về khoa học kỹ thuật lẫn xã hội. Học xong một khóa học về tiện, anh công nhân có thể thi nâng bậc. Qua một khóa năng động nhóm, nhân viên xã hội nọ điều động buổi họp nhóm tốt hơn.

Nếu dự án đào tạo được kế hoạch một cách chi tiết và chặt chẽ thì có thể thiết kế một bảng lượng giá chặt chẽ. Ví dụ: có quan tâm từ kết quả học tập tới tính phù hợp của hệ phương pháp và lượng thời gian, hiệu quả trong thực tiễn công tác... Có nhiều hình thức lượng giá.

#### a) Phổ biến nhất là thi cuối khóa

- Muốn đo lường chính xác và đặc biệt là muốn đo lường kiến thức học được thì sử dụng bảng trắc nghiệm.

- Muốn tìm hiểu sự thay đổi về cảm xúc, thái độ thì cho làm bài viết, bài thu hoạch.

b) Vì lượng giá là nắm bắt thái độ và trình độ tiếp thu của người học, mọi hình thức nắm phản hồi từ phía người học đều đáng góp phần vào lượng giá như đối thoại trong lớp, họp nhóm, động não v.v...

c) Cũng có thể cho học viên diễn đạt những điều thu hoạch bằng một hình thức nghệ thuật: vẽ, kịch, biện soạn bài hát... Hình thức này gây phấn khởi và tạo ấn tượng lâu dài.

d) Nếu chương trình đào tạo có tầm quan trọng đặc biệt, được thiết kế chặt chẽ, khoa học thì có thể thiết kế một bảng lượng giá chặt chẽ dưới hình thức bảng câu hỏi viết hay bảng hướng dẫn phỏng vấn nhằm vào số đông.



Những công cụ này được bổ sung bằng phỏng vấn không chương thức, quan sát...

### **5.2 Lượng giá lúc nào?**

Cuộc lượng giá cuối kỳ là tất yếu, nhưng phải có những cuộc lượng giá nhỏ định kỳ, nhịp độ tùy thời gian học tập. Các bài tập nhỏ trong lớp, hoặc cùng ôn giai đoạn vừa hoàn thành, hoặc bài kiểm tra là hình thức phổ biến. Lượng giá định kỳ rất cần thiết để điều chỉnh kịp thời về mặt thích nghi phương pháp, phân bố thời gian...

Tuy nhiên, mọi sự không chấm dứt khi kết thúc một khóa học, vì điều quan trọng là người học sau khi tốt nghiệp có áp dụng được kiến thức hay kỹ năng mới vào công việc ở cơ quan hay môi trường xã hội không. Ví dụ một số cán bộ của cơ quan nọ được gửi đi để học các phương pháp quản lý mới. Sau vài tháng họ làm việc trở lại, cả cơ quan đặt hàng lẫn cơ quan đào tạo cần xét lại xem khóa học có tác dụng gì đối với công việc của cơ quan đặt hàng. Các mặt tích cực, hạn chế hay tiêu cực ra sao? Đôi bên cần biết để rút kinh nghiệm cho những lần tới.

Một ví dụ khác là lĩnh vực Công tác Xã hội. Đây là một ngành mới mẻ, liệu xã hội có chấp nhận nghề mới này không, những người tốt nghiệp đang làm việc ra sao, gặp những khó khăn nào? Đó là lượng giá theo dõi (follow up evaluation).

### **5.3 Ai tham gia lượng giá?**

Dĩ nhiên các đối tượng có liên quan chính là người dạy và người học. Những tổ chức đặt hàng, cơ quan xí nghiệp, cộng đồng có tiếng nói quan trọng vì họ là người “tiêu thụ” sản phẩm mới.

## **KẾT LUẬN**

Thiết kế, thực hiện một chương trình đào tạo nhằm vào hiệu quả, lấy người học làm trung tâm để góp phần đẩy mạnh phát triển là một điều mới mẻ. Nhưng nếu áp dụng một cách chặt chẽ từ khâu đầu (xác định nhu cầu, mục tiêu đào tạo) đến khâu cuối (lượng giá) từ từ chúng ta sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Mới và khó vì chính người thầy là người phải thay đổi trước tiên.

\*

\*       \*

## **Sinh hoạt nhóm**

Nhóm bạn đã xác định chủ đề, đối tượng và mục tiêu tập huấn. Trên cơ sở đó bạn hãy chọn một số công cụ sẽ mang lại hiệu quả cao nhất. Chuẩn bị kỹ nội dung và lên kế hoạch để thực hiện một khóa tập huấn trước lớp.



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN

Từ lâu người ta nhận ra rằng giáo dục là yếu tố trung tâm của phát triển. Cách đây ba thập kỷ khi các nước đang phát triển nỗ lực thúc đẩy phát triển xã hội và kinh tế, giáo dục không chỉ là phương tiện để nâng cao ý thức chính trị và xã hội mà còn để gia tăng số lao động có tay nghề và nâng cao trình độ lực lượng lao động nói chung. Những lợi ích trên cộng vào những lợi ích rõ rệt cho cá nhân đã thúc đẩy mạnh mẽ số học sinh ở cấp tiểu học cũng như sự gia tăng đầu tư vào giáo dục cấp trung học và đại học. Mặc dù giáo dục đạt được nhiều tiến bộ trong những năm 1950 sự tăng trưởng của giáo dục đã thất bại trong việc thực hiện:

1. Công bằng trong sự phân phối thu nhập và dịch vụ xã hội.
2. Một sự cân bằng giữa năng suất của hệ thống giáo dục và khả năng tuyển dụng của thị trường lao động.

Thập kỷ 60 chứng kiến sự thay đổi sâu sắc trong nhận thức về phát triển. Khi các nước đang phát triển bắt đầu tập trung vào “lĩnh vực hiện đại” (modern sector) với công nghiệp hóa, “lĩnh vực hiện đại” này ngốn một phần to lớn số vốn đã quá ít ỏi trong khi đó các doanh nghiệp nhỏ hay truyền thống dù có tiềm năng cũng bị bỏ quên và có khi bị sát phạt một cách gián tiếp. Vì đầu tư hiện đại thường tập trung vào thành thị, nó tạo ra luồng di dân mạnh mẽ từ nông thôn ra thành thị và trong một số trường hợp làm cho nạn thất nghiệp trở nên càng trầm trọng. Lĩnh vực hiện đại đã thất bại trong việc thu nhận nguồn nhân công cân xứng với tốc độ di dân. Điều được sớm phát hiện là “tăng trưởng kinh tế quốc gia” tự nó không đủ để cải thiện tình hình phúc lợi cho người nghèo một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

Vào cuối thập kỷ 60 yêu cầu nới rộng định nghĩa “phát triển” từ khái niệm hạn hẹp của tăng trưởng kinh tế đã trở nên rõ rệt. Năm 1970 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc khẳng định rằng “vì mục đích cuối cùng của phát triển là tạo ra những cơ hội ngày càng nhiều cho tất cả mọi người để có đời sống tốt hơn, điều thiết yếu là tăng cường và cải thiện các điều kiện cho giáo dục, sức khỏe, dinh dưỡng nhà ở và an sinh xã hội cũng như để bảo vệ môi trường” (nghị quyết Đại Hội thứ 25 của Liên Hiệp Quốc 15/09 - 17/12/1970). Khái niệm phát triển này nhằm cải thiện an sinh cho con người, trước tiên là bằng cách cung ứng các sản phẩm và dịch vụ cần thiết để xóa bỏ những biểu hiện của nghèo khổ như suy dinh dưỡng bệnh tật, mù chữ và thiếu vệ sinh. Những nỗ lực này không chỉ là những dịch vụ xã hội cho những người vị gặt bên lề, mà là nội dung trung tâm của nỗ lực phát triển quốc gia và sự phát triển tài nguyên nhân lực không chỉ giúp giảm nghèo mà còn đóng góp một cách đáng kể vào việc tăng năng suất và thu nhập quốc dân. Như Mc Namarra tuyên bố: “tăng trưởng kinh tế không với tới người nghèo một cách công bằng. Và người nghèo không đóng góp một cách có ý nghĩa cho tăng trưởng”. Chỉ tập trung vào lĩnh vực hiện đại và hy vọng rằng mức độ tăng trưởng cao sẽ nhỏ giọt xuống cho người nghèo ở nông thôn là thiếu khôn ngoan. Cần phải có những biện pháp đem lại lợi ích trực tiếp cho người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn. Mọi quan tâm về tăng trưởng, từ đó, nới rộng tới các mục đích phân phối thu nhập, và thỏa mãn nhu cầu cơ bản của mọi thành viên trong xã hội... Và nếu muốn khắc phục nghèo đói thì phải thỏa mãn các nhu cầu cơ bản, đặc biệt ăn đủ giá trị dinh dưỡng, nhà ở và mặc, giáo dục, nước sạch và chăm sóc sức khỏe.

Khái niệm tổng hợp này của phát triển nhấn mạnh ý nghĩa của giáo dục ở ba góc độ:

- Giáo dục là một nhu cầu cơ bản: con người cần có một nền tảng rộng về kiến thức, thái độ, giá trị và kỹ năng để dựa vào đó mà chuẩn bị cho mai sau, mặc dù có thể không theo một ngành học

chánh quy. Giáo dục như thế trang bị cho họ một tiềm năng để học, để đáp ứng với những cơ hội mới, để thích nghi với những thay đổi về văn hóa, xã hội, và để tham gia vào các hoạt động văn hóa xã hội, chính trị. Vì xã hội luôn luôn phát triển, giáo dục trở thành một điều kiện cần thiết giúp cho cá nhân gắn bó với nền văn hóa chung.

- Giáo dục là một phương tiện để thỏa mãn các nhu cầu cơ bản: Giáo dục sẽ ảnh hưởng và nhận sự tác động của việc tiếp cận các nhu cầu cơ bản khác như: dinh dưỡng phù hợp, nước uống an toàn, dịch vụ sức khỏe, nhà ở. Sự giảm bớt các bệnh đường ruột và bệnh ký sinh trùng chẳng hạn có được là nhờ giáo dục. Nước sạch, chương trình sức khỏe, sẽ làm tăng giá trị dinh dưỡng của cùng một số lượng thực phẩm. Ngược lại, sự cải tiến dinh dưỡng, đặc biệt nơi trẻ sơ sinh và trẻ em sẽ cải tiến năng lực học tập của chúng và những lợi ích có được từ giáo dục sẽ làm tăng năng suất và thu nhập. Đúng là nước sạch làm tăng cường sức khỏe nhưng nó có được tác dụng này hay không tùy thuộc vào trình độ giáo dục và hiểu biết của người dùng nó.

- Giáo dục là một hoạt động củng cố và đẩy mạnh phát triển toàn diện: giáo dục đóng nhiều vai trò khác nhau. Thứ nhất, nó chuẩn bị và đào tạo những lao động có tay nghề ở mọi cấp để quản lý nguồn vốn, kỹ thuật, dịch vụ, và hành chính trong lãnh vực của nền kinh tế. Kinh nghiệm cho thấy các dự án phát triển không được thực thi tốt nếu vốn đầu tư và chuyển giao kỹ thuật không được kèm theo kiến thức và kỹ năng của con người. Các cuộc nghiên cứu cho thấy trong một số trường hợp hiệu quả đầu tư vào giáo dục cao hơn là đầu tư trong lãnh vực khác và ở các nước đang phát triển thì hiệu quả lại càng cao hơn các nước phát triển. Thứ hai, thông qua nhân sự được đào tạo, phương pháp luận phát triển, thiết chế cải tiến, giáo dục sẽ đẩy mạnh kiến thức ở các lãnh vực cơ bản và ứng dụng. Thứ ba là, khi mối quan tâm về quản lý môi trường, về sự bảo quản và sử dụng năng lượng, về sự cân bằng giữa dân số và tài nguyên ngày càng tăng thì giáo dục sẽ phải nâng cao nhận thức, cung cấp kiến thức và kỹ năng và nhân sự chuyên môn để giải quyết các vấn đề môi trường. Thứ tư, sự tăng tốc của phát triển kinh tế, tiến bộ công nghệ và biến chuyển xã hội sẽ làm thay đổi mối tương quan giữa cá nhân và xã hội và làm tan vỡ những sự hỗ trợ truyền thống mà xã hội đã cung cấp cho cá nhân. Khả năng của cá nhân để gắn bó với môi trường văn hóa thay đổi và có được những vai trò xây dựng trong xã hội phụ thuộc phần lớn vào những gì giáo dục có thể đem lại cho anh ta để tự hiểu biết bản thân, để biết chọn lựa và có được cái nhìn phê phán đối với môi trường văn hóa.

Tuy nhiên những gì giáo dục làm được có thể gặp nhiều hạn chế bởi trật tự kinh tế, quyền lực chính trị và cấu trúc xã hội hiện hành. Giáo dục sẽ mang lại nhiều hiệu quả trong những bối cảnh mà các chính sách liên quan góp phần vào việc cải thiện cùng lúc tình trạng kinh tế và xã hội. Tuy nhiên kinh nghiệm các nước đang phát triển ba thập kỷ qua cho dù thiếu những biến đổi xã hội có hoạch định, giáo dục không nhất thiết chỉ giữa nguyên hay củng cố cố hiện trạng. Ngược lại, giáo dục được phổ biến rộng rãi tạo được sự thay đổi trong các điều kiện kinh tế xã hội hiện hành vì nó đem lại cho những người thiệt thòi khả năng di động về mặt kinh tế xã hội để khắc phục các rào cản truyền thống. Hiểu biết được quyền lợi và hành động chính trị, những người này có thể thành những lực lượng được tổ chức để tạo ra sự đổi mới trong cộng đồng và quốc gia.

Giáo dục không chỉ là một lãnh vực của phát triển như nông nghiệp hay công nghiệp chẳng hạn nhưng còn là một nhân tố cần được hòa nhập xuyên suốt vào mọi nỗ lực phát triển theo chiều dọc lẫn chiều ngang. “Do tính chất phức tạp của các vấn đề mà giáo dục giúp giải quyết, giáo dục trong một bối cảnh liên ngành, phải được xem như một nhân tố đa chiều của phát triển mà trong đó con người vừa là cứu cánh vừa là công cụ” (UNESCO 1978). Vì là một yếu tố hiện diện xuyên suốt:

1. Phạm vi của Giáo dục thật bao trùm về mặt nội dung như hình thức. Nội dung bao gồm từ kiến thức cơ bản tới nghiên cứu chuyên sâu, từ đào tạo kỹ năng cho cuộc sống hằng ngày tới kỹ năng sản xuất cao cấp.  
Về hình thức có thể đi từ các hình thức chính quy như trường học đến các hình thức phi chính quy; từ trình độ giản đơn như học đọc học đếm đến các chương trình hậu đại học chuyên sâu.
2. Giáo dục tổng quát cũng thiết yếu như đào tạo kỹ năng để đạt mục đích phát triển. Những cuộc nghiên cứu gần đây chỉ ra mối liên hệ tích cực ba chiều giữa tiểu học, khuyến nông và năng suất nông nghiệp. Và mối tương quan ngược lại giữa kích cỡ gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ hay của người mẹ. Những mối tương quan này, tuy nhiên, không rõ ràng ở những nước mà trình độ biết chữ của người phụ nữ còn rất thấp. Nói chung tính cách bổ sung giữa giáo dục tổng quát và đào tạo kỹ năng có tương quan chặt chẽ với sự thay đổi nhanh diễn ra ở các nước đang phát triển. Trong một bối cảnh như thế, người dân hết sức cần một sự kết hợp giữa giáo dục tổng quát và kỹ năng chuyên môn để thích nghi và đóng góp tích cực vào sự đổi mới.
3. Đầu tư cho giáo dục đào tạo phải cân xứng với đầu tư cho các lĩnh vực khác để người học có thể tham gia vào các hoạt động xây dựng nền kinh tế đang phát triển.
4. Công bằng trong giáo dục và phát triển kinh tế quốc gia phải đi đôi với nhau. Tăng cường cơ hội học tập ở vùng nông thôn, sẽ dẫn đến công bằng và góp phần áp dụng các phương pháp canh tác cải tiến, vào sự phát triển công nghiệp và làm tăng thu nhập ở nông thôn. Tương tự như vậy, tăng cường cơ hội học hỏi cho phụ nữ sẽ đẩy mạnh công bằng và qua đó sự phát triển quốc gia. Tiềm năng đóng góp của phụ nữ được giáo dục và đào tạo cho lực lượng lao động và vai trò quan trọng của sự giáo dục phụ nữ đối với việc cải thiện phúc lợi và kế hoạch hóa gia đình là những yếu tố chưa lường hết trong phát triển quốc gia.

World Bank, Education, Sector Policy  
Paper, April 1980

# TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ GIÁO DỤC CHO MỌI NGƯỜI

## ĐÁP ỨNG NHU CẦU GIÁO DỤC CƠ BẢN

### LỜI MỞ ĐẦU

Đã hơn 10 năm qua, các quốc gia trên thế giới khẳng định rằng : “Mọi người đều có quyền giáo dục” trong bản tuyên ngôn toàn cầu về các quyền con người. Tuy nhiên, ngày nay mặc dù những nỗ lực to lớn được các nước trên thế giới triển khai để bảo đảm quyền giáo dục cho mọi người thì thực tế vẫn là :

Hơn 100 triệu trẻ em, trong đó ít nhất là 60 triệu em gái, không có giáo dục tiểu học.

Hơn 960 triệu người lớn, trong đó có 2/3 là nữ bị mù chữ và tất cả các quốc gia dù là phát triển hay đang phát triển đều gặp phải vấn đề nghiêm trọng về mù chữ.

Hơn 1/3 người lớn trên thế giới không được biết đến các ấn phẩm, tri thức và kỹ thuật mới có thể nâng cao chất lượng sống của họ và giúp họ thay đổi xã hội và văn hóa, và thích ứng với những thay đổi đó.

Hơn 100 triệu trẻ em và vô số người lớn không được hoàn tất chương trình giáo dục mà họ đã bắt đầu, hàng triệu người khác đã theo đuổi đến cùng cũng không đạt được trình độ kiến thức và năng lực cần thiết.

Đồng thời thế giới phải vật lộn với những vấn đề đang đè nặng, chủ yếu gánh nặng ngày càng lớn của nợ nần, những nguy cơ trì trệ và suy thoái kinh tế, sự gia tăng dân số quá nhanh, hồ sâu ngăn cách ngày càng lớn giữa các quốc gia và ngay trong từng quốc gia, chiến tranh và xung đột dân sự, tội phạm bạo hành, cái chết không tránh khỏi của hàng triệu trẻ em và sự xuống dốc mọi nơi của môi trường. Những vấn đề này đã kiềm hãm các nỗ lực đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản, và sự thiếu hụt kiến thức cơ bản của một bộ phận dân số đáng kể đã cản trở sự tấn công vào đó với quyết tâm và sức lực mong muốn.

Những vấn đề này là nguyên nhân của sự tụt hậu về giáo dục cơ bản trong rất nhiều nước trong số các nước phát triển chậm trong thập niên 80. Ở những nước khác thì sự tăng trưởng kinh tế đã cho phép tài trợ việc phát triển giáo dục, nhưng vẫn còn con số hàng triệu người nghèo khổ không được đi học hoặc mù chữ. Trong một số nước công nghiệp hóa cũng vậy, việc cắt giảm các chi tiêu công cộng trong thập niên 80 đã dẫn đến một sự xuống dốc của giáo dục.

Tuy nhiên, thế giới hiện đang ở ngưỡng cửa của một thế kỷ mới đầy triển vọng và khả năng. Như nay ta nhận thấy có một sự tiến bộ thật sự về việc hòa hợp và hợp tác lớn hơn giữa các quốc gia. Các quyền lợi và năng lực chủ yếu của phụ nữ trở nên có hiệu lực. Các thành quả khoa học và văn hóa có lợi cho con người được nhân rộng ra. Khối lượng thông tin hiện có ngày nay trên thế giới thì quả thật vô cùng phong phú so với nhiều năm trước đây mà một số lớn nhăm vào sự sống còn và phúc lợi tối thiểu của con người, và số lượng thông tin tăng theo cấp số nhân. Những thông tin này góp phần đáng kể cho việc lãnh hội những tri thức mới, làm nguồn gốc cho một cuộc sống tốt hơn nghĩa là “học cách học”. Sự phối hợp giữa thông tin quan trọng và khả năng truyền đạt mới tạo nên một tác động cộng hưởng.

Những lực mới này kết hợp với kinh nghiệm tích lũy trong những cải cách, sáng kiến, nghiên cứu và những tiến bộ đáng kể mà các quốc gia đã đạt được trong lãnh vực giáo dục làm cho việc giáo dục cơ bản đã có thể là mục tiêu khả thi.

Do đó, chúng tôi những người tham gia vào Hội nghị quốc tế về giáo dục cho mọi người nhóm họp tại JOMTIEN (Thailand) từ 5-9 tháng 3 năm 1990:

- Nhắc lại rằng giáo dục là một quyền lợi cơ bản cho mọi người, nam cũng như nữ ở mọi lứa tuổi trên toàn thế giới.

- Nhận thấy rằng giáo dục có thể đóng góp vào sự cải thiện an ninh, sức khỏe, phồn vinh và sự cân bằng sinh thái trên thế giới, đồng thời giáo dục thúc đẩy tiến bộ xã hội kinh tế và văn hóa, sự khoan dung và hợp tác quốc tế.

- Biết rằng giáo dục là điều kiện không thể thiếu được nếu không muốn nói là điều kiện đủ cho sự phát triển cá nhân và xã hội.

- Nhận thức rằng tri thức truyền thống và di sản văn hóa địa phương có giá trị và có hiệu lực thích đáng giúp thúc đẩy sự phát triển.

- Xác định rằng, nhìn một cách tổng thể thì giáo dục hiện nay có những thiếu sót nghiêm trọng và điều quan trọng là phải cải thiện một cách thích hợp và có chất lượng, tạo điều kiện tốt cho mọi người.

- Cảm nhận rằng một nền giáo dục cơ bản vững chắc là không thể thiếu được để củng cố những trình độ giáo dục cao hơn cũng như thúc đẩy mạnh nền văn hóa và tiềm năng khoa học kỹ thuật, từ đó có được sự phát triển độc lập.

- Cảm nhận sự cần thiết, chấp nhận mọi thách thức để đưa lại cho các thế hệ hiện nay và mai sau một tầm nhìn mở rộng về giáo dục cơ bản và một sự cam kết luôn ủng hộ điều này.

Xin tuyên bố bản tuyên ngôn thế giới này về sự giáo dục cho mọi người:

## **GIÁO DỤC CHO MỌI NGƯỜI: CÁC MỤC TIÊU**

### **ĐIỀU 1: ĐÁP ỨNG NHU CẦU GIÁO DỤC CƠ BẢN**

1. Mọi người trẻ em, thiếu niên hay người lớn phải được hưởng một sự đào tạo nhằm đáp ứng những nhu cầu giáo dục cơ bản. Những nhu cầu này liên quan đến các điều kiện học tập thiết yếu (đọc, viết, biểu đạt, phép tính, giải quyết các vấn đề) cũng như những nội dung giáo dục cơ bản (tri thức, năng khiếu, giá trị, thái độ) mà con người cần để tồn tại và phát triển mọi năng lực để sống và làm việc đúng phẩm cách, để tham gia đầy đủ vào sự phát triển, để nâng cao chất lượng sống của mình, để có được những quyết định minh mẫn và để tiếp tục học tập. Những lãnh vực nhu cầu giáo dục cơ bản này và sự đáp ứng có khác nhau tùy theo mỗi quốc gia và nền văn hóa, cũng như theo diễn tiến thời gian.
2. Khi được cung cấp những nhu cầu này, các thành viên của mọi xã hội được trao cho khả năng cũng như trách nhiệm tương ứng để làm đơm hoa kết trái di sản văn hóa, ngôn ngữ, tinh thần của chính mình, thúc đẩy sự giáo dục người khác, bảo vệ công bằng xã hội, bảo vệ môi



trường, tỏ ra khoan dung đối với các hệ thống xã hội chính trị và tôn giáo khác, bảo đảm các giá trị con người được thừa nhận và quyền con người được bảo vệ, làm việc cho hòa bình và đoàn kết quốc tế trong một thế giới lệ thuộc lẫn nhau.

3. Một mục đích khác không kém phần cơ bản của sự phát triển giáo dục, đó là sự truyền đạt và làm phong phú những giá trị văn hóa và tinh thần trong đó cá nhân và xã hội tìm thấy bản sắc và giá trị của chính mình.
4. Giáo dục cơ bản tự nó không chỉ là một cứu cánh. Nó là nền tảng của một sự đào tạo thường xuyên và sự phát triển con người. Dựa trên đó các quốc gia có thể xây dựng một cách có hệ thống các trình độ khác và các loại hình giáo dục khác.

## **GIÁO DỤC CON NGƯỜI: MỘT TÂM NHÌN RỘNG HƠN VÀ MỘT SỰ TÁI CAM KẾT**

### **ĐIỀU 2: MỞ RỘNG TÂM NHÌN CỦA CHÚNG TA**

1. Để đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản cho mọi người, không có nghĩa là chỉ tái đầu tư cho giáo dục cơ bản như đang hiện hành. Một tầm nhìn rộng lớn hơn đòi hỏi vượt lên trên những phương tiện đang sử dụng hiện nay, các cơ cấu thể chế, các chương trình giảng dạy và các hệ thống đào tạo cổ điển nhưng vẫn dựa trên những gì tốt đẹp hết của hiện trạng. Sự gia tăng lượng thông tin và khả năng truyền đạt mà từ trước đến nay chưa từng có sẽ phối hợp tạo nên những điều có thể chưa bao giờ thấy. Với quyết tâm ta có thể nhờ vào đó mà đạt tới những hiệu quả cao hơn.
2. Sự tiếp cận mở rộng này bao hàm những định hướng sau đây và sẽ được phát triển trong điều 3 và 7
  - Phổ cập hóa giáo dục cho mọi người và nâng cao sự bình đẳng
  - Nhấn mạnh sự thành công của học tập
  - Mở rộng các phương tiện và lãnh vực giáo dục cơ bản
  - Cải thiện bối cảnh học tập.
  - Tăng cường sự hợp tác .
3. Các cá nhân không thể thực hiện được những tiềm năng to lớn của họ và cũng sẽ không đóng góp được cho tiến bộ của nhân loại nếu không được cung cấp những phương tiện để lĩnh hội giáo dục và những nền tảng mà họ cần để có thể học hỏi được tri thức ngày càng phát triển có lợi cho họ và để tận dụng được những phương tiện mới để truyền đạt tri thức này.

### **ĐIỀU 3: PHỔ CẬP HÓA GIÁO DỤC CHO MỌI NGƯỜI VÀ NÂNG CAO SỰ BÌNH ĐẲNG**

1. Mọi trẻ em thanh thiếu niên và người lớn đều phải được hưởng một nền giáo dục cơ bản. Để đạt tới mục đích này, phải phát triển những dịch vụ giáo dục có chất lượng và những biện pháp có hệ thống để làm giảm các sự khác biệt.
2. Để được bình đẳng, giáo dục cơ bản phải cung cấp cho tất cả trẻ em, thanh thiếu niên và người lớn. Những khả năng có thể đạt được trình độ giáo dục thỏa đáng và duy trì nó.



3. Ưu tiên tuyệt đối và phải bảo đảm cho trẻ gái và phụ nữ có được giáo dục và cải thiện chất lượng đào tạo cho phù hợp đồng thời gạt bỏ những rào cản trong sự tham gia tích cực của họ. Mọi suy nghĩ rập khuôn về giới phải được loại trừ khỏi giáo dục.
4. Cần phải nỗ lực loại bỏ những phân hóa về giáo dục có thể gây thương hại tới những nhóm nào đó. Những người nghèo, những trẻ em đường phố phải làm việc kiếm sống, những cư dân ở các vùng sâu, những người du mục hoặc phải làm việc xa, những dân tộc bản xứ hoặc ít người, những dân tị nạn của chiến tranh, sống với chế độ chiếm đóng không được phân biệt đối xử trong việc tiếp cận giáo dục.
5. Nhu cầu giáo dục của những người bị tàn tật đòi hỏi một sự quan tâm đặc biệt. Cần phải có những biện pháp để đảm bảo sự công bằng và mọi người bị tàn tật đều được hưởng giáo dục theo những cách thức giành cho họ.

#### **ĐIỀU 4: NHẤN MẠNH TỚI SỰ THÀNH CÔNG CỦA VIỆC HỌC TẬP**

Sự mở rộng các khả năng đào tạo chỉ có thể đạt được trình độ phát triển thật sự của các cá nhân và xã hội nếu những đào tạo đó được thể hiện qua công việc dạy học có hiệu quả, nghĩa là sự lĩnh hội kiến thức, khả năng lý luận và các kỹ năng giá trị hữu ích. Do vậy giáo dục cơ bản phải xoay quanh việc lĩnh hội có hiệu quả chứ không phải đăng ký theo học cho tới cùng và lãnh giấy chứng nhận. Các phương pháp chủ động dựa trên sự tham gia của học viên là đặc biệt thích hợp cho việc đảm bảo sự lĩnh hội này, và cho phép những người học phát huy đầy đủ những tiềm năng của họ. Điều cần thiết là phải quy định rõ mỗi chương trình giáo dục phải được đến những trình độ nào mới thỏa đáng và lượng giá kết quả bằng những phương pháp cải tiến.

#### **ĐIỀU 5: MỞ RỘNG CÁC PHƯƠNG TIỆN VÀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC CƠ BẢN**

Sự đa dạng và phức tạp của các nhu cầu học tập cơ bản cho trẻ em, thiếu niên và người lớn, cũng như sự tiến hóa của những nhu cầu này bắt buộc phải mở rộng thường xuyên, định nghĩa lại lĩnh vực giáo dục cơ bản để đảm bảo những yếu tố sau đây:

- Việc học bắt đầu từ khi mới sinh ra. Điều này có nghĩa là, chúng ta phải lưu ý đến việc chăm sóc và giáo dục ban đầu của trẻ từ trong khuôn khổ gia đình, cộng đồng hoặc các tổ chức tùy theo nhu cầu.

- Hệ thống đào tạo chính yếu bảo đảm giáo dục cơ bản cho trẻ em ở ngoài gia đình là trường tiểu học. Giáo dục tiểu học phải mang tính phổ cập, đáp ứng các nhu cầu giáo dục cơ bản cho mọi trẻ em và lưu ý đến văn hóa và những nhu cầu cũng như tiềm năng đóng góp của cộng đồng. Phải có chương trình đào tạo hỗ trợ thay thế để góp phần đáp ứng những nhu cầu của trẻ không được đi học, miễn là các qui chuẩn sự phạm được tôn trọng và đủ nguồn tài trợ.

- Các nhu cầu học tập cơ bản của thanh thiếu niên và người lớn thì đa dạng và cần phải sử dụng các hệ thống đào tạo khác nhau. Các chương trình xóa mù chữ là không thể thiếu được, vì phải biết đọc mới có cơ sở thiết yếu cho việc phát triển các năng lực thiết yếu khác trong cuộc sống. Biết đọc tiếng mẹ đẻ sẽ tăng cường thêm sự nhận thức di sản văn hóa. Những nhu cầu khác có thể được thỏa mãn, bởi sự đào tạo nghiệp vụ, học nghề hoặc các chương trình giáo dục chính quy và phi chính quy liên quan đến sức khỏe, dinh dưỡng, dân số, kỹ thuật nông nghiệp, môi trường, khoa học, công nghệ, cuộc sống gia đình kể cả vấn đề sinh sản và những vấn đề khác của xã hội.

- Mọi công cụ và kênh thông tin truyền thông và hành động cần được vận dụng để truyền đạt các kiến thức thiết yếu và để thông tin về giáo dục công chúng trong lĩnh vực xã hội. Ngoài những dụng cụ hỗ trợ mang tính truyền thông thì cần phải khai thác các tiềm năng của thư viện, đài truyền hình và phát thanh và các phương tiện thông tin để đáp ứng nhu cầu căn bản cho mọi người. Các yếu tố đa dạng này phải thiết lập lên một hệ thống đồng nhất hỗ trợ lẫn nhau đáp ứng chuẩn mực và đóng góp vào việc thực thi và phát triển các khả năng giáo dục liên tục.

## **ĐIỀU 6: CẢI THIỆN BỐI CẢNH GIÁO DỤC**

Việc học hành không thể được tiến hành một cách cô lập. Do đó xã hội phải đảm bảo cho người học việc ăn uống, sẵn sóc sức khỏe và nói chung là các hỗ trợ về vật chất và tinh thần cần thiết để họ tham gia tích cực vào việc học hành.

Các chương trình giáo dục cộng đồng cho người lớn phải làm cho họ hấp thụ được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để cải thiện các điều kiện học tập của trẻ em. Việc giáo dục trẻ em, cha mẹ chúng và mọi người khác có trách nhiệm phải củng cố lẫn nhau và sự tương tác này phải làm lợi cho việc học của mọi người trong một không khí khích lệ và nhiệt thành.

## **ĐIỀU 7: TĂNG CƯỜNG SỰ HỢP TÁC**

Các chức sắc Trung ương hoặc địa phương phải có trách nhiệm về giáo dục. Họ đóng một vai trò đặc biệt trong việc tiến hành các công tác giáo dục cơ sở cho mọi người, nhưng không thể chỉ trông chờ vào họ để cung cấp tất cả nguồn nhân lực, tài lực cho nhiệm vụ này. Các hoạt động đối tượng mới và năng động cần được thiết lập ở mọi mức độ giữa các cơ sở và các dạng giáo dục khác nhau có cân nhắc đến vai trò đặc biệt của giáo viên, nhà quản lý và những nhân viên giáo dục khác hợp tác song phương giữa ngành giáo dục và các ngành khác, đặc biệt là ngành Kế hoạch, Tài chính, Y tế, Lao động, thông tin và các lãnh vực xã hội khác. Hoạt động đối tác giữa Nhà nước và những tổ chức phi Chính phủ, lãnh vực tư nhân, tập thể, tổ chức tôn giáo và gia đình, đặc biệt quan trọng là vai trò thiết yếu của gia đình và thầy giáo. Về phương diện này phải khẩn cấp cải thiện các điều kiện phục vụ và vị trí của người thầy giáo tại mọi quốc gia, tuân thủ theo kiến nghị của UNESCO liên quan đến điều kiện thuận lợi cho việc lên kế hoạch, thực hiện, quản lý và đánh giá các chương trình giáo dục cơ bản, “Tầm nhìn mở rộng” và “Tái cam kết” mà chúng ta khuyến nghị dựa trên những mối liên kết đối tác như vậy.

## **GIÁO DỤC CHO MỌI NGƯỜI: CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT**

### **ĐIỀU 8: ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH ĐI KÈM**

1. Điều không thể thiếu để đảm bảo đầy đủ giáo dục cơ bản nhằm mục đích phát triển cá nhân và xã hội là phải dự trù các chính sách đi kèm trong các ngành xã hội, văn hóa và kinh tế. Giáo dục cơ bản cho mọi người, đòi hỏi phải có một sự cam kết và một ý chí chính trị được hỗ trợ bởi những biện pháp ngân sách và đi kèm với sự cải cách giáo dục và tăng cường các thể chế. Một chính sách kinh tế và thương mại, một chính sách lao động và tuyển dụng và sức

khỏe sẽ phát huy thêm động lực của những người học và cho phép họ đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội.

2. Các xã hội cũng phải cung cấp cho giáo dục cơ bản một môi trường trí tuệ và khoa học vững chắc. Điều đó đòi hỏi một sự cải thiện giáo dục ở trình độ cao và phát triển nghiên cứu khoa học. Kỹ năng tiếp cận với tri thức kỹ thuật và khoa học hiện đại cũng phải có ở mọi trình độ giáo dục.

## **ĐIỀU 9: HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC**

Để có thể thỏa mãn các nhu cầu giáo dục cơ bản cho mọi người trong việc mở rộng lĩnh vực hoạt động thì điều không thể thiếu là phải huy động các nguồn lực mới về tài chính, nhân lực, công cộng, tư nhân, tình nguyện, ngoài những nguồn lực đã có. Toàn xã hội phải đóng góp bởi vì thời gian, năng lực và tiền bạc cống hiến cho nền giáo dục cơ bản là nguồn đầu tư nhân lực quyết định nhất cho tương lai của một quốc gia.

Sự mở rộng tài trợ công cộng nói tới việc trích ra từ các nguồn của các đơn vị hành chính Nhà nước, chịu trách nhiệm về phát triển nhân lực bằng sự gia tăng về giá trị tuyệt đối cũng như giá trị tương đối các khoản tín dụng cung cấp cho công tác giáo dục cơ bản và đừng quên rằng trong việc phân phối các nguồn lực quốc gia thì chắc chắn giáo dục là một lĩnh vực quan trọng nhưng ngang hàng với các lĩnh vực khác. Tập trung huy động tài nguyên sẵn có cho giáo dục để nâng cao hơn nữa tính hiệu quả của các chương trình giáo dục thì không những sẽ làm tăng thêm sản lượng mà còn chắc chắn là sẽ tạo ra những nguồn lực mới. Sự đáp ứng cấp bách các nhu cầu giáo dục cơ bản có thể đòi hỏi một sự phải phân phối tài nguyên giữa các lãnh vực, ví dụ chuyển bớt tín dụng quốc phòng sang chi phí giáo dục. Trên hết các nước đang điều chỉnh cơ cấu kinh tế và mang gánh nặng của nợ nước ngoài phải quan tâm bảo vệ ngành giáo dục một cách đặc biệt. Ngày nay hơn bao giờ hết nền giáo dục vẫn là nền tảng của mọi dự án xã hội, văn hóa và kinh tế.

## **ĐIỀU 10: TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**

1. Thỏa mãn các nhu cầu giáo dục cơ bản là trách nhiệm chung và phổ cập của nhân loại, điều đó buộc phải có sự đoàn kết quốc tế và các mối quan hệ kinh tế bình đẳng để điều chỉnh những sự khác biệt kinh tế đang tồn tại. Mọi quốc gia phải đóng góp những tri thức và kinh nghiệm bổ ích cho các chính sách và chương trình giáo dục hữu hiệu.
2. Điều không thể thiếu là các nguồn lực dành cho giáo dục phải ngày càng gia tăng trong dài hạn. Cộng đồng thế giới trong đó có các thiết chế và tổ chức quốc tế phải gấp rút khắc phục những khó khăn ngăn cản một số quốc gia thực hiện giáo dục dành cho mọi người. Điều đó đòi hỏi nhưng biện pháp làm tăng ngân sách của những nước nghèo hay làm giảm nhẹ nợ nần quá nặng nề. Các chủ nợ và các con nợ phải tìm ra những nhu cầu nhiều nước đang phát triển đáp ứng hữu hiệu nhu cầu giáo dục và những nhu cầu thiết yếu khác có được hay không tùy thuộc phần lớn vào việc giải quyết nợ nần.
3. Cần phải quan tâm tới nhu cầu giáo dục cơ bản của người lớn và trẻ em ở mọi nơi có nhu cầu này. Các quốc gia chậm tiến và với nguồn thu nhập yếu kém có các nhu cầu đặc biệt và phải nhờ vào sự hỗ trợ của thế giới dành cho giáo dục cơ bản trong thập niên 90.
4. Tất cả các quốc gia phải đoàn kết trong các nỗ lực giải quyết những bất đồng và xung đột, chấm dứt việc chiếm đóng quân sự, cho tái định cư những người dân bỏ nước ra đi hay tạo điều kiện cho họ trở về nước, đồng thời qua tâm đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản của họ. Chỉ

có môi trường ổn định và hòa bình mới có thể mang lại những điều kiện cho phép mỗi cá nhân trẻ em hay người lớn được hưởng những mục tiêu của bản tuyên ngôn này.

x

x x

Chúng tôi những người tham gia vào Hội nghị Thế giới về giáo dục cho mọi người, tái xác nhận rằng, mọi người đều được hưởng quyền giáo dục. Đó là nền tảng của quyết tâm cá nhân và tập thể của chúng tôi để đảm bảo giáo dục cho mọi người.

Chúng tôi cam kết cùng nhau phối hợp hành động trong lĩnh vực trách nhiệm của chúng tôi và thực thi các biện pháp cần thiết để đạt được các mục tiêu giáo dục dành cho mọi người. Chúng tôi cùng nhau kêu gọi các Chính phủ, các Tổ chức liên quan và các cá nhân phối hợp để thực hiện nhiệm vụ này với sự khẩn trương cần thiết.

Nhu cầu giáo dục cơ bản cho mọi người có thể và phải được thỏa mãn. Không có cách nào có giá trị hơn để bắt đầu năm quốc tế xóa mù chữ và tiến tới những mục tiêu của thập niên quốc tế dành cho người tàn tật (1983-1992), thập niên thế giới phát triển văn hóa (1988-1997), thập niên phát triển thứ tự của Liên Hiệp Quốc (1990-1999), qui ước loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và các chiến lược hành động nhằm nâng cao vai trò phụ nữ cũng như quy ước về quyền trẻ em. Chưa có thời điểm nào thích hợp hơn bây giờ để chúng ta cùng cam kết bảo đảm cho mọi người, mọi nơi trên thế giới khả năng lãnh hội việc học tập cơ bản.

Do vậy, chúng tôi chấp thuận tuyên ngôn Thế giới về Giáo Dục cho mọi người: đáp ứng các nhu cầu giáo dục cơ bản và đồng ý một khung hành động để đáp ứng các nhu cầu giáo dục cơ bản để thực hiện các mục tiêu của tuyên ngôn.

Hội nghị Thế Giới về Giáo dục cho mọi người

Conference Nondiale sur l'Education Pour Tous

5-9 Maes Jourtieu, Thaïlande.

## **KHOẢNG CÁCH BẮC - NAM VỀ GIÁO DỤC NGÀY Càng LỚN**

Theo một tài liệu vừa xuất bản của UNESCO về thực trạng giáo dục trên thế giới, đã có những chênh lệch đáng báo động trong lãnh vực giáo dục giữa các nước phát triển (Bắc) và đang phát triển (Nam).

Cơ may được đến trường của trẻ em. Ở Mali (châu Phi), chỉ có 19% trẻ em được may mắn bước vào ngưỡng cửa trường học. Và ở tuổi đi học, mỗi đứa trẻ Mali trung bình chỉ được trải qua hai, ba năm trên ghế học đường. Trong khi đó, một đứa trẻ Mỹ hay Pháp được đi học 14,3 hoặc 15,6 năm. Còn trên thế giới, ước lượng có đến 130 triệu trẻ em ở các nước đang phát triển không có được quyền hưởng nên học vẫn ở bậc tiểu học. Bên cạnh đó là 100 triệu trẻ em không có nổi bốn năm đi học - khoảng thời gian được xem như cần thiết để học đọc và viết!

Tình trạng trẻ gái càng mờ mịt hơn. Sự chênh lệch về mức độ giáo dục càng nổi bật ở khía cạnh giới tính. Ở các nước công nghiệp phát triển, trung bình trẻ em gái được đi học nhiều hơn

trẻ em trai từ một đến hai năm. Nhưng ở các nước đang phát triển, khoảng cách này bị đảo lộn: trẻ gái được đi học ít hơn bạn khác giới ít nhất là hai năm. Đại đa số trẻ em gái ở các nước thế giới thứ ba không bao giờ có quyền bước vào ngưỡng cửa trường học (86% ở Mali, 88% ở Bangladesh).

Theo ước tính của UNESCO, vào năm 2010, ở châu Phi, các nước Ả Rập và các nước Nam Á, số phụ nữ thất học sẽ tăng thêm từ 4% đến 13%. Riêng ở Pháp, vẫn còn đến 20% người mù chữ...

Số năm học được đến trường của một đời người (nam-nữ):

- Mỹ: 16,3 - 15,6
- Tây Ban Nha: 14,4 - 15
- Pháp: 15 - 14,3
- Argentina: 13,5 - 13
- Philippine: 10,9 - 10,7
- Maroc: 5,7 - 8
- Bangladesh: 4,4 - 5,9
- Mali: 1,2 - 2,3

Báo Phụ Nữ 27/11/1996.

### **TRẺ EM NGHÈO: ĐƯỢC GIÁO DỤC ĐỂ KHỎI BỊ LOẠI TRỪ**

Hội nghị giáo dục và đào tạo nghề cho thanh thiếu niên nghèo tại Việt Nam diễn ra từ ngày 9 đến 10/12/97 do Khoa Phụ Nữ Học trường Đại học Mở Bán Công thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Đồng tổ chức hội nghị còn có Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ Giáo dục thuộc Đại học Laval Canada và tổ chức Huynh Đệ Việt Nam-Canada. Hội nghị đã được nghe 17 bài tham luận của nhà nghiên cứu khoa học cũng như của những người đang làm công tác trên “thực địa” về các vấn đề Giáo dục, dạy chữ và đào tạo nghề cho trẻ em nghèo tại Việt Nam.

Phát biểu tại hội nghị, Giáo sư Egide Royer, Giám đốc CRIRES Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục Đại học Laval cho rằng: Hiện nay trên thế giới có trên một tỷ người đang sống dưới mức nghèo khổ và 2/3 trong số này đang sống ở các nước châu Á - Thái Bình Dương. Trong các phát biểu của mình, ông đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần về sáu điểm cần lưu ý trong giáo dục đào tạo cho người nghèo là:  
**Thứ nhất:** Giáo dục là yếu tố then chốt, là nền tảng trong việc phát triển mọi mặt của xã hội. Giáo dục cũng là quyền nhân bản của mỗi người.

**Thứ hai:** Giáo dục phải được thực hiện ở nhiều hình thức chính thống và không chính thống. Mọi hình thức giáo dục, đào tạo đều phải được coi trọng như nhau. (ví dụ hình thức học nghề cổ điển tại gia đình cũng phải được xem trọng).

**Thứ ba:** Người nghèo không thể chờ đợi, do đó giáo dục đào tạo phải đáp ứng thật nhanh chóng để góp phần nâng cao khả năng cải thiện cuộc sống của họ. Các hình thức giáo dục cũ thường kéo dài và không gắn liền với việc phục vụ ngay cuộc sống của người nghèo.

**Thứ tư:** Giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái phải là vấn đề chiến lược, vì việc nâng cao hiểu biết cho phụ nữ sẽ làm giảm việc gia tăng dân số, nâng cao sức khỏe cho các thành viên trong gia



đình, và điều quan trọng là: người mẹ chính là nhà giáo dục có ảnh hưởng nhiều nhất đến con cái, là nguồn động viên hữu hiệu trong việc phát triển những hoài bão học hành của con cái họ.

**Thứ năm:** Theo GS Royer, đây là một nhận xét có thể làm nhiều người ngạc nhiên là:

- Nền giáo dục truyền thống (hệ thống chính quy) hiện nay không phù hợp cho người nghèo.

- Có nhiều loại người nghèo khác nhau và cần có những kiểu giáo dục, đào tạo khác nhau, không thể có một cách can thiệp chung và phổ quát cho mọi người nghèo.

- Các lợi ích từ việc học phải giúp người nghèo ứng dụng tức khắc - Dù lợi ích đó thật khiêm tốn.

- Và người nghèo phải được giáo dục miễn phí, thời gian học tập phải được sắp xếp để phù hợp với cơ hội kiếm sống của họ.

**Thứ sáu:** Các chương trình đào tạo phải nhắm vào cộng đồng, và trong chừng mực phải được xuất phát từ lợi ích của cộng đồng. Vai trò của làng, xã phải được chú ý trong các chính sách về giáo dục đào tạo.

Ông Stéphane Dovert, tùy viên Khoa học Tổng Lãnh sự Sứ quán Pháp thì lưu ý rằng: Nhân tố chính của phát triển là con người, và trẻ em nghèo chính là những chủ thể đích thực của sự phát triển. Sức mạnh thật sự của các quốc gia phát triển nằm ở chỗ, đại đa số thanh thiếu niên của họ được hưởng thụ một nền giáo dục vừa tiên tiến, vừa có chất lượng, lại được đào tạo đến nơi đến chốn. Được huấn luyện qua giáo dục đào tạo, mỗi con người đều có cơ hội phát huy hết các tiềm năng của mình, để đóng góp tốt nhất cho sự phát triển chung của xã hội.

Còn Giáo sư Viện sĩ Trần Tam Tỉnh qua bài tham luận tại hội nghị đã nhắc đến: Nghèo và thất học đồng nghĩa với bị loại trừ, nghèo là không được hưởng của cải và dịch vụ, bị loại trừ khỏi thị trường lao động, không được sống ở những vùng có nước sạch, không có điện, không có dịch vụ y tế, không có trường học... Họ bị loại trừ vì họ mù chữ, họ mù chữ vì họ bị loại trừ khỏi học đường. Họ bị loại trừ vì không có nghề nghiệp, và nếu có thì thường là những công việc nặng nhọc mà hiệu quả kinh tế thấp. Và cuối cùng, vì bị loại trừ về kinh tế, họ cũng sẽ bị loại trừ khỏi những quyền căn bản của con người...

Qua tham luận, Giáo sư đã đưa ra một số đề nghị như: Các trẻ em sống dưới mức nghèo phải được miễn mọi chi phí học tập kể cả chi phí sửa chữa trường ốc, chi phí bảo hiểm... và hơn thế nữa phải được hưởng một phụ cấp đặc biệt để yên tâm học tập. Chất lượng giáo dục tiểu học cần được nâng cao cũng như cần khuyến khích, nâng đỡ các sáng kiến tư trong giáo dục cơ sở.

Ngoài các báo cáo tham luận, hội nghị còn tổ chức thành 3 nhóm thảo luận về ba đề tài được đặt ra gồm:

1 - Nêu các biện pháp phù hợp trong việc tổ chức giáo dục đào tạo trẻ em nghèo tại Việt Nam.

2 - Thử đề nghị một chính sách giáo dục phù hợp trẻ em nghèo trong bối cảnh Việt Nam.

3 - Các khả năng hợp tác trong cộng đồng Pháp ngữ để phát triển giáo dục cho trẻ em nghèo.

Các kết quả thảo luận đã đưa ra được nhiều đóng góp cho hội nghị, nhưng đặc biệt dù mỗi tổ thảo luận ở các lĩnh vực khác nhau đều đưa ra một điểm chung là: Sự cần thiết trong việc

đào tạo các nhân viên xã hội như là một tác nhân phát triển của cộng đồng và là hỗ trợ cần thiết cho trẻ, thậm chí về sự cần thiết của nhân viên xã hội trong vai trò nhà giáo.

Thiết tưởng, cùng với hội nghị quốc tế các nước tài trợ cho Việt Nam diễn ra tại Tokyo tháng 12 năm 1997, các nhà tài trợ, ngoài các đề nghị Việt Nam cần cam kết thúc đẩy kinh tế qua việc cải tổ khu vực quốc doanh, cải cách hành chính, chống tham nhũng buôn lậu, còn yêu cầu Việt Nam đầu tư nhiều hơn nữa vào con người, vào việc nâng cao dân trí như là những “vật thể chấp” cần thiết mà nhà tài trợ đòi hỏi. Hội nghị nói tiếng Pháp về Giáo dục và đào tạo nghề cho thanh thiếu niên nghèo Việt Nam giống như tiếng chuông khởi đầu cho việc tìm kiếm các giải pháp, nhằm nâng cao dân trí cho một thành phần dân số cần được quan tâm nhất: Các thanh thiếu niên nghèo, thiếu cơ hội học tập và phát triển.

Phạm Văn Công

Bản tin Công Tác Xã Hội tháng 1/ 1998

### Ba cách tiếp cận trong giáo dục cộng đồng

Do Ma Theresa V. Tungpalan trích có bổ sung từ Helping Health Workers Learn (Giúp các cán bộ sức khỏe học tập của David Werner và Bill Bower).

	Giáo dục quy ước	Giáo dục tiến bộ	Giáo dục giải phóng
Chức năng Mục đích	Tạo sự tuân thủ Đề kháng sự đổi mới. Bảo vệ nguyên trạng.	Cải cách Thay đổi con người để đáp ứng nhu cầu của xã hội.	Biến đổi Thay đổi xã hội để đáp ứng nhu cầu của con người.
Chiến lược	Thuyết phục đối tượng-tự nguyện chấp nhận và thích nghi với hoàn cảnh xã hội mà không thay đổi các mặt bất công của nó.	Tạo ra một số cải thiện mà không thay đổi các bất công xã hội.	Tích cực chống đối bất công, bất bình đẳng, tham nhũng.
Kết quả Cách tiếp cận	Không có thay đổi Uy quyền (kiểm soát chặt chẽ từ trên xuống)	Thay đổi hành vi Gia trưởng (từ trên xuống một cách mềm mỏng) Không trung thực	Thay đổi xã hội Nhân bản và dân chủ (dân kiểm soát)
Hậu quả đối với dân và cộng đồng	Áp bức  (chuyên quyền tập trung không cho phép hay rất ít sự tham gia của CĐ)	(Ra về hỗ trợ, cho phép tham gia chút ít nhưng chống sự thay đổi thật)	Hỗ trợ  (Giúp dân tăng cường khả năng làm chủ cuộc sống của họ)
Người học được xem như	<u>Chống dân</u> Cơ bản là thụ động. Thùng trống cần đổ vào nhưng kiến thức theo quy chuẩn	Cơ bản là không có trách nhiệm phải được chăm sóc, cần được theo dõi sát. Có khả năng tham gia và sinh hoạt đặc biệt khi được dẫn	<u>Vì dân</u> Cơ bản là chủ động. Dân có kiến thức từ kinh nghiệm và khả năng chia sẻ. Có khả năng tự lo cho mình và tự lực. Có trách nhiệm khi



Người học nghĩ gì về người dạy	Sợ-Thầy là tuyệt đối, biết tất cả - người xếp đứng riêng và trên người học.	Mang ơn-Thầy dễ gần, có uy quyền của người cha và người biết cái gì là tốt nhất cho người học.	được đối xử với sự tôn trọng và bình đẳng Tin cậy-Thầy là người xúc tác giúp mọi người cùng nhau tìm giải đáp.
Ai quyết định phải học cái gì	Bộ	Bộ với một số quyết định của địa phương	Cộng đồng, người học cùng với cán bộ trao đổi và quyết định.
Phương pháp	Thầy giảng cho người học. Người học hỏi vài câu, không chú ý, buồn chán	Thầy giáo dục, tạo sự lý thú cho người học. Đối thoại, thảo luận nhóm, nhưng thầy quyết định thể nào là câu trả lời đúng.	Những cuộc đối thoại mở trong đó nhiều giải đáp xuất phát từ kinh nghiệm của người dân. Mọi người giáo dục lẫn nhau, nhiều dạng sinh hoạt học tập.
Cách học chủ yếu	Người học thụ động tiếp nhận kiến thức. Học thuộc lòng các dữ kiện	Ít nhiều chủ động, chủ yếu còn học thuộc lòng.	Chủ động - Mọi người đóng góp, học bằng hành và thảo luận.
Quan trọng	Sức mạnh và sự đúng đắn của trật tự xã hội hiện hành Luật lệ quy định  Tuân thủ và kỷ luật Người ta dạy điều gì là vì từ trước đến nay là như vậy Học tập các lời hay ý đẹp mà vô ích-thông tin buồn chán.  Thái độ và giá trị của từng lớp trên, chạy theo phương tây.	Khảo hướng hội nhập trong phát triển. Sử dụng tốt các dịch vụ chuyên môn công và tư sẵn có.  Điền các văn bản. Tiến tới hành vi mong muốn. Kỹ năng giản đơn nhưng ít được sử dụng.  Giá trị và thái độ: của gia cấp trung lưu.	Phân tích có phê phán. Ý thức xã hội. Kỹ năng dạy và học. Kỹ năng truyền thông. Kỹ năng lãnh đạo tổ chức. Canh tân Tự lực.  Sử dụng tài nguyên địa phương. Tập quán và truyền thống địa phương. Khả năng của phụ nữ và trẻ em. Nhân phẩm  Phương pháp giúp người yếu thành



Mục đích thi cử	Để sàng lọc, đào thải người yếu. Nhấn mạnh ở điểm: người thi đậu: người thi đậu, kẻ thi rớt.	chơi, kỹ thuật tạo bầu không khí tập thể. Đa dạng nhưng phần lớn bài thi là để cho kẻ đậu người rớt.	Người nhanh giúp người chậm. Nói chung để xem xét các ý kiến trình bày có được hiểu không và lượng giá phương pháp, không có điểm.
Lượng giá	Phần lớn là do chuyên gia của hệ thống giáo dục làm một cách hời hợt.  Học viên và cộng đồng là đối tượng, khách thể của nghiên cứu.	Phần lớn do chuyên gia làm một cách cầu kỳ.  Học viên và cộng đồng tham gia trong giới hạn.	Đơn giản, thường xuyên gắn liền với học tập do cộng đồng, học viên và nhân viên thực hiện. Thầy và trò cùng lượng giá lẫn nhau về công việc và thái độ.
Cuối học kỳ học viên nhận được	Bằng cấp. Và sự kiểm tra không đều đặn theo kiểu hành chánh	Bằng cấp. Sự kiểm tra mang tính hỗ trợ.	Sự khuyến khích nỗ lực thêm, tiếp tục học trong khi phục vụ cộng đồng. Hỗ trợ khi yêu cầu.
Sau học tập học viên có trách nhiệm với	Cấp trên trong chính quyền	Cơ quan đã bảo trợ cho sự học tập-ít hơn đối với chính quyền địa phương và cộng đồng.	Chủ yếu đối với cộng đồng và đặc biệt là người nghèo mà họ bảo vệ quyền lợi.

(Trích từ Ma Therese V.TungPalan, Community Education: Concepts, Processes, Methods and Experiences (GDCĐ: Khái niệm, tiến trình, phương pháp, kinh nghiệm), RED, CSWCD, U.P.Diliman, 1991, tr 14-19).

## **KIẾN THỨC ĐỂ PHÁT TRIỂN**

**“Kiến thức để phát triển” - bản báo cáo mới nhất về phát triển trong năm 1998-1999 của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố tuần rồi - đã phân tích những nguy cơ và vận hội mà cuộc cách mạng thông tin đang tạo ra cho các nước đang phát triển. Bản báo cáo đi đến kết luận rằng thông tin về y tế, khoa học kỹ thuật và tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường sức khỏe và chất lượng sống của người nghèo.**

Nhà kinh tế học, Joseph Stiglitz đồng thời là phó chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB) đã chỉ ra rằng kiến thức (hay nói cách khác là trình độ dân trí) là nguyên nhân chính tạo nên sự khác biệt. Ông nói hàng năm trên thế giới khoảng hai triệu trẻ em chết vì căn bệnh tiêu chảy và khoảng 900 triệu trẻ khác bị ảnh hưởng bởi căn bệnh này. Cho trẻ uống bù dung dịch hỗn hợp (gồm nước, muối và đường theo tỉ lệ thích hợp) là một biện pháp đơn giản mà bất cứ gia đình nào dù nghèo nhất vẫn có thể làm được và có thể cứu trẻ thoát khỏi tử vong. Thế nhưng rất nhiều bậc cha mẹ ở các nước đang phát triển lại hoàn toàn không biết gì về biện pháp này. Hoặc có thể lấy một

ví dụ khác: chỉ một chương trình giáo dục về sức khỏe rất đơn giản của WB và một công ty dược phẩm Mỹ đã giúp 30 triệu người dân châu Phi không bị bệnh mù mắt do sử dụng nguồn nước sông không vệ sinh...

Cuộc cách mạng thông tin đang xóa bỏ mọi khoảng cách và biên giới giữa các quốc gia.

Một số quốc gia thu hẹp được khoảng cách kiến thức và thông tin từ thế giới bên ngoài và sử dụng hiệu quả những kiến thức đó. Những quốc gia nào tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với thông tin y tế và giáo dục càng nhiều thì sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao hẳn lên. Bản báo cáo của WB đã chọn Việt Nam là một trong những thành công (success story) điển hình. Tỷ lệ biết chữ của người dân ở VN thuộc loại cao trên thế giới và chính tỷ lệ này đã nâng cao chất lượng sống của người dân. Thống kê của WB về tình trạng nghèo đói ở Việt Nam cho thấy 68% số hộ gia đình sẽ lâm vào tình trạng nghèo đói nếu chủ hộ gia đình là một người thất học. Còn nếu chủ hộ có trình độ văn hóa cấp I thì tỷ lệ nghèo đói giảm xuống còn 54%, trình độ phổ thông trung học thì còn 41% và trình độ đại học thì chỉ còn 12%. Một "success story" khác là Costa Rica. Tuổi thọ và tử suất ở trẻ sơ sinh của nước này ngang bằng với các quốc gia công nghiệp khác trên thế giới mặc dù thu nhập của người dân chỉ bằng 10% thu nhập của người Mỹ. Thành tựu này là nhờ vào các chương trình y tế và sức khỏe của Chính phủ Costa Rica trong hơn thập kỷ qua...

Cuối cùng bản báo cáo đã đề nghị ba giải pháp. Một là các nước đang phát triển nên thực hiện những chính sách về thu hẹp khoảng cách thông tin bằng cách đầu tư cho giáo dục và đào tạo, thực thi chính sách mở cửa và nhất là giảm giá các dịch vụ liên lạc viễn thông. Hai là các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức đa phương quốc tế và khu vực tư phải cùng làm việc với nhau để hoàn thiện cơ chế thông tin như đề ra các tiêu chuẩn sản phẩm, tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán, công khai hóa các thông tin...Ba là các chính phủ phải nhận thức được những cách biệt về kiến thức và thông tin rất khó xóa bỏ, nhưng nếu nhận ra được kiến thức là cốt lõi của quá trình phát triển thì các nhà hoạch định chính sách sẽ phát hiện được những giải pháp bất ngờ cho những vấn đề tưởng như rất khó giải quyết.

(Trích lược từ World Development Report 1998-1999.

Tuổi trẻ 17/10/1998)

## TÍNH TRUNG THỰC

Do yếu kém nên ta sợ nghe sự thật, còn nếu thoái hóa, tham nhũng thì lại càng ghét nó ! Chỉ còn tìm cách đặt lại tính trung thực đúng vị trí của nó nếu muốn chấn hưng đạo đức, vì như sách nói: Sự thật giải phóng chúng ta. Tuy nhiên đây là một quá trình đau đớn. Chỉ cần nghĩ đến các phụ nữ Trung Hoa, nạn nhân của tục lệ bó chân. Mở trời ra họ rất mừng, nhưng đi không được. Phải tập tành lại trong nhiều gian khổ.

Tôi chọn ở lại đất nước phục vụ dân tộc vì trân trọng và đặt nhiều kỳ vọng ở một số giá trị của chủ nghĩa xã hội như công bằng xã hội, sự quan tâm đến người lao động, người nghèo, phụ nữ, trẻ em... Hồi mới giải phóng, có lần tôi không cầm được nước mắt khi chứng kiến sự đời đời của những người nghèo khổ.

Tuy nhiên cũng ngay từ đầu, tôi có những điều ray rứt vì cái giá trị đạo đức căn bản nhất, cái trục của nguyên tắc không được coi trọng. Đó là sự trung thực. Đây là sự tích lũy cô đọng

nhất của sự không ngoan loài người từ đời này qua đời nọ để giữ cho xã hội không náo loạn. Cái khung đạo đức chỉ có mấy điều cơ bản không rườm rà, nghi thức.

Vài năm đầu, tôi tham gia tổ thường trực một ngành khoa học nhân văn trong tập thể tri thức, và hằng tuần phải phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những gì anh em nêu lên từ cuộc sống. Vào cuối thập kỷ 70, tham nhũng ở cơ sở đã được phản ánh. Đây “nhiệt tình cách mạng”, tôi phản ánh lại một cách trung thực, tưởng như vậy là đóng góp xây dựng và trung thành với chế độ. Nào ngờ tôi nghe loáng thoáng bị đánh giá là “thiếu quan điểm”. Từ đó, tôi tập chui vào cái vỏ ốc, tuy không bao giờ nói dối nhưng cũng không nói sự thật, để mua lấy sự an toàn.

Trong công tác khoa học, tôi có dịp sinh hoạt nhiều tháng tại xí nghiệp “điển hình tiên tiến” và thấy cán bộ công đoàn ngồi lại đáng giá công nhân trên những phát biểu của họ ở các buổi học tập chính trị. Còn công nhân thì thổ lộ: “người ta không cần biết chúng tôi sản xuất như thế nào, đối xử với anh em ra sao, gìn giữ tài sản chung đến mức nào... mà chỉ coi trọng lời nói. Tôi thì rất ngượng ngùng phải nói những điều không xuất phát từ đáy lòng”. Đó là vào giữa thập kỷ 80.

Còn ngày nay, trở lại sự trung thực thì ta thấy trong cuộc sống: mắt, mũi, môi giả, hàng giả, bằng lái giả, bằng cấp giả, hôn nhân giả! Người ta giả vờ với nhau một cách tinh bơ. Đáng sợ hãi cho tương lai là chuyện gian dối ở chỗ mà lẽ ra sự trung thực là nguyên tắc hàng đầu. Đó là ở phòng thi: thầy làm lộ đề, trò quay cốp.

Con người lấy gì làm cơ sở để quan hệ với nhau khi cái trục chính của chiếc cầu đã gãy? Cái túi nước silicon rò rỉ đã biến những con người muốn làm đẹp thành xấu xí đến tai hại. Thực phẩm giả, bằng lái giả gây chết người. Còn bằng cấp giả ? xin trích đoạn dưới đây từ báo Phụ Nữ ngày 27-9-1997: “N.M. - sinh viên khoa ngữ văn- báo chí - ĐHKHXH&NV, một cô gái tài hoa có lối sống khá bạt mạng - mệt mỏi tâm sự: “Ở gia đình, bố mẹ luôn dạy tôi cách sống tốt, chân thật, nhưng tôi biết rõ rằng đó chỉ là lời nói. Thực tế còn cả một khoảng cách”. Cái khoảng cách ấy đã được M. nhận rõ khi người ta phát hiện hai cái học vị phó tiến sĩ của bố và mẹ M. đều là của giả. M. bộc lộ: “Tôi không quan tâm lắm đến danh dự của gia đình, nhưng bố mẹ - những thần tượng của tôi - đã hoàn toàn sụp đổ”. Để trốn chạy thực tế, M. thường đóng kín cửa phòng đắm mình trong âm thanh của Spice Girls, hoặc phóng xe hết tốc lực ngoài đường”.

Thế đấy, cái giả tưởng chừng như vô thưởng vô phạt đang giết chết một thế hệ về mặt tinh thần. Và ngày nay không cần thiết phải chứng minh tính chính trị của đạo đức nữa. Cái khó là tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa và những cơ chế vận hành nào đã đưa tới tình trạng báo động này.

Tôi không dám múa rìu qua mắt thợ, nhưng chỉ xin chia sẻ những điều tôi trải qua. Không nói sự thật có khi là cần thiết như luật gia, nhà tâm lý phải giữ kín câu chuyện của thân chủ mình. Có khi bác sĩ, thân nhân không cho người bệnh biết về bệnh tình của họ để tránh sự sụp đổ tinh thần. Tuy nhiên không nói sự thật không luôn luôn có nghĩa là phải nói dối, và nói dối phải được giới hạn triệt để trong trường hợp bất khả kháng.

Ngoài nguyên nhân sâu xa trên, có thể còn các nguyên nhân cơ chế. Một nền giáo dục từ thế hệ này qua thế hệ khác không nhấn mạnh đủ đến đạo đức con người nói chung mà tính trung thực là cái trục. “Chúng tôi đấu tranh chống những khuynh hướng sai lầm trong giáo dục, đào tạo. Đó là khuynh hướng duy ý chí, muốn nôn nóng đưa giáo dục chính trị vào ngay cả từ lớp vỡ lòng. Rốt cuộc, chính trị không đạt yêu cầu mà nhân cách cũng không xây dựng được” (Mai Chí Thọ, chủ tịch Hội khuyến học TP.HCM, Công An ngày 27/09/1997).

Do một thời gian dài chỉ đánh giá con người trên lời nói của họ nên ta quên đề ý đến con người của họ. Có khi những người nói ngược ấy lại muốn cứu vãn tình hình, họ dám nói ngược nhưng họ toàn tâm toàn sức vì dân.

Ta đánh giá cao những báo cáo tô hồng, những trường có tỉ lệ “lên lớp”, “thì đậu” cao, những người nói đúng bài bản nên cấp dưới tập phản xạ nói dối, phản xạ này ăn sâu trong tâm tư họ đến nỗi có người không còn biết nhận ra và phân biệt thật giả, đúng sai.

Phải tập lại từ đầu, không phải bằng hô hào mà bằng hành động. Khó có thể kêu gọi tuổi trẻ bằng những khẩu hiệu chung chung, nhưng họ sẽ hưởng ứng ngay với cách làm mới.

Đó là tinh thần và phương pháp khoa học giúp nhận thức sự thật khách quan. Có bệnh mà không nhận là mình bệnh thì không chữa khỏi được. Xã hội luôn luôn có vấn đề, cho nên phải đánh giá cao những cấp dưới phát hiện được vấn đề, thay vì những kẻ không thấy hay che lấp vấn đề. Tập cho con người dám gọi sự việc bằng tên thật của nó.

Khen thưởng những ai lật tẩy sự dối trá. Phạt nặng sự dối trá trong sản xuất. Chinh đốn triệt để ngành giáo dục vì bao giờ còn gian lận trong ngành này thì không thể gọi nó là giáo dục.

Văn hóa nghệ thuật phải đem sự dối trá ra làm trò cười cho đến nơi đến chốn.

Nhưng sống trung thực đòi hỏi sự dũng cảm, và chỉ có thể trung thực trên cơ sở tự tin do năng lực và đạo đức của bản thân.

(Tuổi trẻ chủ nhật 25/10/1997)

## NHỮNG NGƯỜI MẪU TRONG CUỘC ĐÒI

Báo Nhân Dân số 9/2/1997 có trích câu nói thật chí lý của ông thứ trưởng giáo dục, giáo sư Phạm Minh Hạc, như sau: “Nghiêm túc kiểm điểm theo tinh thần nghị quyết Trung ương II, phải nhận rằng trong mấy năm qua (ngành giáo dục) có phần lệch về dạy chữ, ít dạy nghề, không chú trọng dạy người”.

Sự “quên dạy người” nhất là ở cấp phổ thông, theo tôi, chính là đầu mối của sự rối loạn trong giáo dục. Nếu không giải quyết kịp thời có thể dẫn tới những rối loạn kỷ cương trầm trọng hơn nữa. Dạy người không chỉ tập trung vào một số môn học đặc biệt như đạo đức hay giáo dục công dân, mà nó được thể hiện xuyên suốt các môn và cơ bản nhất là thông qua *con người của người thầy*.

Nhà giáo dục Pháp nổi tiếng Jean Jaures đã khẳng định ta chỉ có thể dạy bằng chính bản chất của mình: “On n’enseigne et ne peut enseigner que ce que l’on est” (dịch từng chữ là người ta chỉ dạy và chỉ có thể dạy cái mà người ta là). Câu này tôi phát hiện trong một quyển sách về giáo dục sức khỏe chứ cũng chưa phải là bàn đến chuyện cao hơn là giáo dục đạo đức. Nó chỉ muốn nói lên một sự thật “cũ như Trái đất” là nếu hành động không đi đôi với lời nói thì phá sản giao dục.

Còn lý thuyết về truyền thông thì dạy rằng trong giao tiếp chỉ có trên 30% là bằng lời nói, còn lại là không bằng lời. Từ điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt, tư thế, tiếng cười... “bắn ra” hàng trăm thông điệp - thường là vô ý thức - từ phía người nói, nhưng vô cùng “hiệu quả” từ phía người tiếp nhận.



Các nhà lý thuyết tâm lý xã hội ngày nay rất quan tâm đến một khái niệm cơ bản trong sự hình thành nhân cách của trẻ. Đó là khái niệm hình mẫu về các vai trò trong cuộc sống (vai trò cha, mẹ, vợ, chồng, thầy cô, con cái, lãnh đạo... ) trong tiếng Anh là role model. *Role* là vai trò, *model* là hình mẫu, người mẫu. Nghiệm cho cùng, nhân cách của chúng ta, suy nghĩ và hành động của chúng ta ngày nay là kết quả tổng hợp của nhiều cuộc gặp gỡ trong cuộc đời. Những người ta nể phục, yêu thương, gây ấn tượng sâu sắc và một cách vô ý thức ta bắt chước họ, còn những người không đáng phục gây thất vọng. Ấn tượng tiêu cực này nếu tích lũy nhiều sẽ làm mất niềm tin và tới phiên ta sẽ phản ứng bằng hành vi tiêu cực. Từ đứa trẻ, sự quan sát, tổng hợp, sao chép những suy nghĩ, giá trị, thái độ của người lớn - nhất là những người quan trọng nhất trong đời là cha mẹ, thầy cô - là một việc làm không ý thức. Càng không ý thức, ấn tượng càng sâu.

Bởi vậy ta có thể xem những người lớn là người mẫu trong cuộc đời của trẻ. Còn những người có ảnh hưởng đặc biệt, những người mà trẻ có những kỳ vọng đặc biệt ta hãy gọi họ là *siêu người mẫu*.

Trong quá trình hình thành nhân cách, trẻ nhìn ta cũng không khác nào khán giả nhìn vào người mẫu thời trang: từ đầu đến chân, từ sống mũi, ánh mắt tới dáng đi. Giữa người mẫu thời trang với người mẫu cuộc đời chỉ khác ở mấy điểm. Người mẫu thời trang thì có dịp mới trình diễn, còn người mẫu cuộc đời thì trình diễn liên tục. Họ luôn luôn “múa may” trước nhiều khán giả rất chăm chú mà họ không hay biết. Người mẫu thời trang trước khi trình diễn thì được tập dượt kỹ càng, được chăm chút sắc diện từng ly từng tí; còn người mẫu cuộc đời thì có người tự chăm chút nhưng cũng có người bầy hầy, diêm dúa mà tưởng rằng không ảnh hưởng tới ai.

Trong những nghề mà chức năng là tác động vào con người mà tôi biết như nghề tâm lý hay công tác xã hội, cơ bản nhất trong quá trình dạy nghề nghiệp. Thầy tôi hay nói : “nếu công cụ của thợ mộc là cái bào, của thợ nề là cái bay, thì công cụ của nhân viên xã hội chính là nhân cách của họ”. Và không gì khác hơn là chính nhân cách của bạn giúp người khác thay đổi hành vi. Tôi nghĩ nguyên tắc này cũng áp dụng cho nhà giáo thôi. Điều được các thầy tôi nhấn mạnh là cái phong cách ấy không phải là chiếc áo khoác vào để đóng kịch, mà nó xuất phát từ niềm tin sâu sắc, từ hệ thống các giá trị nhân bản và các quy điều đạo đức chức nghiệp. Do đó vai trò “người mẫu” của người dạy công tác xã hội ở lớp học cũng như ở hiện trường là tối thượng. Nó đòi hỏi một quá trình rèn luyện cam go, bằng những phương pháp đặc biệt. Quá trình này kéo dài suốt cuộc đời.

Trẻ nhìn vào ta như những “môđen” (người mẫu), ta nhìn những người trên ta như “siêu môđen”. Càng siêu, nghĩa là càng đứng ở vị trí cao trên sàn diễn cuộc đời, thì càng có nhiều cặp mắt nhìn vào. Diễn hay thì người xem sẽ nuôi mãi một ấn tượng vô cùng đẹp để làm động cơ thúc đẩy họ vươn lên. Còn nếu là “môđen thất kinh” mà đứng ở vị trí siêu sao thì cú sốc tạo ra gây chấn thương tinh thần cho cả một thế hệ hay nhiều hơn nữa !.

Nhiều người đề cập tới tình trạng phi chuẩn đáng lo ngại. Điều này đáng buồn nhưng không phải không có lối ra. Chỉ cần các người mẫu cuộc đời, các nhóm ngành nghề chuẩn hóa lại “lối diễn” của mình và hàng triệu “khán giả” trẻ sẽ chăm chú nhìn về phía họ. Nhiều tia lửa như sẽ làm thành ngọn đuốc.

Ai trong chúng ta lại không lớn lên bằng thần tượng, chỉ mong sao họ đừng sụp đổ. Ai trong chúng ta không mê thầy cô. Chỉ cần gặp được vài thầy cô thương yêu chúng, giỏi và gương mẫu, thì chúng suốt ngày nói với nhau về họ. Dĩ nhiên, chúng cũng không ngừng bàn về các “môđen thất kinh”. Có lần tôi nghe đám bạn của cháu tôi bàn về “con mẹ hiệu trưởng” của



chúng. Tôi kêu riêng cháu tôi dặn dò: “Con không được xưng hô như vậy”, nó trả lời : “Nhưng con mẹ không xứng đáng để gọi khác hơn”. May là chuyện đã qua khá lâu và con người ấy đã được “mắt dạy”.

Tiến lên công nghiệp hóa không chỉ cần đến chuyên gia này, kỹ thuật viên nọ, mà những con người Việt Nam cho thời đại mới. Cần phải cùng nhau vẽ cho được chân dung con người ấy, giáo dục mới có lối ra.

Mặc dù đời sống hết sức khó khăn mà vẫn còn số đông nhà giáo bám trụ. Không phải họ cần “bán sức lao động” để sống mà họ say mê cái sức mạng cao quý là giúp cho con em ta thành người.

(14-09-1997 Tuổi trẻ chủ nhật)

## THẦY, TRÒ - AI LÀ TRUNG TÂM ?

Triết lý và phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm (student centered learning) đang được ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước đang phát triển, đã trở thành một trong các nhân tố làm giảm bớt sự bất cập của giáo dục, nói rộng nội dung giáo dục (nhắm vào con người toàn diện), hình thức giáo dục (giáo dục phi chính quy, giáo dục từ xa...), xây dựng trường lớp một cách ít tốn kém... và một số nhân tố khác. Nhưng dù sao chất lượng giáo dục vẫn là cốt lõi, vì nó ít tốn kém lại hiệu quả nhất.

### Tạo sao lấy người học làm trung tâm?

Vì như các chuyên gia giáo dục nói, không ai có thể học giùm người khác. Nếu học là thay đổi về cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi (và kỹ năng) thì chỉ người học mới làm được điều đó. Các chuyên gia đề nghị tách biệt hai quá trình dạy và học. Ai đã từng dạy học đều thấy rõ điều này. Cũng một bài học mà học sinh trong lớp tiếp thu rất khác nhau. Thầy giỏi mà có một số trò vẫn dở như thường, hay thầy dở mà vẫn có một số trò xuất sắc.

Vậy thì còn cần tới thầy không? Rất cần. Ta có thể ví quá trình dạy và học như một cuộc sinh nở. Người mẹ là nhân vật chính yếu không ai thay thế bà để đẻ đứa con, nhưng bác sĩ sản khoa, nữ hộ sinh rất cần cho mẹ tròn con vuông. Nhưng trung tâm là sản phụ. Thầy đóng vai trò “bà đỡ” vậy.

Vai trò của thầy rất quan trọng mà khác xưa. Ông thầy “cổ điển” dạy theo kiểu tằm nhả tơ, phát ra những kiến thức thu thập được, quan tâm đến làm sao không “cháy giáo án” và làm sao học sinh thuộc bài để “trả bài” cho thầy. Càng giống như ý thầy, điểm càng cao. Học sinh không cần suy nghĩ nhiều mà phải nhớ nhiều.

Đối với người thầy kiểu mới, mối quan tâm lớn nhất là người học. Anh chị ta cần gì, đang ở vào trình độ nào, có những kinh nghiệm gì, quá trình ra sao? Ví dụ một bài học về “trẻ em là trái pháp luật”, đối với học sinh mới vào đại học, thầy phải đưa thật nhiều thí dụ cụ thể, còn đối với nhân viên xã hội có nhiều kinh nghiệm thì tổng hợp kinh nghiệm của họ và từ đó nâng thành lý luận cao hơn. Còn đối với nhân viên pháp lý thì làm sao cho họ thấy rõ khía cạnh tâm lý xã hội hơn. Học từ cái mình đã có, làm cho người học lý thú và tiếp thu một cách thiết thực, vững chắc hơn. Nếu nói giáo dục là “trồng người” thì rõ ràng người thầy kiểu mới là một nghệ nhân. Cũng như nghệ nhân cây cảnh biết “tính ý” của từng loại cây, biết xu thế phát triển của từng loại kiểng để uốn nắn theo một cái thể độc đáo. Dù là... cùng một giống nhưng không cây nào giống cây nào. Sản phẩm của học tập lấy người học làm trung tâm là những nhân cách tự tin, bản lĩnh và

sáng tạo, góp phần làm đẹp “vườn người” là xã hội. Không còn những con vẹt, những robot chỉ đầu làm dó hay được “lập chương trình” sẵn.

Một cách gọi khác của phương pháp giáo dục này là *giáo dục chủ động*.

### **Vậy còn gì là “tôn sư trọng đạo”?**

Còn chứ, mà khác đi. Thầy không còn áp đặt một sự tôn trọng theo lễ giáo máy móc, theo những nghi thức bên ngoài. Thầy không cần đứng trên bục cao, có thể hòa vào đám học trò mà không sợ “mất uy” vì uy tín của thầy xuất phát ở năng lực có thật. Phải lý thuyết thật vững, thực hành thật thông mới để cho trò tha hồ thảo luận mà không lạc đề. Thầy ít khi phải dùng đến kỷ luật vì trò tự mình bị lôi cuốn vào sự sai mê học tập. Một người thầy lấy người học làm trung tâm thì trước tiên và luôn luôn vì học sinh nên khó có thể thiếu đạo đức.

Làm thầy kiểu này rất khỏe mà cũng rất mệt. Khỏe bởi lẽ trò là người nói nhiều, làm nhiều: nhưng cũng rất mệt vì không trò nào giống trò nào, lớp nào giống lớp nào. Thầy luôn quan sát, lắng nghe, đánh giá xem tập thể học sinh, sinh viên trước mặt mình có những đặc điểm riêng và chung nào. Và dù giáo án có đó nhưng chỉ là cái khung, là chỗ dựa, cứ mỗi lần phụ trách một lớp là thầy có những lo âu của người thợ may đo.

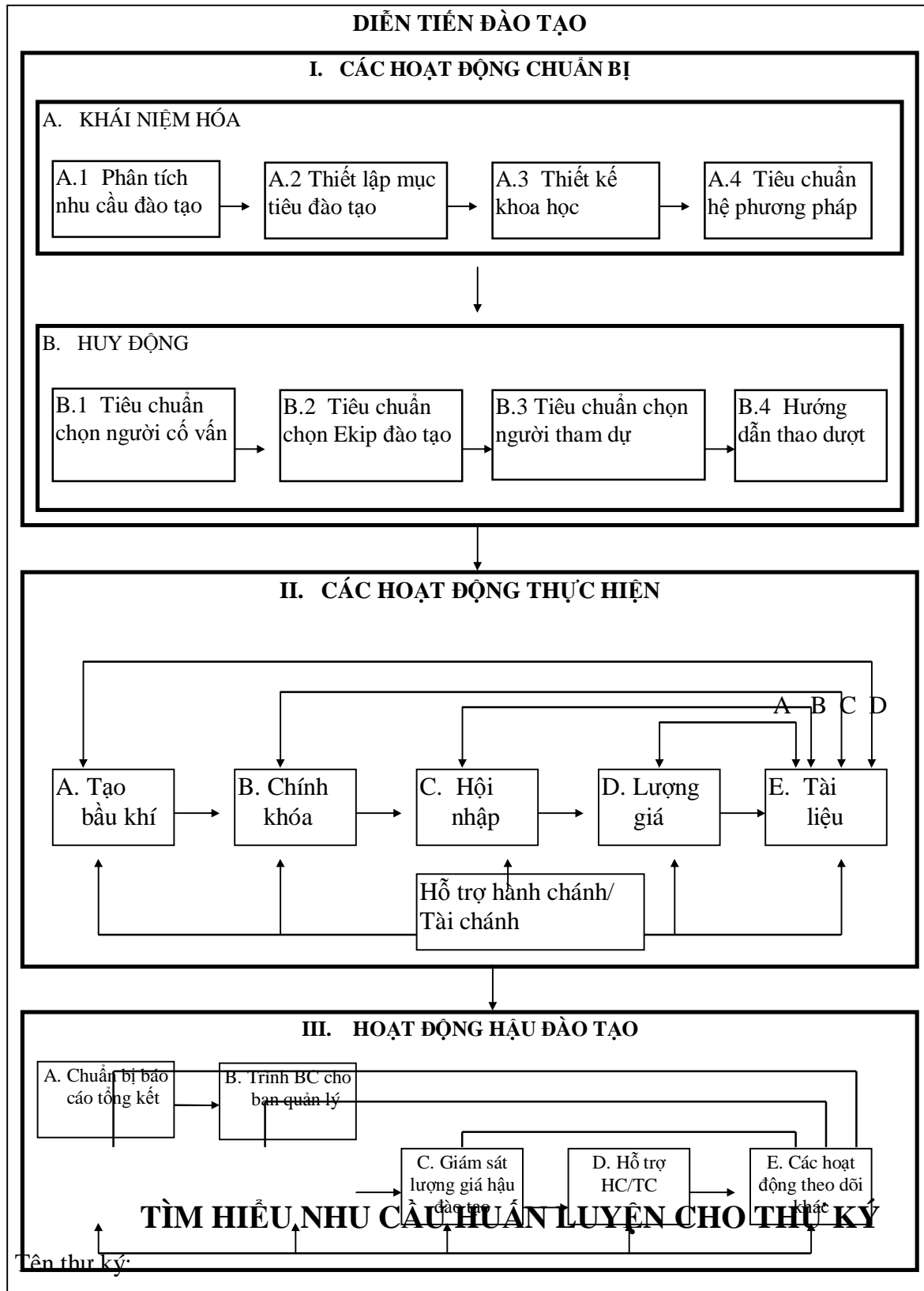
Mà niềm vui là điều to lớn nhất vì thầy cũng học thật nhiều từ kinh nghiệm quý báu của trò. Thật phấn khởi vì trò luôn luôn có những sáng tạo gây ngạc nhiên. Chỉ cần được đặt lên bệ là trò có thể phóng rất xa, xa hơn thầy. Trò hơn thầy là đều phải đến. Như người thầy thuốc đã chữa lành một bệnh nhân, niềm hân hoan to lớn của thầy là trò không cần đến mình nữa. Chứ không phải buồn vì mấy con vẹt nhồi nhét xong đã “trả” hết bài lại cho mình rồi “đường ai nấy đi”.

Tôn sư trọng đạo có thể được biểu lộ dưới nhiều hình thức như quà tặng ngày 20 - 11 hay những khẩu hiệu khách sáo nghe mãi chán tai: “Em sẽ cố gắng vượt khó khăn để không phụ lòng thầy cô”.

Điều vui nhất là nghe những lời như : “*Cô biết không, em thử đám học trò nhỏ góp ý nhiều hơn, em bớt lên gôn mà lắng nghe nhiều hơn, tự nhiên bầu không khí học tập đổi hẳn*”... “*Thầy biết không, em đổi hẳn phương pháp sinh hoạt ở nhà mở. Tin tưởng ở các em hơn, để cho các em lãnh trách nhiệm và giúp nhau học tập. Các em trưởng thành hơn nhiều. Nhờ thầy đó, thầy nhớ không năm X, thầy Y vào lớp, thầy cho tụi em chơi trò chơi xây nhà để khám phá tinh thần đồng đội đó. Em cũng làm vậy với các em*”.

Thầy ngẩn ngơ không nhớ ra mình đã làm gì vào lúc nào, nhưng thật sự vui vì những hạt giống mình gieo đã nảy mầm, chuẩn bị cho một xã hội trong đó sự tự chủ, sáng tạo của từng người được nâng lên. Khi nhớ lại quá trình thay đổi từ ông thầy độc *chính tả* tới ông thầy *chất xúc tác* cũng không phải là không gian nan.

(Tuổi trẻ chủ nhật 16-11-1997)



Đánh dấu bên cạnh các lĩnh vực mà quý vị thấy anh/ chị ấy cần được đào tạo thêm.

- Quan hệ con người.
- Truyền thông - văn phạm
- Truyền thông - nơi trước công chúng.
- Truyền thông - soạn thảo văn thư, bản ghi nhớ.
- Truyền thông - kỹ thuật, phép lịch sự trong giao dịch bằng điện thoại.
- Chuyên đáng trong giao tế.
- Trách nhiệm và nhiệm vụ thư ký.
- Lưu trữ hồ sơ.
- Quan hệ giữa xếp và thư ký
- Xử lý thư từ đến.
- Quản lý thời gian.
- Nhiệm vụ hành chánh - chuẩn bị các buổi họp hội nghị, sắp xếp phòng họp, ghi biên bản và các hoạt động có liên quan khác.
- Tổ chức công việc.
- Hoạt động khác (xin kể rõ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nguồn: Adres, Organizing a Training Program, 1986

## **NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐỐI THOẠI VỚI CỬ TỌA ĐÔNG NGƯỜI**

### **Phillips 6 - 6**

Sau một buổi hay một phần thuyết trình, muốn nắm phản ứng của người nghe, diễn giả thường đặt câu hỏi. Thực tế chỉ một số rất ít dám trả lời vì người ta ngại phát biểu giữa đám đông. Thường những người bạo dạn trả lời là những người “trội”, quen và thích nói trước quần chúng, đi đâu cũng gặp họ. Có khi điều này có thể gây thêm một phản ứng thụ động nào đó trong cử tọa.

Diễn giả có thể đề ra một hay nhiều câu hỏi khác nhau, yêu cầu từ 5 - 8 người cùng hàng xoay ghế thành vòng tròn để thảo luận trong 5 - 10 phút cùng một vấn đề, hay mỗi nhóm một vấn đề. (Trong trường hợp không ngồi ghế rời mà ngồi băng thì 2 hàng có thể quay mặt để đối diện với nhau). Sau đó, trở về vị trí cũ và đại diện các nhóm trình bày ngắn gọn kết quả thảo luận.

Phương pháp này do Phillips, một nhà giáo dục Mỹ đề ra, và để nhớ cách làm, người ta đặt cho nó cái tên “Phillips 6 - 6” (6 người trong 6 phút). Dĩ nhiên số người và thời gian có thể gia giảm nhưng không lên quá 8 - 10 người và phút. Phương pháp này còn được gọi là Buzz Session. Buzz là tiếng kêu vo vo của bầy ong. Thật vậy trong cử tọa vang lên một sự rù rì rất vui tai. Cử tọa trở nên sống động hẳn.

- Phương pháp này không nhằm đào sâu một vấn đề.
- Nó nhằm kích thích sự chú ý và tham gia của người nghe.
- Giúp diễn giả nắm trình độ và phản ứng của cử tọa.
- Huy động sự tham gia của tất cả.
- Làm cho thính giả lẫn diễn giả đỡ mệt nhờ thay đổi sinh hoạt.
- Gọn nhẹ, đỡ mất thời giờ vì khỏi rời phòng họp.

Không cần chờ tới cuối buổi thuyết trình nhưng giữa buổi, hoặc trước hay sau khi trình bày một khía cạnh quan trọng, diễn giả có thể nhân ra 10 phút để cử tọa thảo luận.

### **Những miếng giấy nhỏ**

Hình thức thông dụng nhất là sau một buổi thuyết trình, cử tọa được yêu cầu đặt câu hỏi trên giấy rồi gởi lên bàn chủ tọa.

Các “miếng giấy nhỏ” còn đáp ứng những mục tiêu khác. Ví dụ, trước khi định nghĩa một khái niệm, xác định một vấn đề, giảng viên yêu cầu chính mỗi người trong cử tọa làm việc đó bằng cách viết trên một miếng giấy nhỏ. Chỉ sử dụng giấy nhỏ vì phải trả lời theo kiểu liệt kê ý kiến, nếu ghi theo kiểu tổng hợp thì chỉ viết một, hai câu thật đầy đủ. Không được dài dòng. Ví dụ, câu hỏi đặt ra có thể là: “Lãnh đạo là gì?” “Tại sao dân chúng không tham gia chiến dịch vệ sinh vừa phát động trong khu xem?”, “Tại sao kế hoạch hóa gia đình khó áp dụng”.

Người trả lời khỏi đề tên. Như vậy rất tiện khi đụng chạm đến những vấn đề tế nhị.

Thay vì lấy ý kiến của cá nhân, có thể lấy ý kiến nhóm. Sau khi cá nhân ghi ý kiến của mình (không quá 3 -5 phút) thì họp lại trao đổi. Nhóm tổng hợp lại thành một câu trả lời chung (không quá 10 - 15 phút).

Giảng viên cho ghi lên bảng một số ý kiến cá nhân hay nhất hoặc tương phản nhau. Trong trường hợp lấy ý kiến nhóm, thì ghi ý kiến các nhóm. Dựa trên đó toàn thể thảo luận, đối chiếu, bổ sung rồi đúc kết thành ý kiến chung.

Phương pháp này làm cho

- ~ Tất cả đều tham gia.
- ~ Mỗi cá nhân đều phải tập trung suy nghĩ.
- ~ Cá nhân tự chuẩn bị và được kích thích để tham gia thảo luận một cách tích cực.
- ~ Ý kiến ghi xuống sẽ khó quên.

Có được nhiều ý kiến trong thời gian ngắn.

Phương pháp này có thể được sử dụng riêng hay kết hợp với nhiều phương pháp khác.

## THẢO LUẬN NHÓM

### 1. Một cuộc thảo luận nhóm thành công khi

#### a) Mục tiêu

- ~ Được cả nhóm xác định thật rõ và cụ thể.
- ~ Không ôm đồm, không lẫn lộn giữa nhiều mục tiêu khác nhau.
- ~ Là điểm quy tụ (thật đúng) các đối tượng mời.
- ~ Được giải quyết sau buổi thảo luận.

(Một vấn đề được làm sáng tỏ, một quyết định ra mang tính khả thi và tạo được sự quyết tâm thực hiện, một nội dung công tác mà ai cũng hiểu những kiến thức mới được tiếp thu, một mâu thuẫn được giải quyết v.v...)

#### b) Bầu không khí thuận lợi

- ~ Thoải mái, thân tình, cởi mở.
- ~ Tránh bầu không khí gượng gạo, do hình thức long trọng của hội nghị, những lời lẽ vào đầu văn hóa, bóng bẩy, khách sáo.
- ~ Có sự bình đẳng và chấp nhận lẫn nhau giữa nhóm viên.

#### c) Nhóm viên ra về thật thỏa mãn

- ~ Vì đã thu nhận được cái gì mới (kiến thức mới, nắm chắc nội dung công tác, đã thay đổi thái độ, nhận thêm tình bạn, tình đồng đội).
- ~ Vì đã đóng góp vào mục tiêu chung (về chuyên môn cũng như trong việc xây dựng nhóm).

#### d) Đúng giờ, không kéo dài quá 1 1/2 - 2 tiếng. Đúng chương trình nghị sự

### 2. Trưởng nhóm là người như thế nào? phải làm gì?

#### 2.1 Trưởng nhóm không nhất thiết phải là người:

- ~ Cao niên nhất <sup>(1)</sup>

---

<sup>1</sup> Các nhóm thiếu kinh nghiệm thường bầu ra những mẫu người này chỉ vì các tiêu chuẩn cao niên và nói hay mà không quan tâm đến khả năng chuyên môn và kỹ năng làm việc với nhóm. Họ lẫn át nhóm bằng những lời phát biểu huyền thuyên không gắn với mục tiêu và đưa nhóm đến bế tắc.

<sup>2</sup> Loại người này rất có ích nhưng vô tình làm suy giảm tiềm năng suy nghĩ của nhóm. Nên dùng họ như một thông tin viên (resource person) cho nhóm bên cạnh người trưởng nhóm.

<sup>3</sup> Loại người này trong vai trò trưởng nhóm có thể làm cho nhóm viên e dè, sợ hãi trong lúc rất cần ý kiến của tất cả. Sự hiện diện của các vị này cần thiết để lấy quyết định, nhưng tốt hơn hết là để cho một trợ lý điều động nhóm. Trong trường hợp triển khai, thì nên tạo mối quan hệ bình đẳng, bầu không khí thoải mái và áp dụng thật đúng các kỹ năng điều động nhóm thì buổi họp, mới có kết quả.

- ~ Nói hay nhất (1)
- ~ Biết tác cả về vấn đề thảo luận (2)
- ~ Có quyền lực cao nhất (3)

Nhưng nhất thiết phải là người:

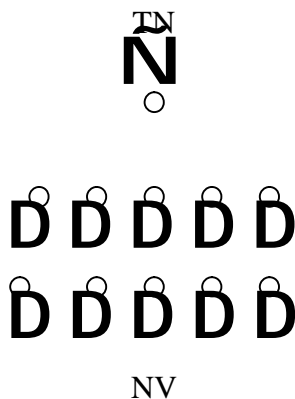
- ~ am hiểu vấn đề trong những nét cơ bản và khái quát nhất
- ~ (đề) tiếp thu và tổng hợp các ý kiến phát biểu mà không bóp méo.
- ~ biết tâm lý (năng động) nhóm để điều động có khoa học.
- ~ xác tín về tiềm năng nhóm trong việc đạt tới mục tiêu và “nén” mình để khơi dậy tiềm năng ấy.
- ~ dân chủ (trong thái độ thâm sâu và cung cách làm việc)

## 2.2 Những việc trưởng nhóm phải làm

### 2.2.1 Chuẩn bị buổi họp

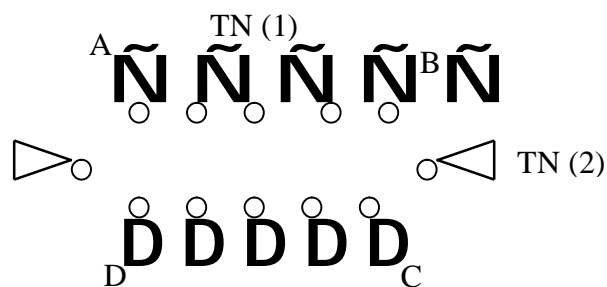
- Chuẩn bị nội dung (xác định mục tiêu, thu thập dữ kiện, hình dung trước những vấn đề nhóm sẽ nêu lên, cung cấp dữ kiện, tư liệu cho nhóm viên để họ chuẩn bị, đặt vấn đề riêng với một số hạt nhân tích cực để họ xới lên trong buổi họp ...)
- Chọn lựa thành phần họp sát với mục tiêu (để thảo luận nhóm thật có hiệu quả không nên quá 10 -12 người). Nếu cần chia thành nhiều nhóm).
- Khung cảnh: như trên đã gợi ý, và không nên coi thường việc xếp chỗ ngồi vì điều này ảnh hưởng đến thông đạt, đến tác động qua lại giữa các nhóm viên. Trưởng nhóm và nhóm viên phải thấy và nghe nhau.

Cách sắp xếp chỗ ngồi không tốt



TN quá cách biệt.

NV không thấy nhau.



TN (1) có thể không thấy A và B

TN (2) có thể không nghe A v2 D

A và B, C và D không thấy và khó nghe nhau. Tốt



### 2.2.2 Khởi đầu buổi họp

- Nếu chưa quen nhau: giới thiệu nhóm viên và chính mình (sau cùng) hay đề nghị nhóm viên tự giới thiệu.
- Tạo bầu không khí mới bằng chuyện vui hay vào đề một cách cụ thể sống động, từ một vấn đề thiết thân với nhóm viên (không kéo dài quá 2, 3 phút, không nói lang bang khách sáo kéo gây mất kiên nhẫn).
- Chính mình phải thật thoải mái, chân tình, nhóm viên mới thoải mái.
- Ân cần, quan tâm đến từng nhóm viên.
- Cùng nhóm viên xác định mục tiêu, chương trình nghị sự, thời gian dành cho từng phần và toàn bộ cuộc thảo luận (không quá 1 tiếng rưỡi hay 2 tiếng).

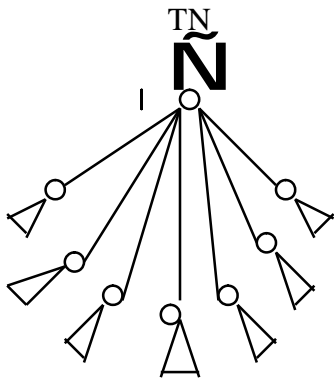
### 2.2.3 Trong buổi họp

- Biết điều động sự *tham gia tích cực* và *đồng đều* bằng:
    - + thái độ lắng nghe, am hiểu, khách quan.
    - + hỏi nhiều, chờ đợi, không vội trả lời, giải quyết thay nhóm viên.
    - + mời mọc bằng thái độ khuyến khích và bảo đảm an toàn cho người rụt rè (làm sao cho họ không sợ bị chê cười, bị phản ứng mạnh....)
    - + khéo léo ngăn chặn bớt những người nói nhiều, có khuynh hướng lấn át người khác (không làm được việc này sẽ gây chán nản và thụ động nơi các nhóm viên khác).
    - + không cúi xuống viết hoài mà theo dõi quan sát phản ứng của từng người (đối với nhóm viên khác, đối với bầu không khí, với diễn tiến thảo luận). Phải nắm được những cách biểu lộ không bằng lời nói:
      - thình lặn (đồng tình, tích cực, hay dừng dưng, lo ra, chống đối?)
      - cười (hứng thú hay chăm biếm) (“bạn cười, chắc bạn đồng tình, mời bạn phát biểu”)
      - thụ động, e dè nhưng thật ra muốn phát biểu mà không dám (“nãy giờ chưa nghe bạn góp ý, mời bạn”)
      - tuyệt đối không ép sự tham gia.
- (Thực tế ai cũng muốn tham gia và chính cách điều động là nhân tố làm tăng hay giảm sự tham gia.
- Tính thụ động không chỉ do cá tính của nhóm viên).
- Biết khai thác nội dung
    - + khơi mào bằng cách chính mình hay nhờ một nhóm viên nêu vấn đề vừa đủ để kích thích sự suy nghĩ, đặt ra nhiều câu hỏi.
    - + quan tâm tới sự thông đạt trong nhóm (vì thực tế hay có chuyện “ông nói gà, bà nói vịt”)
      - hỏi lại, làm sáng tỏ các phát biểu cho rõ ràng, bảo đảm tất cả đều hiểu một nội dung giống nhau.

- thỉnh thoảng lặp lại, tóm lược để làm rõ (mà không bóp méo theo ý mình).
- phát hiện những khác biệt, mâu thuẫn trong các phát biểu và giúp nhóm viên giải quyết rốt ráo.
- nối kết các ý kiến rời rạc thành hệ thống.

+ Tóm lại, kết luận là của toàn nhóm, mang tính hệ thống và một chất lượng mới, xuất phát từ những ý kiến của từng người (từ đường, bột, sữa phải ra 1 ổ bánh ngon, không óc trâu, không còn đường bột nguyên dạng, rời rạc).

### Thông đạt trong nhóm



không tốt : chỉ có thông đạt 2 chiều giữa TN và từng NV TN đóng vai trò hỏi - đáp

Không tốt: có không đạt nhiều chiều mà chỉ giữa một bộ phận của nhóm.

Tốt: thông đạt nhiều chiều có tương tác giữa tất cả các NV

#### - Biết điều động nhóm tới mục tiêu

+ Giúp nhóm tôn trọng diễn tiến: đặt vấn đề, thu thập dữ kiện, phân tích vấn đề, kết luận.

Không kết luận khi chưa phân tích, không phân tích khi chưa nắm hết dữ kiện.

+ Sau từng giai đoạn, chính mình hay nhờ thư ký đúc kết để qua giai đoạn mới.

+ Khéo léo kéo về chủ đề khi nhóm đi lạc đề.

+ Tôn trọng thời khóa biểu (thời gian dành cho từng phần của cuộc thảo luận).

#### 2.2.4 Kết thúc buổi họp

- ~ Nêu tóm tắt ý chính và xin sự đồng tình của các nhóm viên.
- ~ Nếu có biểu quyết, phải chính xác, nhanh gọn.
- ~ Quan sát thật kỹ xem nhóm viên có thật sự đồng tình, hài lòng về buổi họp hay tuân thủ lấy có.
- ~ Nếu lấy quyết định, triển khai công tác, kiểm tra xem ai này có thật sự nắm vững nhiệm vụ của mình hay không?

### **3. Nhóm viên phải làm gì?**

- ~ Chuẩn bị buổi họp bằng cách suy nghĩ, thu thập dữ kiện trước.
- ~ Đúng giờ.
- ~ Lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác.
- ~ Chân thành đóng góp, không rụt rè, khách sáo.
- ~ Có kỷ luật, tự chủ trong phát biểu: không đi ngoài đề, phát biểu đúng chỗ, đúng lúc, không nói dài, tập diễn tả rõ ràng, xúc tích.
- ~ Phản ứng với ý kiến đưa ra, không nhắm vào cá nhân.
- ~ Tạo điều kiện cho mọi người tham gia.
- ~ Nói hết điều mình nghĩ để tránh tối đa những xì xào ngoài buổi họp.

### **4. Lượng giá buổi họp**

Nên có thói quen lượng giá buổi họp theo các điểm nêu ở phần 3.1 hay theo các mẫu khác nhau, tùy nhu cầu.

## LƯỢNG GIÁ BUỔI THẢO LUẬN NHÓM\*

Nhóm :  
 Đề tài:  
 Ngày:  
 Trưởng nhóm:

Xin đánh dấu X ở cột đúng ý bạn. Thang điểm 1 - quá kém, 2 - kém, 3 - trung bình, 4 - khá, 5 - khá lắm.

### A. Về buổi họp

1) Bầu không khí chung thuận lợi đến mức nào? (thoải mái, cởi mở, thân mật, thuận lợi cho sự diễn tả tư tưởng hay gương gạo căng thẳng).

2) Mục tiêu buổi họp đạt đến mức nào? (vấn đề nêu lên được giải quyết, kết luận thiết thực, nhóm viên học hỏi thêm, hay có thay đổi).

3) Thông đạt (tư tưởng được diễn tả rõ ràng, có sự thông cảm, hiểu nhau vấn đề được đào sâu, tư tưởng nhóm viên được khai thác, nối kết).

4) Thái độ nhóm viên (lắng nghe, chấp nhận và tôn trọng lẫn nhau, không phê phán, biết khuyến khích lẫn nhau).

5) Sự tham gia tích cực và đồng đều của nhóm viên. (về lượng như phẩm, không những tất cả đều có tham gia nhưng tham gia đồng đều và đóng góp vào việc xây dựng nhóm và đưa nhóm tới mục tiêu).

### B. Về trưởng nhóm

6) Thái độ (lắng nghe - khách quan - vô tư - khuyến khích nhóm viên, dân chủ).

7) Biết điều động buổi họp (làm sáng tỏ vấn đề - huy động sự tham gia - đúc kết tư tưởng - dung hòa ý kiến - đưa nhóm đến mục tiêu).

### C. Về chính bạn

8) Lắng nghe, chấp nhận, không phê phán và cố gắng hiểu ý kiến của các nhóm viên khác.

9) Cởi mở và thẳng thắn nói lên ý kiến của mình.

	T.T		T.Đ		
	1	2	3	4	5

\* Để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng thảo luận nhóm, sau buổi thảo luận các nhóm có thể tự lượng giá theo mẫu trên đây. Mỗi nhóm viên phê vào thang điểm, trưởng nhóm lấy điểm trung bình của từng mục và của toàn buổi họp. Sau đó toàn nhóm thảo luận thêm về kết quả lượng giá.

10) Giúp nhóm tiến tới mục tiêu (Góp ý kiến, sáng kiến, nhắc nhở nhóm trở lại đề tài, khuyến khích nhóm viên khác, đúc kết tư tưởng, làm sáng tỏ vấn đề, v.v....

--	--	--	--	--

**D. Xin bạn vấn tắt nêu lên ưu và khuyết điểm của buổi họp hoặc giải thích lý do phê điểm của bạn.**

**E. Bạn có những đề nghị gì để cải tiến chất lượng thảo luận nhóm?**

## **PHƯƠNG PHÁP ĐỘNG NÃO (BRAINSTORMING)**

### **1. Mục đích**

Brainstorming đã trở thành một danh từ quốc tế được sử dụng nguyên dạng ở các nước trên thế giới. Tên gọi này cũng gợi ý cho ta về mục đích của phương pháp. Brain là não, storm là bão táp.

Mục đích của Brainstorming không phải là lấy quyết định hay giải quyết dứt điểm một vấn đề. Nó là khâu đầu tiên trong tiến trình giải quyết vấn đề.

Trước một vấn đề còn mới mẻ, hay để tìm một lối ra khỏi cách giải quyết vấn đề theo đường mòn, người ta dùng Brainstorming để có được càng nhiều ý kiến càng tốt, kể cả những ý kiến “ly kỳ” nhất. Mục đích là kích thích sự suy nghĩ sáng tạo và không bỏ sót bất cứ một khía cạnh nào.

Qui định quan trọng nhất là không được có một phê bình nào về những điều được phát biểu cho dù có thể có những ý kiến kỳ quặc nhất, vì nếu có phê bình thì người tham dự chỉ dám nói ra những ý kiến “an toàn” thôi, và sẽ không có đột phá.

### **2. Cách thực hiện**

2.1 Người hướng dẫn trình bày vấn đề đặt ra, càng cụ thể, càng rõ ràng càng tốt.

Kế đó, trình bày quy định và phương cách thực hiện cuộc họp. Tất cả không quá 15 phút.

2.2 Các nhóm viên (không quá 10 người), chuẩn bị tư tưởng và nếu có thể, liệt kê ý kiến trên giấy. Trong vòng 5 phút trở lại, mỗi người luân phiên nêu lên tất cả ý nghĩ xảy ra trong đầu mình xung quanh vấn đề đặt ra. Không bình luận chi li mà liệt kê là chủ yếu. Không ai được cắt đứt người phát biểu. Không sợ sự trùng lặp các ý kiến.

2.3 Người hướng dẫn không xen vào nội dung được phát biểu, nhưng chỉ tổng hợp các ý kiến này. Những ý kiến được trùng lặp nhiều, nêu lên khía cạnh nổi cộm nhất của vấn đề, hoặc có những ý kiến mới lạ mà tập thể có thể xem như một hướng đột phá. Các thành viên có thể tiếp tục gợi ý kiến lại nếu về nhà tiếp tục “động não”. Không cần thiết phải có thảo luận. Ở đây tác dụng của nhóm là sự gợi ý khi nghe người khác phát biểu. Cuộc động não chỉ chuẩn bị cho những công việc kế tiếp. Ví dụ, nêu lên những nội dung cần lần lượt thảo luận, đào sâu để tìm ra giải đáp cho vấn đề. Trong quản lý, các buổi họp định kỳ có khi thay vì đặt sẵn chương trình nghị sự, thì làm brainstorming trước, sau đó căn cứ trên kết quả động não mà xây dựng chương trình nghị sự.

### **3. Những điều kiện để thực hiện tốt**

3.1 Các thành viên có những kinh nghiệm khác nhau để làm cho cuộc họp được phong phú, nhưng ngang ngang nhau về vị trí và năng lực. Sự hiện diện của mỗi người quá trội sẽ có thể làm cho các thành viên khác ngại phát biểu.

3.2 Bầu không khí phải hết sức thoải mái

3.3 Nên có những thư ký ghi chép đầy đủ vì việc tổng hợp ý kiến có thể làm kỹ hơn sau buổi họp. Hoặc có thể dùng máy ghi âm nếu nhóm viên không ngại.

3.4 Người hướng dẫn phải có tay nghề vững.

## **PHƯƠNG PHÁP SẴM VAI (ROLE PLAYING)**

### **1. Nguồn gốc xuất phát và định nghĩa**

Role playing, cũng như một số phương pháp khác hiện nay đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới, vẫn giữ nguyên các tên gốc của nó. “Role” là vai trò, “play” là một trò chơi hay một vở kịch. Role playing xuất phát từ một phương pháp trị liệu của nhà tâm lý học Meréno. Nhờ diễn lại trạng huống xã hội mà mình đang sống, bệnh nhân thức tỉnh và bệnh tình của mình, biểu được những nguyên nhân, vấn đề đã tác động vào, nhờ đó cộng tác vào quá trình chữa bệnh một cách tự giác. Từ đó xuất phát “kịch tâm lý” (Psychodrama). Phương pháp này rất tế nhị, đòi hỏi tay nghề cao của một nhà tâm lý học và mục đích của nó là làm bộc lộ và phân tích những vấn đề tâm lý sâu sắc của cá nhân. Kịch Xã hội (Sociodrama) thường được nhắc đến bằng cái tên thông dụng hơn là Role playing, là một dạng ứng dụng đơn giản hóa của Kịch tâm lý, nhằm nêu lên những trạng huống xã hội và những vấn đề về mối quan hệ giữa người và người trong đó. Role playing không giống một vở kịch thường với một kịch bản sáng tác theo cảm hứng. Nó diễn lại một tình huống có thật trong cuộc sống nhằm giúp người tham dự thể nghiệm một cách sinh động những vấn đề mà sách vở, thuyết trình, thảo luận không nêu bật được.

### **2. Cách thực hiện**

2.1 Một lớp hay nhóm học tập, trước khi thảo luận về một đề tài, thực hiện một đoạn diễn nhỏ về chủ đề. Từ 2-5 người tự nguyện hay được chọn đề “nhập vai”, số còn lại người xung quanh làm khán giả. Số này phải quan sát thật kỹ, nếu cần ghi chép để thảo luận sao đó.

2.2 Chủ đề được chọn theo yêu cầu học tập: một trạng huống, một vấn đề có thật trong cuộc sống. Không có kịch bản mà chỉ có diễn tiến của câu chuyện hay vấn đề được người hướng dẫn trình bày.

Nội dung câu chuyện tùy theo yêu cầu học tập. Có thể là:

- Câu chuyện xảy ra giữa một em bé 4 tuổi đang nhõng nhẽo để đòi hỏi sự chú ý của mẹ, trong lúc mẹ là một nhà hoạt động xã hội đang quá bận bịu.

- Cuộc tiếp xúc giữa một cán bộ Đoàn và một thanh niên thất nghiệp tìm việc làm.

- Cuộc đối thoại giữa thủ trưởng và nhân viên cấp dưới trong một cơ quan.

- Một cuộc họp lấy quyết định về một trường hợp khó xử.

- Cuộc tiếp xúc giữa nhân viên vận động sinh đẻ có kế hoạch và gia đình đối tượng.

- Một điều tra viên và đối tượng được phỏng vấn.

2.3 Kịch bản được chính mình nhập vai vừa diễn vừa sáng tác. “Diễn viên” phải suy nghĩ thật kỹ về đặc tính tâm lý, cách cư xử, lời ăn tiếng nói của nhân vật. Diễn càng thật (không cương), càng thoải mái càng tốt. Ở đây lấy thuật diễn không

2.4 Người hướng dẫn khi phân vai, chỉ cho biết vai trò mà từng người phải đóng, và nét lớn của diễn tiến câu chuyện. Nhưng đối với từng diễn viên thì cho biết (riêng) về mục tiêu phải đạt và đặc tính tâm lý của nhân vật. Các diễn viên không biết đặc tính của nhau. Như thế sự việc xảy ra mới gần với thực tế vì giữ được sự hồn nhiên của các đối đáp, các mối tương tác lẫn nhau.

2.5 Người hướng dẫn phải biết “cúp” vở diễn đúng lúc cao điểm, mang tới đầy đủ chất liệu cho cuộc thảo luận. Không để cho vở kịch sượng.

2.6 Tất cả trở lại chỗ cũ để thảo luận. Có thể đặt những câu hỏi cho cả người diễn lẫn người xem.

- Diễn viên nhập vai tốt không, có phản ánh được thực tế cuộc sống không?
- Diễn tiến vở diễn có lô-gich không hay lẽ ra phải phát triển theo một hướng khác?
- Từ vở này, chúng ta học được gì về cách xử sự giữa người và người?
- Có những giải đáp nào cho vấn đề đặt ra?
- v.v...

### 3. Lợi ích của Role playing

3.1 Đây là phương pháp hữu hiệu nhất để soi sáng về những vấn đề trong mối quan hệ giữa người và người.

- Nhập vai người khác bắt buộc ta phải suy nghĩ rất ráo về họ, và từ đó biết đặt mình vào vị trí của người khác, thấu hiểu tâm trạng, hành vi và động cơ của họ. Từ đó mới có cách xử sự hợp lý.

- Quan sát người khác đóng vai trò của mình, thì cũng sáng mắt về chính mình.
- “Biết người, biết mình trăm trận trăm thắng”.

3.2 Role playing gây thức tỉnh về những trạng huống mà các phương pháp khác không làm được. Sự thức tỉnh này giúp cho đương sự quyết tâm tự sửa chữa một cách nhẹ nhàng.

Có khi nó có hiệu quả hơn những cuộc phê, tự phê nặng nề về tính cách “ăn thua đủ” giữa cá nhân với nhau.

3.3 Đây là một cách học vui, sinh động, để lại cho ta những bài học nhớ đời.

## SÂN KHẤU QUẦN CHÚNG, CÔNG CỤ CỦA PHÁT TRIỂN

### 1. Tại sao cần có sân khấu quần chúng?

- Để giải trí: có thể thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân.
- Phương tiện truyền thông bằng ngôn ngữ của địa phương: thu hút những người bị loại ra ngoài cuộc từ các hoạt động phát triển: người nghèo, người mù chữ...



- Hình thức đề học: người dân nói lên tiếng nói của họ, sự hiểu biết và cảm nhận của họ trước các vấn đề.
- Phương tiện truyền thông rõ ràng.
- Sản phẩm của địa phương dựa trên tiềm năng của chính họ.
- Hình thức thể hiện theo ngẫu hứng của giới bình dân dựa trên tài nguyên văn hóa và sự sáng tạo của chính họ (kỹ năng hay kỹ thuật mới đưa vào sẽ tạo sự tùy thuộc). Đó là điểm khởi động cho sự giác ngộ.
- Phương tiện tự thể hiện, khuyến khích sự tham gia, giúp họ khám phá ra chính họ và tự tin.
- Mã hóa thực tại, đưa ra các vấn đề và kích thích tranh luận.
- Truyền thông sống động kích thích sự tương tác giữa người diễn và người xem.
- Hoạt động công cộng hay xã hội lôi kéo người dân đến với nhau, tạo tiềm lực cho suy nghĩ tập thể, lấy quyết định, tổ chức và hành động.

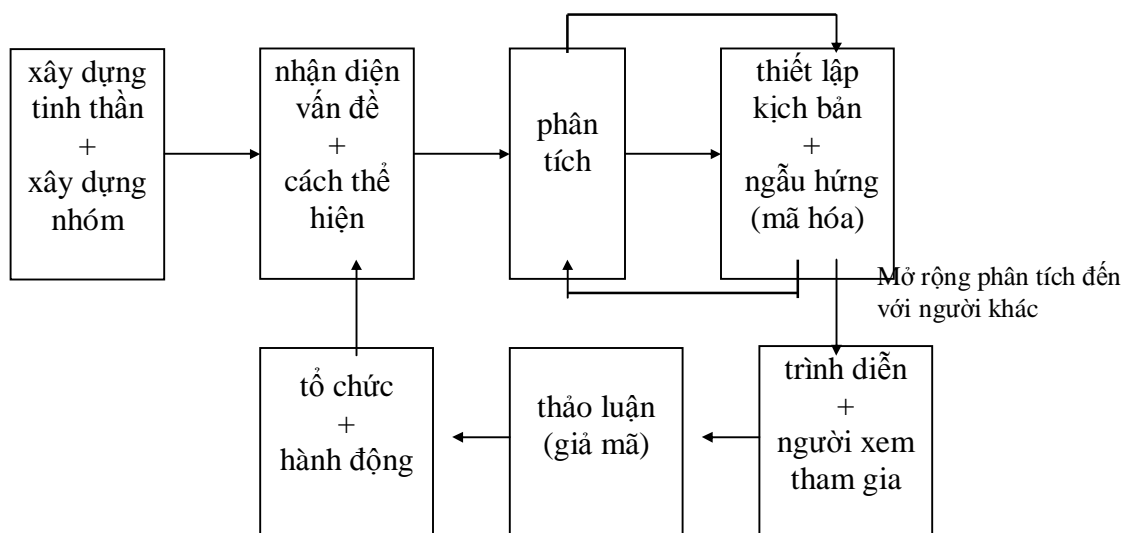
## 2. Sân khấu quần chúng không phải là:

- Các màn trình diễn cố định cho các chương trình của nhà nước (kế hoạch hóa gia đình, khuyến nông...).
- Các màn trình diễn của những người có học thức.
- Các thông điệp được soạn trước bởi các chuyên viên dành cho người xem thụ động: thuyết phục hơn là gây tranh luận, kết thúc hoàn chỉnh hơn là nêu ra vấn đề, để người xem kết luận: đây là cơ cấu truyền thông trên - dưới. Nếu có tổ chức thảo luận sau buổi diễn cũng chỉ là một kỹ thuật phản hồi để biết người xem có hiểu thông điệp không hơn là phương tiện kích thích tìm hiểu vấn đề. Người xem được coi là những cá nhân riêng lẻ hơn là một tập thể tương tác lẫn nhau.

## 3. Sân khấu quần chúng là gì?

- Là một tiến trình giáo dục hơn là một sản phẩm được là sẵn, xuất phát từ sự liên đới, tương tác trong sự đóng góp ý kiến.
- Sự tham gia vừa là phương tiện vừa là mục tiêu.
- Hoạt động phản ánh các vấn đề của người dân, mối quan tâm và khát vọng của họ.
- Hoạt động tập thể kích thích sự tương tác, nói lên quan điểm, hợp tác với nhau, lấy quyết định, phát triển sự hình thành các nhóm.
- Tiến trình gây giác ngộ.
- Hình thức tạo tự tin giúp người dân vượt qua được các mặc cảm và lo sợ.
- Là một phần của tiến trình tổ chức, xây dựng nhóm hoặc thiết lập một sự thống nhất trong cộng đồng (qua liên kết giữa các nhóm và cùng hành động).

#### 4. Mô hình tiến trình sân khấu quần chúng:



Bước 1: Thường gặp khó khăn khi tác viên có khuynh hướng đưa các yếu tố bên ngoài vào cộng đồng, làm giới hạn sự tham gia của họ.

Bước đầu thường bắt đầu bằng việc trao đổi các bài hát, tác viên học các bài hát của họ. Hai bên cùng tổ chức các trò chơi, kèm theo ca hát dân gian trong các buổi sinh hoạt cộng đồng.

Các trò chơi dần dần sẽ được tác viên khéo léo chuyển thành vài cuộc sắm vai đơn giản khi có tình huống và vấn đề mà buổi sinh hoạt nêu ra (tác viên cần có kỹ năng sinh hoạt và biết nắm bắt thời cơ). Những lần sắm vai theo ngẫu hứng này sẽ là khởi điểm cho tiến trình sân khấu quần chúng và là khởi điểm cho tiến trình gây ý thức.

Bước 2: Tập dượt thay đổi: sân khấu như là sự giác ngộ.

Bước này giúp cho người dân tham gia để:

- có sự hiểu biết về các nguyên nhân của vấn đề nào đó.
- khắc phục các mối lo ngại và viện lý lẽ, học tập để tự vươn lên.
- giải quyết các mâu thuẫn và căng thẳng giữa họ với nhau và xây dựng nhóm đồng nhất.
- phát triển sự tin tưởng nơi khả năng thay đổi của họ.

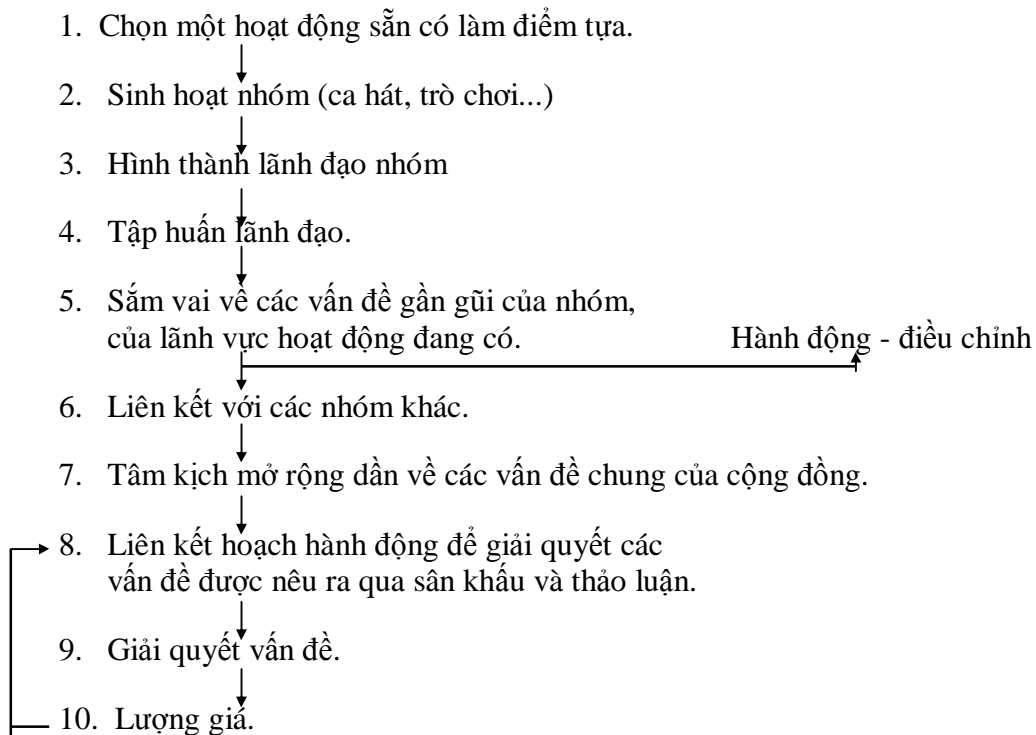
Đây là giai đoạn mã hóa - sắm vai và tiến trình thảo luận và phân tích các vấn đề - là giai đoạn chính. Mã hóa và giải mã có khi là hai khâu tách biệt: tác viên mã hóa và người dân không được tham gia và chỉ tham gia vào khâu giải mã theo khung của tác viên ấn định sẵn. Như thế thì tầm nhìn của vấn đề bị giới hạn.

Tâm kịch là một công cụ phân tích xã hội. Những thông điệp mã hóa không cố định, có thể được thay đổi. Tâm kịch trở thành một tấm gương làm nổi lên các mâu thuẫn, trải nghiệm ý tưởng chuẩn bị cho bước hành động.

Tâm kịch được sử dụng cho việc thử nghiệm các chiến thuật khác nhau để thay đổi tình hình và qua đó nêu lên các hậu quả của các chiến thuật đã ứng dụng hoặc những cản trở cho sự thay đổi. Tiến trình hình thành kịch bản - làm đi làm lại - trở thành tiến trình gây nhận thức và tiến trình này không dừng lại mà càng lúc càng đi sâu vào vấn đề.

Tâm kịch được sử dụng như phương tiện quyền lực của truyền thông hàng ngang, đảm nhận các vai trò như nhau: thu hút người dân đến với nhau, tạo sự thống nhất trong tổ chức, thúc đẩy sự tham gia và chia sẻ kinh nghiệm của họ, những quan tâm và khát vọng, khắc phục mặc cảm, lo sợ và tạo tự tin cho họ.

## 5. Tiến trình tổ chức



## 6. Vai trò của tác viên

Tác viên phải là người có khả năng tổ chức được cái chưa được tổ chức (từ cái chưa có gì). Tác viên là người biết:

- Tạo sự can đảm vì tự tin nơi người khác.
- khuyến khích sự lãnh đạo và tự quản lý của chính họ. (đừng bảo họ phải là gì).

Tác viên bên ngoài cần chọn tác viên của cộng đồng và đào tạo họ.

Vai trò của tác viên là vai trò phía sau hỗ trợ hơn là vai trò phía trước và cũng không phải là vai trò lèo lái.

## 7. Kết luận

Sân khấu quần chúng là một tiến trình năng động giúp nhận thức những vấn đề của cuộc sống và tập luyện cho một kế hoạch thay đổi để nâng chất lượng cuộc sống. Đúng vậy, sân khấu quần chúng làm tăng quyền lực và thay đổi có tính chất cấu trúc.

Nhưng nó sẽ không đạt mục tiêu nếu chỉ nêu vấn đề mà không có sự cố gắng nào để thay đổi hoặc nó sẽ vô ích nếu người dân không được phép thay đổi cuộc sống của họ.

Nguyễn Ngọc Lâm

## PHÂN DIỄN GIẢI

### 1. Tại sao sân khấu quần chúng là phương tiện truyền thông tốt?

- Hiểu rõ cuộc sống hơn.
- Giao tiếp với nhau dễ dàng hơn
- Tìm ra giải pháp cho vấn đề.

### 2. Tạo sao sân khấu quần chúng dễ thực hiện?

- Ai cũng là diễn viên
- Ai cũng thích bắt chước người khác.
- Ai cũng đều muốn nói cho mọi người biết sự kiện xảy ra.

### 3. Các yếu tố trong sân khấu quần chúng

3.1 Chủ đề : nên có một chủ đề.

3.2 Cốt chuyện: chuỗi các hành động kịch tạo kịch tính, cần có những mâu thuẫn (để gây chú ý).

3.3 Không cần giải quyết vấn đề được đặt ra. Không nhấn nhủ đạo đức, không giải thích phải trái cho nhân vật.

3.4 Nhân vật : cần có đối kháng, tương phản

3.5 Diễn viên: không cần kịch bản, chỉ cần sống thực với nhân vật (có thể tập trước về vị trí và động tác, khi nào bắt đầu, khi nào đi ra).

3.6 Y trang: không vụn vặt, đơn giản.

3.7 Khán giả: ngồi vòng tròn hoặc hình bán nguyệt xung quanh diễn viên sau màn diễn, khán giả có thể xin diễn.

3.8 Thảo luận nhóm: chính các diễn viên sẽ điều động cuộc tranh luận.

\* Nhắc lại câu chuyện:

- cái gì đã xảy ra?
- xảy ra như thế nào?
- đó là vấn đề gì?

\* Phân tích câu chuyện:

- tại sao xảy ra?
- cái gì sinh ra chuyện?

- tại sao nhân vật buồn, vui, giận...?

\* Tìm giải pháp cho vấn đề:

- phải làm gì?

- làm như thế nào?

- ai làm?

- khi nào làm?

3.9 Thời gian diễn: không quá 15 phút.

3.10 Nơi và lúc nào? do người dân chọn.

## BẢNG LƯỢNG GIÁ MÔN GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN

Tên: \_\_\_\_\_

Lớp: \_\_\_\_\_

- So với yêu cầu mà chính bạn đề ra từ đầu, bạn thấy thỏa mãn ở mức độ nào?  
- dưới 50% \_\_\_\_\_ 71 - 80% \_\_\_\_\_  
- 51 - 60% \_\_\_\_\_ 81 - 90% \_\_\_\_\_  
- 61 - 70% \_\_\_\_\_ 91 trở lên \_\_\_\_\_
- Hãy kể 3 điều tâm đắc về nội dung lý thuyết và cho biết tại sao (xúc tích ngắn gọn): (bạn có thể sử dụng mặt sau)
- Hãy kể 3 điều mà bạn đã thực hiện trong cuộc sống và công việc từ gốc độ phương pháp từ khi học môn này (bạn có thể sử dụng mặt sau)
- Hãy nêu lên những ý kiến đóng góp để môn học này được thực hiện tốt hơn nữa (bạn có thể sử dụng mặt sau).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Andres, Thomas D., *Organizing a Training Program* (tổ chức một chương trình đào tạo), New Day Publishers, Que on city, 1986.
- Arwold Et Al., *Educating for Change* (giáo dục để đổi mới). Doris Marshall Institute for Education and Action, Ontario, 1991.
- Asian Development Bank. Education and Development in Asia and The Pacific (Giáo dục và Phát triển ở Châu Á Thái Bình Dương). Manila 1991.
- Conference Modiale sur l'Education pour Tous. Déclaration Mondiale sur l'Education pour Tous (Tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người) 5.3/3/1990, fontier, Thái Lan.
- EDUCATION FOR SOCIAL CHANGE (Giáo dục để tạo chuyển biến xã hội) Report of a study Seminar at the Indian Social Institute Training Center, Bengalore 29 April - May, 1972.
- ELLIS, Steven K. HOW TO SURVIVE A TRAINING ASSIGNMENT (làm thế nào để hoàn thành tốt một nhiệm vụ huấn luyện) Addison - Wesley Publishing C<sup>o</sup>, New York, 1988.
- Franco, Ernesto A., Training (đào tạo), The Franco Institute, Manila, 1991.
- FREIRE, Paulo, PEDAGOGY OF THE OPPRESSED (Sự phạm cho người bị áp bức), Continuum, New York, 1984.
- Gillet, Piene, Coustruira la Fomation (xây dựng việc đào tạo), ESF, Paris, 1991.

10. HOW TO TEACH ADULTS (Giảng dạy cho tráng niên), Adult Education Association of the USA, Chicago, 1959.
11. KIDD, J.R., HOW ADULDS LEARN (Người lớn tuổi học như thế nào) Association Press, New York. 1975.
12. MUCCHIELLI, Roger, LES METHODES ACTIVES DANS LA PEDAGOGIE DES ADULTS (Các phương pháp chủ động trong sư phạm cho người lớn tuổi), Editions ESF, Paris, 1985.
13. NGUYỄN THỊ OANH, GIÁO DỤC CHỦ ĐỘNG, Phòng Nghiên Cứu Công Tác Xã Hội, Hội tâm lý học thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
14. NGUYỄN THỊ OANH, PHÁT TRIỂN CÔNG ĐỒNG, Khoa Phụ Nữ học, Đại Học Mở - Bán Công thành phố Hồ Chí Minh, 1995. (Chương VI: Giáo dục công đồng).
15. PRETTY and Others, A TRAINER'S GUIDE FOR PARTICIPATORY LEARNING AND ACTION (Quyển chỉ dẫn người đào tạo về học tập và hành động có sự tham gia), International Institute for Environment and Development, London, 1995.
16. RAE, Leslie, HOW TO MEASURE TRAINING EFFICTIVENESS (Cách đo lường hiệu quả đào tạo), Gower, England, 1987).
17. TUNG PALAN, Ma. Theresa V., COMMUNITY EDUCATION: WONCEPTS, PROCESSES, METHODS AND EXPERIENCES (Giáo dục cộng đồng: khái niệm, diễn tiến, phương pháp và kinh nghiệm) - Series T., REDO, CSWCD, UP, Diliman, 1991.
18. World Bank, Education (Giáo dục), Sector Policy Paper, April 1980, Washington D.C, U.S.A.